Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐT2																	
15442	Phạm Minh Phương	10-10-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029194	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15443	Hà Xuân Quí	06-01-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029195	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15444	Lê Văn Quỳnh	27-02-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029196	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15445	Lê Xuân Tâm	10-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029197	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15446	Nguyễn Đức Tâm	19-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029198	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15447	Mai Lý Thanh	01-02-88			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029199	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15448	Đoàn Thị Thơm	16-05-88	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029200	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15449	Chu Văn Thuân	09-11-88	Nam		VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029201	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15450	Phùng Văn Thuần	03-02-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029202	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15451	Trần Thu Thủy	12-09-89	Nữ		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029203	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15452	Nguyễn Minh Tiến	06-10-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029204	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15453	Nguyễn Văn Tỉnh	10-11-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029205	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15454	Trần Quang Tín	26-09-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029206	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15455	Trần Văn Toán	18-06-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029207	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15456	Nguyễn Xuân Trường	13-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029208	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15457	Nguyễn Khắc Tuấn	12-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029209	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15458	Đào Xuân Tuấn	23-01-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029210	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15459	Phạm Văn Tùng	14-05-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029211	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15460	Phạm Anh Tùng	27-06-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029212	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15461	Nguyễn Văn Việt	11-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029213	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15462	Phạm Đăng Việt	15-01-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029214	1334-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐT2																	
15463	Nguyễn Thị Vui	29-09-90	Nữ	Kinh	VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	17	Giỏi	CQ	A029215	1334-19/07/2011	19/07/2011	5/9/2011	Vui	031672573
15464	Dương Văn Vũ	29-01-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029216	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15465	Trần Văn Yên	14-09-85			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029217	1334-19/07/2011	19/07/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Xây dựng cầu đường bộ

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB10																	
15466	Hoàng Việt Anh	21-08-89	Nam		VN	Tỉnh Thái	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	A029218	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 58CĐB6																	
15467	Đoàn Văn Biên	25-08-88	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	A029210	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 58CĐB7																	
15468	Vũ Đại Dương	06-10-89	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	A029219	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 58CĐB8																	
15469	Đỗ Ngọc Tuân	19-08-87	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	A029221	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB10																	
15470	Đỗ Tuấn Anh	04-09-89	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029222	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15471	Bùi Văn Anh	08-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029223	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15472	Bùi Tuấn Anh	28-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029224	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15473	Lê Duy Chính	01-05-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029225	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15474	Phan Văn Chung	17-08-88			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029226	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15475	Nguyễn Đức Đại	12-12-87			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029227	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15476	Khổng Văn Đạo	14-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029228	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15477	Nguyễn Duy Đoàn	25-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029229	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15478	Lê Minh Đức	19-05-90			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029230	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15479	Đinh Xuân Hải	06-09-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029231	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15480	Đinh Duy Hải	11-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029232	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB10																	
15481	Triệu Văn Hào	09-11-89	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029233	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15482	Giáp Đức Hiếu	13-11-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029234	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15483	Ngô Văn Huynh	18-04-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029235	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15484	Tạ Minh Kiên	03-11-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029236	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15485	Hạ Đình Long	04-05-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029237	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15486	Đỗ Xuân Lời	30-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029238	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15487	Nguyễn Tiến Mạnh	03-02-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029239	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15488	Nguyễn Dương Minh	26-04-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	10	Trung bình	CQ	A029240	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15489	Nguyễn Huy Nam	28-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029241	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15490	Đào Văn Nguyên	19-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029242	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15491	Trịnh Đình Phán	18-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029243	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15492	Đào Quốc Phi	04-05-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029244	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15493	Đỗ Văn Quang	04-03-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029245	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15494	Phạm Văn Quảng	27-08-90			VN	Hà Giang	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029246	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15495	Đinh Trọng Quyền	18-05-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029247	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15496	Đặng Thế Quyết	01-12-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029248	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15497	Hoàng Anh Quỳnh	20-12-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029249	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15498	Nguyễn Văn Quý	15-02-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029250	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15499	Phan Phúc Tân	26-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029251	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15500	Nguyễn Mạnh Thắng	03-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029252	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15501	Chu Minh Thắng	07-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029253	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB10																	
15502	Lê Huy Thức	26-08-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029254	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15503	Trần Đình Toàn	25-12-88			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029255	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15504	Phan Văn Tới	14-02-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029256	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15505	Lương Xuân Trường	22-12-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029257	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15506	Nguyễn Thế Tuân	05-02-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029258	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15507	Bùi Xuân Tuấn	25-10-89			VN	Sơn La	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029259	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15508	Đường Xuân Uyển	25-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029260	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15509	Nguyễn Văn Việt	24-06-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029261	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15510	Nguyễn Tiến Việt	05-07-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029262	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15511	Thân Văn Vinh	10-10-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029263	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15512	Trần Văn Vinh	14-03-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029264	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB11																	
15513	Trần Tuấn Anh	02-09-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029265	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15514	Đỗ Ngọc ánh	26-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029266	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15515	Trương Văn Cảnh	05-02-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029267	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15516	Hoàng Thế Chương	07-04-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029268	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15517	Lại Đắc Công	19-10-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029269	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15518	Trần Mạnh Cường	20-05-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029270	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15519	Trần Xuân Cường	23-02-89			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029271	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15520	Trần Văn Duy	12-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029272	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15521	Nguyễn Thế Dũng	02-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029273	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB11																	
15522	Khuất Cao Dũng	19-04-90	Nam		VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029274	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15523	Trần Bá Dương	25-02-90			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029275	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15524	Bùi Văn Đông	27-09-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029276	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15525	Nguyễn Văn Đông	27-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029277	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15526	Nguyễn Văn Đồng	18-01-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029278	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15527	Lê Văn Hải	24-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029279	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15528	Nguyễn Xuân Hiển	02-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029280	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15529	Nguyễn Đức Hiếu	02-09-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029281	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15530	An Học Hiếu	25-08-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029282	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15531	Nguyễn Minh Hoàng	06-05-87			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029283	1336-19/07/2011	19/07/2011	6/9/11		
15532	Trần Quang Hòa	29-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029284	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15533	Đoàn Kha	24-01-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029285	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15534	Nguyễn Duy Khang	11-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029286	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15535	Vũ Văn Khánh	01-02-87			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029287	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15536	Lê Đình Khánh	01-05-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029288	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15537	Bùi Hữu Linh	01-03-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029289	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15538	Lê Vũ Linh	02-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029290	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15539	Nguyễn Kim Linh	06-05-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029291	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15540	Bạch Văn Linh	18-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029292	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15541	Đỗ Gia Linh	19-09-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029293	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15542	Nguyễn Văn Lợi	20-10-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029294	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB11																	
15543	Nguyễn Đình Luân	28-08-90	Nam		VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029295	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15544	Hà Văn Luyện	18-08-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029296	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15545	Lê Hoài Nam	23-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029297	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15546	Nguyễn Mạnh Quyền	28-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Khá	CQ	A029298	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15547	Dương Đình Quý	14-11-89			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029299	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15548	Vương Văn Sâm	05-04-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029300	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15549	Hà Ngọc Thanh	05-10-87			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029301	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15550	Nguyễn Ngọc Thái	08-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029302	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15551	Lê Văn Tỉnh	24-10-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029303	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15552	Chu Văn Tuân	12-12-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029304	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15553	Phạm Văn Tuấn	04-12-84			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029305	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15554	Nguyễn Văn Tuyến	19-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029306	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15555	Nguyễn Minh Tùng	18-07-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029307	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15556	Nguyễn Tuấn Tú	02-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029308	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB12																	
15557	Lương Hải Anh	17-07-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029309	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15558	Hoàng Sỹ Cảnh	28-01-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029310	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15559	Đinh Văn Cảnh	28-12-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029311	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15560	Nguyễn Xuân Chất	11-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029312	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15561	Nguyễn Văn Cương	19-05-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029313	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15562	Trần Văn Đạo	10-04-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029314	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB12																	
15563	Nguyễn Thành Đạt	10-01-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029315	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15564	Vũ Văn Đăng	12-02-84			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029316	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15565	Nguyễn Việt Đoan	24-08-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029317	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15566	Phan Thành Đồng	04-07-89			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029318	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15567	Nguyễn Anh Đức	28-02-89			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029319	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15568	Nguyễn Văn Hiến	06-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029320	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15569	Nguyễn Văn Hiến	08-06-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029321	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15570	Nguyễn Thế Hoàn	18-05-87			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029322	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15571	Nguyễn Ngọc Huân	30-11-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029323	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15572	Đỗ Văn Huy	29-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029324	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15573	Phùng Duy Hưng	08-02-90			VN	Thanh hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029325	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15574	Phạm Duy Khánh	14-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029326	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15575	Lê Văn Liêm	17-08-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029327	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15576	Nguyễn Trọng Mạnh	01-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029328	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15577	Triệu Huy Mạnh	18-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029329	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15578	Đặng Quang Minh	13-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029330	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15579	Lương Văn Nam	11-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029331	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15580	Ngô Quang Ngọc	15-10-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029332	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15581	Ngô Văn Phú	01-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029333	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15582	Cao Bá Quản	12-06-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029334	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15583	Nguyễn Duy Sang	22-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029335	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB12																	
15584	Nguyễn Văn Sơn	15-09-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029336	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15585	Lưu Tất Thành	30-05-87			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029337	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15586	Nguyễn Chiến Thắng	02-02-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029338	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15587	Hoàng Cao Thắng	18-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029339	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15588	Lê Đình Thịnh	07-06-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029340	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15589	Đặng Xuân Tỉnh	20-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029341	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15590	Nguyễn Đức Toàn	19-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029342	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15591	Nguyễn Văn Tốn	20-10-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029343	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15592	Trần Thanh Tuấn	04-02-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029344	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15593	Phùng Văn Tuấn	22-08-88			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029345	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15594	Ngô Roãn Tuấn	21-02-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029346	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15595	Nguyễn Văn Viên	26-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029347	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15596	Nguyễn Công Vinh	27-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029348	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB13																	
15597	Trương Công Chiến	06-07-89	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029349	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15598	Khổng Mạnh Cường	01-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Khá	CQ	A029350	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15599	Nguyễn Văn Duy	30-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029351	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15600	Phạm Văn Dũng	10-04-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029352	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15601	Đinh Văn Dũng	23-02-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029353	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15602	Bùi Văn Dũng	20-02-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029354	1336-19/07/2011	19/07/2011			
[illegible]	[illegible]	24-03-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029355	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB13																	
15604	Nguyễn Văn Đức	10-06-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029356	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15605	Nguyễn Hữu Hanh	07-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029357	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15606	Trần Văn Hạnh	22-04-90			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029358	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15607	Nguyễn Đắc Hậu	01-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029359	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15608	Nguyễn Văn Hiệu	14-10-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029360	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15609	Nguyễn Văn Huy	21-12-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029361	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15610	Phùng Văn Hùng	13-03-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029362	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15611	Nguyễn Văn Hùng	28-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029363	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15612	Nguyễn Bá Hưng	07-09-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029364	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15613	Nguyễn Tiến Lâm	01-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029365	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15614	Nguyễn Thanh Liêm	10-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029366	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15615	Đặng Xuân Lộc	22-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029367	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15616	Phùng Văn Mạnh	21-12-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029368	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15617	Kiều Văn Minh	28-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029369	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15618	Văn Xuân Nhậm	01-01-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029370	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15619	Cao Thanh Phú	08-08-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029371	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15620	Vũ Xuân Sơn	09-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029372	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15621	Nguyễn Văn Sơn	20-02-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029373	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15622	Lê Văn Tài	02-02-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029374	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15623	Nguyễn Như Tân	13-03-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029375	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB13																	
15625	Chung Văn Thìn	25-03-88	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029377	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15626	Nguyễn Quang Thịnh	03-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029378	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15627	Nguyễn Văn Thủy	20-05-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029379	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15628	Phạm Văn Tiến	24-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029380	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15629	Phạm Quang Triều	12-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029381	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15630	Nguyễn Hồng Trường	08-12-89			VN	Sơn La	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029382	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15631	Lý Trọng Tuấn	01-10-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029383	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15632	Nguyễn Minh Tuấn	09-11-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029384	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15633	Hà Anh Tuyến	19-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029385	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15634	Lê Thanh Tùng	16-01-85			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029386	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15635	Nguyễn Văn Văn	12-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029387	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB14																	
15636	Lưu Kiếm Ba	09-02-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029388	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15637	Khương Viết Chiến	26-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029389	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15638	Phan Văn Diện	24-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029390	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15639	Lại Văn Doanh	11-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029391	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15640	Nguyễn Văn Dũng	05-03-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029392	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15641	Đặng Ngọc Dũng	12-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029393	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15642	Ngô Văn Dũng	14-03-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029394	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15643	Lê Lương Định	24-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029395	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15644	Hoàng Kim Đồng	01-01-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029396	1336-19/07/2011	19/07/2011	19/7/11		

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB14																	
15645	Nguyễn Hữu Đức	28-10-89	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029397	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15646	Đinh Văn Hải	02-10-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029398	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15647	Nguyễn Hoàng Hải	10-09-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029399	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15648	Ngô Văn Hải	15-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029400	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15649	Cao Đắc Hải	24-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029401	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15650	Nguyễn Xuân Hiếu	20-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029402	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15651	Lê Danh Hiếu	20-09-90			VN	Thanh hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029403	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15652	Lê Văn Hiệp	01-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029404	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15653	Nguyễn Văn Hồi	24-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029405	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15654	Trần Đình Huy	23-07-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029406	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15655	Nguyễn Đình Hùng	15-01-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029407	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15656	Đỗ Việt Hưng	05-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029408	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15657	Trần Lưu Khánh	20-07-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029409	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15658	Trần Quang Kiên	10-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029410	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15659	Phạm Quang Minh	10-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029411	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15660	Phùng Minh Nam	06-05-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029412	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15661	Mai Trung Nguyên	10-11-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029413	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15662	Trần Văn Quang	18-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029414	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15663	Hoàng Văn Quân	12-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029415	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15664	Nguyễn Tiến Quyết	24-11-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029416	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15665	Phùng Văn Tài	08-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029417	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB14																	
15666	Nguyễn Văn Thao	23-06-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029418	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15667	Lý Đức Thành	19-05-87			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029419	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15668	Đỗ Mạnh Thực	13-11-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029420	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15669	Nguyễn Quyết Tiến	14-09-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029421	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15670	Chu Quân Trang	14-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029422	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15671	Vũ Việt Trung	12-09-90			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029423	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15672	Nguyễn Xuân Trường	14-11-88			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029424	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15673	Đỗ Văn Trường	15-01-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029425	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15674	Lê Sỹ Tùng	12-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029426	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15675	Hồ Đức Tú	30-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029427	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB15																	
15676	Chu Việt Anh	10-07-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029428	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15677	Nguyễn Xuân Công	10-09-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029429	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15678	Nguyễn Văn Công	29-09-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029430	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15679	Vũ Đức Cung	31-01-87			VN	Ninh bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029431	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15680	Trần Cao Cường	01-01-91			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029432	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15681	Phùng Bá Duy	16-06-88			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029433	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15682	Bạch Văn Dũng	22-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029434	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15683	Tạ Văn Đại	14-03-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029435	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15684	Nguyễn Văn Đô	06-01-88			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029436	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15685	Trần Văn Hoàng	02-03-88			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029437	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB15																	
15686	Nguyễn Văn Hoàng	07-12-88	Nam		VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029438	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15687	Tạ Đình Huân	28-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029439	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15688	Trần Đức Huỳnh	09-06-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029440	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15689	Trần Văn Hùng	20-04-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029441	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15690	Nguyễn Văn Khoa	01-11-89			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029442	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15691	Nguyễn Trung Kiên	08-12-90			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029443	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15692	Hoàng Bá Long	07-12-90			VN	Điện Biên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029444	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15693	Thân Quang Mạnh	28-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029445	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15694	Nguyễn Văn Mạnh	29-09-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029446	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15695	Lê Đức Nam	01-01-91			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029447	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15696	Nguyễn Văn Nam	20-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029448	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15697	Nguyễn Thanh Sơn	01-02-90			VN	Lai Châu	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029449	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15698	Nguyễn Nhật Tân	19-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029450	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15699	Vũ Công Thảo	08-01-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029451	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15700	Phạm Quang Thành	01-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029452	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15701	Trần Đức Thành	26-01-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029453	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15702	Trần Văn Thắng	21-03-90			VN	Ninh bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029454	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15703	Trần Văn Thịnh	03-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029455	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15704	Hoàng Xuân Thọ	10-07-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029456	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15705	Nguyễn Hữu Tiến	12-03-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029457	1336-19/07/2011	19/07/2011			
[illegible]	[illegible]	[illegible]			VN	Thái bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029458	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB15																	
15707	Vũ Bá Trịnh	24-03-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029459	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15708	Lão Văn Trường	30-02-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029460	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15709	Nguyễn Anh Tuấn	16-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029461	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15710	Đinh Văn Tuyến	09-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029462	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15711	Trịnh Văn Tùng	03-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029463	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15712	Nguyễn Văn Tùng	10-05-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029464	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15713	Trần Tuấn Việt	22-09-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029465	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15714	Nguyễn Văn Vịnh	05-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029466	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB16																	
15715	Lê Ngọc An	26-07-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029467	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15716	Nguyễn Tuấn Anh	06-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029468	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15717	Nguyễn Hữu ánh	07-08-87			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029469	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15718	Lê Quốc Bảo	21-02-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029470	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15719	Nguyễn Đức Cảnh	30-04-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029471	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15720	Nguyễn Văn Cương	12-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029472	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15721	Ngô Xuân Duy	08-10-89			VN	Thái bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029473	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15722	Ngô Tùng Dũng	02-03-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029474	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15723	Trần Đình Dương	23-11-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029475	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15724	Nguyễn Hoàng Đạm	08-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029476	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15725	Ngô Công Hải	04-07-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029477	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15726	Bùi Mạnh Hào	03-09-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029478	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB16																	
15727	Đào Văn Hoàng	09-03-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029479	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15728	Vũ Đức Hòa	08-07-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029480	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15729	Trần Ngọc Hưng	11-11-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029481	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15730	Trần Quang Khải	10-09-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029482	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15731	Lê Văn Khoa	11-07-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029483	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15732	Nguyễn Thanh Liêm	26-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029484	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15733	Trần Đình Lợi	23-08-88			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029485	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15734	Phạm Luân	16-02-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029486	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15735	Trình Văn Mạnh	02-10-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029487	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15736	Vũ Văn Minh	08-11-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029488	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15737	Bùi Đức Nam	25-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029489	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15738	Trương Văn Ngọ	02-03-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029490	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15739	Đỗ Sỹ Nguyên	19-04-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029491	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15740	Đào Văn Quynh	06-06-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029492	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15741	Dương Thanh Sơn	08-07-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029493	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15742	Vương Anh Sơn	25-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029494	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15743	Phan Văn Thành	10-10-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029495	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15744	Nguyễn Văn Thành	27-11-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029496	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15745	Đinh Bá Thịnh	09-03-89			VN	Điện Biên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029497	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15746	Nguyễn Vĩnh Thủy	20-04-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029498	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15747	Hoàng Minh Thương	21-12-88			VN	Hà Giang	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029499	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB16																	
15748	Đặng Xuân Tiến	06-11-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029500	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15749	Vũ Thành Trung	02-06-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029501	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15750	Lại Văn Trường	20-09-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029502	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15751	Trần Văn Tuấn	02-03-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029503	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15752	Trần Thanh Tùng	08-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029504	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15753	Nguyễn Quang Vĩnh	16-01-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029505	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15754	Nguyễn Văn Vương	10-01-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029506	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB17																	
15755	Phạm Văn Cảnh	05-08-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029507	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15756	Nguyễn Văn Chiến	15-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029508	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15757	Phạm Quang Chung	28-10-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029509	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15758	Phạm Xuân Duy	01-12-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029510	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15759	Nguyễn Văn Dũng	05-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029511	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15760	Phạm Tiến Dũng	26-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029512	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15761	Tạ Hữu Dương	14-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029513	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15762	Đinh Văn Hân	25-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029514	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15763	Trần Đình Huấn	24-04-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029515	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15764	Phan Văn Hùng	06-05-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029516	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15765	Nguyễn Văn Hùng	10-04-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029517	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15766	Chu Việt Hùng	10-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029518	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15767	Lương Ngọc Hùng	15-05-90			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029519	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB17																	
15768	Bùi Hoàng Khôi	06-06-89	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Khá	CQ	A029520	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15769	Mai Thế Kiên	17-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029521	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15770	Trần Huy Luân	30-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029522	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15771	Nguyễn Tiến Lực	15-08-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029523	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15772	Nguyễn Quốc Mạnh	05-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029524	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15773	Lê Thành Nam	20-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029525	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15774	Hoàng Văn Quảng	22-12-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029526	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15775	Dương Văn Quyết	11-04-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029527	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15776	Phạm Xuân Tải	09-10-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029528	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15777	Nguyễn Trọng Thanh	10-11-89			VN	Hà tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029529	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15778	Nguyễn Tuấn Thành	03-11-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029530	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15779	Nguyễn Duy Thắng	09-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029531	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15780	Phạm Duy Thắng	18-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029532	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15781	Nguyễn Văn Thịnh	29-03-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029533	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15782	Nguyễn Văn Tiến	10-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029534	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15783	Nguyễn Văn Tiệm	20-01-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029535	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15784	Mai Văn Trường	06-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029536	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15785	Nguyễn Văn Tuyến	10-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029537	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15786	Nguyễn Văn Tú	17-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029538	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15787	Nguyễn Trường Xuân	25-02-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029539	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB8																	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB8																	
15788	Triệu Phương Bắc	07-05-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029540	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15789	Hoàng Văn Bình	05-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029541	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15790	Nguyễn Đức Cảnh	01-01-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029542	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15791	Nguyễn Duy Cường	08-12-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029543	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15792	Khuất Công Duy	09-03-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029544	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15793	Ngô Anh Đức	08-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029545	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15794	Nguyễn Minh Đức	28-06-88			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029546	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15795	Nguyễn Công Hải	30-08-87			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029547	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15796	Cao Văn Hảo	21-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029548	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15797	Hà Thị Thúy Hà	21-10-90	Nữ		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Khá	CQ	A029549	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15798	Nguyễn Văn Hân	10-02-90	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029550	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15799	Ngô Văn Hậu	19-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029551	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15800	Vũ Thị Huệ	09-03-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029552	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15801	Nguyễn Xuân Hùng	30-11-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029553	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15802	Nguyễn Xuân Hưng	11-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029554	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15803	Đào Văn Hưng	12-12-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029555	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15804	Bùi Mạnh Hưng	19-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029556	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15805	Nguyễn Xuân Kiên	25-05-88			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029557	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15806	Nguyễn Văn Lịnh	28-01-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029558	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15807	Phạm Văn Long	05-06-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029559	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB8																	
15809	Phùng Văn Nam	24-01-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029561	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15810	Lê Đức Ngọc	18-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029562	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15811	Lê Thị Nhung	12-01-90	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029563	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15812	Nguyễn Tất Phúc	22-08-90	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029564	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15813	Nguyễn Nhân Quang	01-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029565	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15814	Đặng Anh Quang	03-02-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029566	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15815	Vũ Văn Quân	05-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029567	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15816	Phùng Thị Thảo	01-07-90	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029568	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15817	Đàm Duy Thành	06-03-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029569	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15818	Trần Văn Thắng	28-08-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029570	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15819	Nguyễn Công Thể	20-01-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029571	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15820	Phạm Văn Thuần	23-05-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029572	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15821	Trần Văn Thuấn	10-03-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029573	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15822	Nguyễn Thị Thùy	07-08-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029574	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15823	Phan Đức Tiến	03-06-90	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029575	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15824	Cao Đức Tiến	26-06-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029576	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15825	Nguyễn Minh Tiệp	20-07-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029577	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15826	Tạ Quang Trung	02-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029578	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15827	Lê Xuân Trường	02-09-84			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029579	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15828	Đoàn Minh Trường	14-09-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029580	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB8																	
15830	Hoàng Văn Tuyến	19-04-88	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029582	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15831	Mai Sỹ Vinh	10-01-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029583	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15832	Nguyễn Minh Xiêm	13-09-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029584	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15833	Bùi Thị Xuân	05-07-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029585	1336-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐB9																	
15834	Trần Đức Cảnh	18-02-88	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029586	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15835	Đỗ Văn Chỉnh	20-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029587	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15836	Lê Cao Cường	25-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029588	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15837	Nguyễn Huy Cường	30-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029589	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15838	Nguyễn Công Doanh	12-11-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029590	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15839	Nguyễn Bá Duy	04-03-89			VN	Thái bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029591	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15840	Lê Việt Dũng	08-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029592	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15841	Lê Văn Dũng	20-11-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029593	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15842	Lê Trọng Dương	20-03-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029594	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15843	Trần Văn Dự	13-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029595	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15844	Nguyễn Đăng Đại	05-06-87			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029596	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15845	Lã Thế Định	27-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029597	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15846	Phạm Trung Đoàn	14-05-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029598	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15847	Trịnh Xuân Hiển	18-06-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029599	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15848	Vũ Trung Hiếu	05-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029600	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15849	Võ Văn Huynh	17-07-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029601	1336-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB9																	
15850	Bùi Thế Hùng	12-02-88	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029602	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15851	Trần Đình Hưng	03-07-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029603	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15852	Nguyễn Quang Khiết	06-12-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029604	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15853	Chu Văn Khuyến	01-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029605	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15854	Nguyễn Thị Loan	02-01-90	Nữ		VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	06	Khá	CQ	A029606	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15855	Nguyễn Thị Luyến	10-03-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029607	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15856	Trịnh Văn Lưu	09-08-90	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029608	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15857	Nguyễn Văn Mạnh	18-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029609	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15858	Đặng Văn Nghiệp	03-03-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029610	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15859	Lê Xuân Ngọc	23-06-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029611	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15860	Mai Hồng Quân	26-06-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029612	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15861	Lê Bá Quyết	13-05-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029613	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15862	Phạm Ngọc Tài	19-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029614	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15863	Nguyễn Mạnh Thảo	02-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029615	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15864	Vũ Anh Tiệp	11-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029616	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15865	Hoàng Kim Tới	04-08-90			VN	Thanh Hoá	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029617	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15866	Hoàng Anh Trung	21-08-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	TB Khá	CQ	A029618	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15867	Nguyễn Công Trường	07-10-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029619	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15868	Vũ Minh Tuân	13-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029620	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15869	Nguyễn Bá Tùng	16-07-90			VN	Thanh Hoá	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029621	1336-19/07/2011	19/07/2011			
15870	Cao Quốc Việt	21-10-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	A029622	1336-19/07/2011	19/07/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Máy xây dựng

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐM1																	
15871	Nguyễn Long An	07-06-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029624	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15872	Đoàn Xuân Bách	16-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029623	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15873	Trần Xuân Bằng	24-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029625	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15874	Vũ Văn Bộ	21-05-85			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029626	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15875	Lê Văn Công	01-04-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029627	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15876	Lê Mạnh Cường	10-02-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029628	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15877	Nguyễn Văn Du	05-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029629	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15878	Nguyễn Hữu Dũng	18-07-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029630	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15879	Vũ Văn Dương	09-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029631	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15880	Vũ Phương Đại	20-01-90			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029632	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15881	Nguyễn Thế Đoàn	05-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029634	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15882	Trần Văn Hiền	04-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029635	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15883	Nguyễn Mạnh Hiệp	27-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029633	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15884	Lưu Xuân Hoa	04-07-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029636	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15885	Đỗ Hữu Hòa	27-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029637	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15886	Phan Quang Huy	10-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029638	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15887	Nguyễn Văn Huy	24-12-89			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029639	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15888	Nguyễn Đình Huy	29-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029640	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐM1																	
15889	Phạm Mạnh Hùng	24-01-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029641	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15890	Nguyễn Thành Mạnh	11-09-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029642	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15891	Nguyễn Xuân Ngọc	18-10-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029643	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15892	Nguyễn Văn Nhương	19-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029644	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15893	Ngô Thế Quân	06-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	13	Khá	CQ	A029645	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15894	Trần Văn Quyết	08-03-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029646	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15895	Phạm Văn Tâm	15-03-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	13	Khá	CQ	A029647	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15896	Nguyễn Ngọc Thanh	28-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029648	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15897	Nguyễn Năm Thành	25-07-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029649	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15898	Bùi Văn Thoại	19-04-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029650	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15899	Chu Đức Thủy	10-11-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	13	TB Khá	CQ	A029651	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15900	Nguyễn Thanh Tịnh	10-12-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029652	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15901	Trần Văn Trường	11-06-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029653	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15902	Kiều Cao Vinh	15-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	13	Trung bình	CQ	A029654	1328-19/07/2011	19/07/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ1																	
15903	Trương Văn Ban	05-02-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029655	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15904	Trịnh Văn Bình	20-12-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029656	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15905	Nguyễn Trung Bộ	22-07-89			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029657	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15906	Nguyễn Văn Chiến	29-06-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029658	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15907	Lê Bảo Chung	14-11-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029659	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15908	Bùi Trung Hiếu	31-03-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029660	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15909	Lê Văn Hiệp	14-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029661	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15910	Nguyễn Sĩ Hoàng	01-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029662	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15911	Nguyễn Trọng Hoàng	11-06-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029663	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15912	Nguyễn Văn Hoàng	12-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029664	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15913	Trần Huy Hoàng	17-07-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029665	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15914	Phạm Xuân Hòa	17-12-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029666	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15915	Bùi Công Huyến	04-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029667	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15916	Nguyễn Xuân Hùng	17-03-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029668	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15917	Nguyễn Văn Hướng	11-06-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029669	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15918	Trương Duy Khanh	19-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029670	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15919	Mai Đình Khải	10-07-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029671	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15920	Phạm Văn Lành	10-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029672	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ1																	
15921	Nguyễn Minh Long	05-08-89	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029673	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15922	Hoàng Hữu Lợi	10-10-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029674	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15923	Lê Trọng Lợi	28-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029675	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15924	Phạm Như Minh	05-10-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029676	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15925	Trịnh Văn Nam	15-05-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029677	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15926	Nguyễn Văn Ngọ	22-09-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029678	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15927	Hoàng Công Nguyên	27-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029679	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15928	Phạm Hữu Quang	02-03-87			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029680	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15929	Nguyễn Văn Quyên	22-11-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029681	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15930	Phùng Văn Quỳnh	19-04-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029682	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15931	Nguyễn Văn Quý	17-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029683	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15932	Đoàn Văn San	06-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029684	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15933	Nguyễn Thanh Sơn	16-05-89			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029685	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15934	Trần Trọng Thanh	06-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029686	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15935	Trần Đăng Thanh	27-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029687	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15936	Nguyễn Tuấn Thành	06-10-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029688	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15937	Lê Ngọc Thăng	13-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029689	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15938	Trần Minh Thiệu	16-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029690	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15939	Trần Thế Thìn	03-02-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029691	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15940	Ngô Trường Thịnh	09-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029692	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15941	Phạm Minh Thoan	20-11-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029693	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ1																	
15942	Nguyễn Ngọc Thơ	22-10-90	Nam		VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029694	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15943	Nguyễn Văn Thuật	15-06-86			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029695	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15944	Nguyễn Văn Thủy	02-06-86			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029696	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15945	Nguyễn Quyết Tiến	25-03-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029697	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15946	Đặng Văn Tình	20-01-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029698	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15947	Khổng Văn Toàn	19-03-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029699	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15948	Phan Chí Trung	22-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029700	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15949	Mai Văn Trưởng	02-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029701	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15950	Nguyễn Văn Tuấn	07-12-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029702	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15951	Ngô Văn Viễn	20-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029703	1328-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐÔ2																	
15952	Lê Trường An	26-11-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029704	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15953	Trần Lâm Anh	02-06-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029705	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15954	Trần Thế Anh	20-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029706	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15955	Nguyễn Văn Biên	14-10-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029707	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15956	Lương Văn Chiến	18-12-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029708	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15957	Giáp Văn Chung	14-05-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029709	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15958	Phạm Chí Công	12-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029710	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15959	Bùi Văn Công	19-08-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029711	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15960	Trần Đình Dân	28-09-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029712	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15961	Nguyễn Văn Duy	15-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029713	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ2																	
15962	Lại Viết Duy	28-09-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029714	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15963	Nguyễn Phi Dũng	12-03-90			VN	NGhệ An	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029715	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15964	Nguyễn Văn Dũng	16-09-88			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029716	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15965	Trần Hướng Dương	28-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029717	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15966	Nguyễn Trọng Đại	19-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029718	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15967	Dương Quang Đạo	26-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029719	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15968	Lê Xuân Đính	05-12-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029720	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15969	Phạm Trung Đức	25-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029721	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15970	Nguyễn Hà Giang	04-02-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029722	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15971	Lê Mạnh Hải	18-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029723	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15972	Lưu Văn Hải	20-09-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029724	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15973	Trần Đăng Hải	27-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029725	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15974	Đào Xuân Hiển	21-07-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029726	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15975	Triệu Huy Hoàng	05-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029727	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15976	Nguyễn Hữu Hơn	13-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029728	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15977	Nguyễn Văn Lâm	08-08-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029729	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15978	Nguyễn Văn Long	01-09-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029730	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15979	Vũ Tiến Long	29-08-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029731	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15980	Trần Văn Mạnh	04-09-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029732	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15981	Phạm Văn Mạnh	22-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029733	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15982	Nguyễn Văn Minh	10-09-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029734	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ2																	
15983	Nguyễn Văn Minh	19-09-89	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029735	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15984	Hà Minh Ngọc	04-11-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	B310744 ~~A029736~~	1328-19/07/2011	19/07/2011	03/02/2012		(Bằng hỏng)
15985	Hà Trọng Oanh	14-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029737	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15986	Dương Văn Phúc	10-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029738	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15987	Nguyễn Văn Quang	24-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029739	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15988	Lưu Quý Quang	25-12-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029740	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15989	Đặng Trường Sơn	08-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029741	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15990	Phạm Hải Sơn	20-06-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029742	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15991	Nguyễn Xuân Tại	25-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029743	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15992	Nguyễn Văn Thái	24-01-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029744	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15993	Phùng Đức Thiện	06-09-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029745	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15994	Phạm Văn Tiên	17-01-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029746	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15995	Hà Văn Toàn	20-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029747	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15996	Nguyễn Thành Trung	30-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029748	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15997	Trần Đức Trưởng	06-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029749	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15998	Vũ Văn Trường	04-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029750	1328-19/07/2011	19/07/2011			
15999	Phạm Xuân Trường	15-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029751	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16000	Nguyễn Văn Tuân	02-04-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029752	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16001	Lê Văn Tuân	15-05-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029753	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16002	Trần Văn Tuấn	05-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029754	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16003	Nguyễn Văn Tuấn	13-03-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029755	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ2																	
16004	Nguyễn Đình Tuấn	14-08-90	Nam		VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029756	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16005	Nguyễn Thanh Tuấn	21-11-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029757	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16006	Mai Văn Tuấn	25-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029758	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16007	Nguyễn Văn Tùng	01-11-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029759	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16008	Ong Xuân Viễn	04-01-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029760	1328-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐÔ3																	
16009	Nguyễn Tuấn Anh	24-09-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029761	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16010	Đặng Văn Bách	24-12-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029762	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16011	Nguyễn Văn Chiến	11-02-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029763	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16012	Trần Chinh	30-08-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029764	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16013	Mai Đình Chương	10-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029765	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16014	Nguyễn Văn Cương	20-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029766	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16015	Nguyễn Tiến Cường	05-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029767	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16016	Nguyễn Văn Diễn	10-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029768	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16017	Trần Việt Dũng	26-09-90			VN	Phúc Thọ	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029769	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16018	Phạm Tài Đại	13-05-88			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029770	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16019	Đào Xuân Đạt	29-02-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029771	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16020	Trần Văn Đức	10-10-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029772	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16021	Lê Văn Giang	12-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029773	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16022	Cao Đức Giang	19-09-85			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029774	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16023	Đỗ Văn Hải	03-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029775	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ3																	
16024	Nguyễn Văn Hiển	04-06-89	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029776	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16025	Nguyễn Đình Hoàng	10-03-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029777	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16026	Hoàng Văn Huân	27-11-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029778	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16027	Nguyễn Văn Huấn	07-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029779	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16028	Nguyễn Thế Huy	10-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029780	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16029	Tạ Quốc Huy	28-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029781	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16030	Ngô Phi Hùng	02-02-90			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029782	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16031	Đoàn Phi Hùng	07-05-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029783	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16032	Phạm Văn Kha	01-12-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029784	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16033	Nguyễn Văn Khải	19-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029785	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16034	Nguyễn Văn Kiên	02-02-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029786	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16035	Quản Văn Kiên	07-07-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029787	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16036	Vũ Đức Kiên	15-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029788	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16037	Nguyễn Duy Lai	31-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029789	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16038	Trần Hùng Lộc	06-02-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029790	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16039	Nguyễn Văn Lý	21-07-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029791	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16040	Nguyễn Văn Minh	31-08-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029792	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16041	Trần Văn Nam	04-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029793	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16042	Phạm Thành Nam	05-10-88			VN	Lâm Đồng	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029794	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16043	Nguyễn Trung Nghĩa	26-01-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029795	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16044	Nguyễn Văn Nhã	22-11-87			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029796	1328-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ3																	
16045	Đặng Văn Phúc	12-09-90	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029797	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16046	Chu Văn Quyền	20-01-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029798	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16047	Mầu Văn Quyết	15-08-89			VN	Gia Lai	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029799	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16048	Nguyễn Văn Tập	12-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029800	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16049	Phạm Quang Thái	05-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029801	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16050	Đỗ Quang Thắng	20-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029802	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16051	Hoàng Đức Thọ	23-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029803	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16052	Hà Văn Tiến	26-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029804	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16053	Nguyễn Văn Tiệp	29-03-89			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029805	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16054	Bùi Mạnh Toàn	02-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029806	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16055	Hà Văn Trịnh	11-09-86			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029807	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16056	Vũ Đức Trọng	15-02-86			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029808	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16057	Cấn Văn Trung	15-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029809	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16058	Phạm Trung Trường	11-01-89			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029810	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16059	Nguyễn Đức Tuân	15-08-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029811	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16060	Nguyễn Văn Tuấn	10-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029812	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16061	Đỗ Thanh Tùng	10-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A029813	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16062	Trần Quang Tùng	20-11-86			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	07	Khá	CQ	A029814	1328-19/07/2011	19/07/2011			
16063	Nguyễn Văn Vĩnh	02-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	Trung bình	CQ	A029815	1328-19/07/2011	19/07/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB1																	
16064	Vũ Ngọc Luân	10-08-87	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A029819	1351-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐB1																	
16065	Phạm Văn Cảnh	17-12-87	Nam		VN	Nam Địnhư	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029820	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16066	Trần Lê Chinh	05-04-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029821	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16067	Bùi Mạnh Cường	08-02-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029822	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16068	Đặng Bá Cường	08-11-90			VN	Nghệ an	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029823	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16069	Nguyễn Tiến Đạt	18-04-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029824	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16070	Nguyễn Văn Đông	10-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029825	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16071	Nguyễn Đình Hiến	20-10-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029826	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16072	Đỗ Trung Hiếu	22-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029827	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16073	Nguyễn Văn Hiệp	15-10-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029828	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16074	Cao Minh Hoàn	13-09-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029829	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16075	Trần Vũ Hoàng	08-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029830	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16076	Đoàn Văn Hoàng	20-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029831	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16077	Tống Văn Hoàng	31-12-88			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029832	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16078	Quản Văn Huân	25-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029833	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16079	Bùi Văn Huy	16-04-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029834	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16080	Nguyễn Viết Hưng	16-10-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029835	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB1																	
16081	Lê Quang Khải	28-12-90	Nam		VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029836	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16082	Nguyễn Hải Linh	23-07-88			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029837	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16083	Phạm Trọng Long	14-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029838	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16084	Nguyễn Viết Lợi	06-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029839	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16085	Nguyễn Văn Lưu	13-05-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029840	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16086	Sầm Tuấn Lực	10-01-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029841	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16087	Hoàng Trọng Mạnh	22-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029842	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16088	Lò Văn Nam	19-05-90			VN	Sơn La	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029843	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16089	Phạm Ngọc Sơn	01-05-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029844	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16090	Đào Duy Tần	06-08-88			VN	Hà tĩnh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029845	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16091	Hoàng Nghĩa Thành	06-06-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029846	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16092	Phạm Thị Thắm	14-02-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029847	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16093	Đàm Văn Thắng	13-12-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029848	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16094	Đinh Ngọc Thắng	20-11-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029849	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16095	Bùi Văn Thi	03-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029850	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16096	Lê Văn Tình	17-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029851	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16097	Trần Đức Toàn	22-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029852	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16098	Trịnh Xuân Toàn	30-09-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029853	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16099	Hoàng Văn Tông	21-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029854	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16100	Trịnh Văn Trọng	12-12-89			VN	NGhệ An	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029855	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB2																	
16122	Trần Văn Hợp	23-07-90	Nam		VN	Yên bái	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029877	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16123	Phạm Văn Huyện	02-03-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029878	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16124	Trần Hữu Hùng	03-11-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029879	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16125	Trương Hữu Hùng	05-04-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029880	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16126	Nguyễn Mạnh Hùng	16-02-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029881	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16127	Nguyễn Anh Hùng	21-01-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029882	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16128	Phạm Văn Khánh	01-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029883	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16129	Đặng Thị Lành	26-04-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029884	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16130	Nguyễn Văn Lịch	14-04-87	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029885	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16131	Vũ Trọng Long	12-06-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029886	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16132	Bùi Minh Mạnh	23-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029887	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16133	Nguyễn Văn Mong	03-02-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029888	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16134	Phan Nghiêm	28-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029889	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16135	Nguyễn Tuấn Nghĩa	17-06-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029890	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16136	Nguyễn Đình Ngọc	28-01-90			VN	Nghệ an	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029891	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16137	Lâm Thái Nguyên	09-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029892	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16138	Nguyễn Hồng Phong	22-11-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029893	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16139	Thân Văn Phương	28-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029894	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16140	Cao Như Quân	01-05-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029895	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16141	Trần Đức Quân	13-06-90			VN	Sơn La	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029896	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB2																	
16143	Nguyễn Xuân Sỹ	05-10-90	Nam		VN	Thái nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029898	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16144	Trần Hữu Thành	21-06-90			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029899	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16145	Vũ Duy Thành	25-10-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029900	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16146	Phạm Văn Thiệp	11-12-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029901	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16147	Dương Văn Tiệp	06-04-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029902	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16148	Dương Đình Toàn	24-01-86			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029903	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16149	Lê Văn Trung	09-11-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029904	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16150	Trần Văn Trường	09-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029905	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16151	Hà Văn Trường	10-05-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029906	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16152	Lê Đức Tuân	01-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029907	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16153	Phan Đăng Tuấn	01-06-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029908	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16154	Nguyễn Thanh Tuấn	01-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029909	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16155	Phạm Ngọc Tuyến	06-11-90			VN	Thái bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029910	1351-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐB3																	
16156	Phạm Minh Cương	01-12-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029911	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16157	Lê Mạnh Cường	11-04-90			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029912	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16158	Vũ Việt Cường	24-02-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029913	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16159	Ngô Văn Cường	01-11-88			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029914	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16160	Trần Tuấn Dũng	12-04-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029915	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16161	Nguyễn Văn Dương	05-09-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029916	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16162	Nguyễn Văn Định	03-01-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029917	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB3																	
16163	Hoàng Văn Đức	04-06-90	Nam		VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029918	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16164	Dương Trung Đức	15-02-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029919	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16165	Nguyễn Đình Hiếu	19-05-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029920	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16166	Nguyễn Văn Hiếu	29-11-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029921	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16167	Nguyễn Kim Hoa	10-09-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029922	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16168	Đào Duy Hoàn	18-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029923	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16169	Bùi Cao Hồng	25-04-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029924	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16170	Hoàng Trung Huấn	22-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029925	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16171	Đào Quang Huy	27-06-89			VN	Hà nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029926	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16172	Cấn Đình Huỳnh	27-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029927	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16173	Nguyễn Văn Hùng	01-09-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029928	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16174	Đoàn Ngọc Hưng	16-05-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029929	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16175	Nguyễn Trọng Khả	26-07-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029930	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16176	Nguyễn Văn Khương	06-04-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029931	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16177	Nguyễn Thị Liên	05-04-89	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029932	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16178	Vũ Đình Linh	01-10-90	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029933	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16179	Ngô Văn Nam	08-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029934	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16180	Nguyễn Trường Nam	28-11-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029935	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16181	Nguyễn Đăng Phương	18-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029936	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16182	Vũ Tiến Sĩ	31-01-89			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029937	1351-25/07/2011	25/07/2011			
					VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029938	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB3																	
16184	Nguyễn Ngọc Tân	10-02-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029939	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16185	Đinh Văn Thành	10-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029940	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16186	Trần Duy Thành	19-07-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029941	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16187	Nguyễn Văn Thành	19-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029942	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16188	Trần Văn Thắng	21-09-86			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029943	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16189	Bùi Gia Thuần	05-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029944	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16190	Phạm Văn Toanh	21-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030219 ~~A029945~~	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16191	Hoàng Văn Toàn	25-04-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029946	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16192	Phạm Minh Toán	27-04-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029947	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16193	Trần Bá Trung	08-09-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029948	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16194	Trần Anh Tuấn	22-02-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029949	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16195	Đào Văn Tuyên	11-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029950	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16196	Mai Văn Tú	28-10-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029951	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16197	Nguyễn Duy Việt	24-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029952	1351-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐB4																	
16198	Cao Ngọc Anh	16-01-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029953	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16199	Đỗ Mạnh Cường	31-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029954	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16200	Phan Văn Duy	19-11-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029955	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16201	Liêu Văn Dũng	26-05-88			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029956	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16202	Hoàng Văn Điệp	05-04-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029957	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16203	Nguyễn Văn Hà	22-05-83			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029958	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB4																	
16204	Nguyễn Văn Hiền	19-05-88	Nam		VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029959	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16205	Nguyễn Trung Hiếu	05-10-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029960	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16206	Nguyễn Văn Hiếu	16-07-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029961	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16207	Nguyễn Văn Hoạt	28-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029962	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16208	Nguyễn Đức Huế	20-10-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029963	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16209	Trần Quang Huy	15-01-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029964	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16210	Trần Quang Huy	21-04-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029965	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16211	Phạm Hữu Hùng	07-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029966	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16212	Phạm Đức Hưng	11-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029967	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16213	Chu Huy Long	29-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029968	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16214	Ngô Văn Nam	12-04-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029969	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16215	Nguyễn Anh Nam	18-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029970	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16216	Đặng Văn Nguyện	15-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029971	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16217	Bùi Văn Nhường	24-09-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029972	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16218	Mai Xuân Oai	16-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029973	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16219	Đỗ Văn Ơn	04-04-87			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029974	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16220	Nguyễn Văn Phan	30-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029975	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16221	Phạm Khắc Phong	29-05-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029976	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16222	Lưu Hữu Phước	12-09-89			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029977	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16223	Hoàng Đức Quy	17-08-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029978	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16224	Bùi Tiến Quyền	03-12-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029979	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB4																	
16225	Nguyễn Công Quyền	23-04-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029980	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16226	Vũ Trọng Sang	06-11-89			VN	thái Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029981	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16227	Nguyễn Đức Thanh	04-11-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029982	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16228	Ngô Viết Thành	25-10-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029983	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16229	Đào Văn Thắng	17-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029984	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16230	Phạm Xuân Thắng	22-12-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029985	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16231	Vũ Quyết Thắng	23-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029986	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16232	Nguyễn Anh Thắng	24-08-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029987	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16233	Dương Cao Thắng	10-01-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029988	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16234	Ngô Văn Thiện	15-06-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029989	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16235	Đồng Bá Thơm	20-07-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029990	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16236	Nguyễn Tân Tiến	02-09-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029991	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16237	Hoàng Văn Tiến	23-04-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029992	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16238	Nguyễn Văn Toàn	02-01-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	Trung bình	CQ	A029993	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16239	Nguyễn Đức Trung	07-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A029994	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16240	Trần Xuân Trường	12-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029995	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16241	Nguyễn Văn Tuấn	03-08-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029996	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16242	Nguyễn Huy Tuấn	07-06-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029997	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16243	Nguyễn Văn Viên	10-08-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029998	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16244	Hoàng Văn Vượng	20-03-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A029999	1351-25/07/2011	25/07/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB5																	
16245	Nguyễn Văn Bằng	16-01-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030000	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16246	Vũ Quý Công	06-09-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030001	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16247	Trần Quốc Công	15-06-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030002	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16248	Lê Huy Cương	16-05-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030003	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16249	Phan Văn Dương	03-10-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030004	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16250	Vũ Ngọc Hậu	26-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030005	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16251	Nguyễn Đức Hậu	10-07-84			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030006	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16252	Quyền Đức Hiếu	11-01-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030007	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16253	Lã Thị Huệ	04-09-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030008	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16254	Trần Văn Hùng	05-08-90	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030009	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16255	Nguyễn Viết Hùng	09-12-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030010	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16256	Cao Văn Hưởng	18-06-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030011	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16257	Nguyễn Văn Khánh	03-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030012	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16258	Lê Đình Lập	20-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030013	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16259	Đào Văn Linh	20-09-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030014	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16260	Nguyễn Văn Linh	28-03-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030015	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16261	Trần Anh Nam	18-04-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030016	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16262	Hoàng Thị Ngoãn	21-10-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030017	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB5																	
16263	Linh Văn Sơn	02-03-86	Nam		VN	Hà Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030018	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16264	Khương Phi Sơn	06-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030019	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16265	Nguyễn Văn Sơn	28-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030020	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16266	Nguyễn Thanh Thản	14-05-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030021	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16267	Hoàng Công Thành	14-01-87			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030022	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16268	Hoàng Văn Thắng	26-01-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030023	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16269	Nguyễn Mạnh Thìn	28-09-88			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030024	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16270	Nguyễn Văn Thủy	12-09-90			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030025	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16271	Trần Văn Toản	05-07-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030026	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16272	Hà Đức Trọng	20-04-89			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030027	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16273	Nguyễn Hữu Trung	24-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030028	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16274	Đoàn Xuân Tuyên	15-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030029	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16275	Nguyễn Quang Vinh	07-06-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030030	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16276	Nguyễn Văn Vinh	21-10-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030031	1351-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐB6																	
16277	Nguyễn Quang Công	03-02-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030032	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16278	Nguyễn Trí Công	20-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030033	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16279	Nguyễn Cao Cường	04-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030034	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16280	Nguyễn Văn Dũng	01-05-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030035	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16281	Vũ Văn Dũng	15-06-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030036	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16282	Nguyễn Hữu Đan	02-11-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030037	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB6																	
16283	Trần Trọng Đạt	26-09-88	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030038	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16284	Nguyễn Minh Đức	14-11-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030039	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16285	Nguyễn Duy Hiếu	04-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030040	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16286	Hoàng Trung Hiếu	20-09-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030041	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16287	Nguyễn Kiêm Học	20-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030042	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16288	Vũ Văn Huấn	25-06-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030043	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16289	Nguyễn Văn Hùng	30-08-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030044	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16290	Nguyễn Mạnh Hưng	22-09-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030045	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16291	Nguyễn Văn Khánh	19-07-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030046	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16292	Phạm Văn Kỷ	08-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030047	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16293	Nguyễn Văn Luân	08-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030048	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16294	Lê Văn Luân	23-03-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030049	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16295	Hoàng Công Minh	15-08-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030050	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16296	Nguyễn Văn Minh	20-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030051	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16297	Chu Bá Nam	21-02-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030052	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16298	Phạm Duy Phoóc	09-08-88			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	10	Trung bình	CQ	A030053	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16299	Nguyễn Văn Phòng	06-10-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030054	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16300	Đỗ Văn Quảng	25-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030055	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16301	Phạm Văn Quyết	07-06-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030056	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16302	Đinh Xuân Quý	02-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030057	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16303	Bùi Văn Sáu	15-07-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030058	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB6																	
16304	Đỗ Văn Thanh	08-05-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030059	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16305	Vũ Minh Thành	10-04-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030060	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16306	Nguyễn Đức Thắng	13-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030061	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16307	Tạ Văn Thể	25-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030062	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16308	Nguyễn Xuân Thủy	26-09-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030063	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16309	Hoàng Lệ Thùy	28-10-90	Nữ		VN	Bắc Cạn	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030064	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16310	Tạ Văn Tiến	17-08-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030065	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16311	Nguyễn Văn Toàn	02-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030066	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16312	Thiệu Quang Trung	02-10-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030067	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16313	Phạm Văn Trung	05-09-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030068	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16314	Nguyễn Mạnh Tuấn	10-03-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030069	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16315	Nguyễn Xuân Tuấn	30-06-90			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030070	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16316	Nông Thiêm Tuyên	15-09-90			VN	Bắc Cạn	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030071	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16317	Hoàng Văn Tùng	05-08-90			VN	Ninh bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030072	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16318	Tô Tiến Tùng	10-11-88			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030073	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16319	Phạm Xuân Vương	17-07-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030074	1351-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐB7																	
16320	Nguyễn Minh Chiến	04-04-90	Nam		VN	Điện Biên	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030075	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16321	Lê Văn Chính	10-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030076	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16322	Ninh Văn Chung	06-08-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030077	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16323	Trần Thế Cường	28-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030078	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB7																	
16324	Nguyễn Thị Hồng Hải	05-03-89	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030079	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16325	Nhâm Thành Hậu	28-08-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030080	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16326	Hoàng Phương Hiếu	13-01-88			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030081	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16327	Nguyễn Thế Kỳ	11-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030082	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16328	Tạ Văn Lăng	10-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030083	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16329	Lương Đức Nam	24-03-89			VN	THái Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030084	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16330	Hoàng Văn Nam	28-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030085	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16331	Lê Trung Phong	21-11-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030086	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16332	Nguyễn Đình Phú	02-07-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030087	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16333	Tạ Ngọc Phú	28-01-91			VN	Thái nguyên	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030088	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16334	Trần Văn Quang	20-12-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030089	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16335	Nguyễn Hồng Quý	15-11-89			VN	Nghệ an	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030090	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16336	Trần Văn Sơn	01-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030091	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16337	Nguyễn Đức Tân	19-05-90			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030092	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16338	Vũ Xuân Thao	15-07-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030093	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16339	Hoàng Văn Thành	01-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030094	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16340	Nguyễn Viết Thái	28-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030095	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16341	Nguyễn Nam Thắng	31-05-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030096	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16342	Phùng Sỹ Tiến	06-08-87			VN	Thanh hóa	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030097	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16343	Cao Tiến Tĩnh	04-08-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030098	1351-25/07/2011	25/07/2011			
		24-07-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030099	1351-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB7																	
16345	Nguyễn Phúc Tuế	22-05-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030100	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16346	Hoàng Văn Tuyên	26-10-89			VN	Cao Bằng	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030101	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16347	Trần Đức Tùng	05-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	10	Khá	CQ	A030102	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16348	Nguyễn Văn Tùng	20-11-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030103	1351-25/07/2011	25/07/2011			
16349	Đặng Văn Xuân	01-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	10	TB Khá	CQ	A030104	1351-25/07/2011	25/07/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Kế toán

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT1																	
16350	Vũ Tiến Bằng	03-03-90	Nam		VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030107	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16351	Lại Thị Bưởi	23-03-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030108	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16352	Hoàng Thị Cúc	08-03-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030109	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16353	Nguyễn Thị Diệp	15-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030110	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16354	Nguyễn Thị Dung	01-08-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030111	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16355	Bùi Thị Đào	09-11-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030112	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16356	Nguyễn Thị Giang	11-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030113	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16357	Nguyễn Thị Hạnh	02-12-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030114	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16358	Võ Thị Thúy Hằng	15-06-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030115	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16359	Trần Thị Hiên	15-12-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030116	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16360	Nguyễn Thị Hoa	02-02-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030117	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16361	Vũ Thị Hoa	26-10-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030118	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16362	Lê Thị Huế	04-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	Giỏi	CQ	A030119	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16363	Hoàng Thị Huệ	11-05-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030120	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16364	Nguyễn Thanh Huyền	06-11-90			VN	Hà nội	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030121	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16365	Phạm Vũ Dạ Hương	06-04-90			VN	Thái nguyên	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030122	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16366	Phạm Thị Hương	15-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030123	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16367	Quảng Thị Hương	16-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030124	1352-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT1																	
16368	Lê Thị Hường	02-01-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030125	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16369	Nguyễn Thị Hường	13-07-88			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030126	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16370	Trần Thị Lan	24-12-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030127	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16371	Đinh Thị Liên	28-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030128	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16372	Đồng Thị Thùy Linh	01-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030129	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16373	Bùi Thị Thùy Linh	26-11-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030130	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16374	Nguyễn Thị Loan	20-08-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030131	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16375	Hà Thị Ly	03-01-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030132	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16376	Nguyễn Thị Lý	08-06-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030133	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16377	Nguyễn Thị Lý	06-04-89			VN	NGhệ an	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030134	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16378	Đoàn Thị Mấn	16-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030135	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16379	Nguyễn Thị Na	07-07-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030136	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16380	Đinh Thị Ngân	10-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030137	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16381	Nguyễn Yến Ngọc	05-11-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030138	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16382	Trần Thị Ngọt	05-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030139	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16383	Nguyễn Thị Nguyên	06-10-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030140	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16384	Phạm Thị Nhung	15-08-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030141	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16385	Nguyễn Thị Thu Phương	13-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030142	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16386	Bùi Thị Phương	20-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030143	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16387	Phan Thị Phương	24-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030144	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16388	Vi Thị Phương	04-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030145	1352-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT1																	
16389	Nguyễn Đình Quảng	30-04-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030146	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16390	Kiều Thị Quyền	11-06-89	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030147	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16391	Lại Thị Như Quỳnh	04-06-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030148	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16392	Lữ Thị Quỳnh	16-04-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030149	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16393	Trần Xuân Thắng	17-01-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030150	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16394	Cao Thị Thủy	11-08-89	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030151	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16395	Nguyễn Thị Thủy	20-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030152	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16396	Trần Thị Thương	19-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030153	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16397	Võ Thị Thương	20-04-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030154	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16398	Đặng Quỳnh Trang	15-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030155	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16399	Trần Thị Trang	19-08-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030156	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16400	Trần Thị Trang	20-01-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030157	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16401	Nguyễn Thị Thu Trang	27-12-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030158	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16402	Phạm Thị Hồng Vân	06-12-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030159	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16403	Vũ Thị Hồng Vân	11-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030160	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16404	Nguyễn Trường Vững	21-06-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030161	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16405	Nguyễn Thị Bảo Yến	13-10-90	Nữ		VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	11	Giỏi	CQ	A030162	1352-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐKT2																	
16406	Giáp Thị Hiền Anh	20-06-89	Nữ		VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030163	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16407	Lương Thị Bông	30-08-88			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030164	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16408	Hoàng Thị Bưởi	23-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030165	1352-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT2																	
16409	Nguyễn Thị Châm	25-06-88	Nữ		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030166	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16410	Trần Thị Chinh	10-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030167	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16411	Ngô Thị Chuyên	12-04-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030168	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16412	Nguyễn Thị Diệu	17-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030169	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16413	Nguyễn Thị Dung	12-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030170	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16414	Trịnh Thị Duyên	21-05-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030171	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16415	Trần Văn Dũng	07-10-89	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030172	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16416	Hoàng Văn Đồng	09-03-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030173	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16417	Trần Anh Đức	20-09-84			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030174	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16418	Hoàng Thị Thu Hà	16-02-89	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030175	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16419	Nguyễn Thị Hoa Hậu	23-02-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	11	Giỏi	CQ	A030176	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16420	Nguyễn Thị Hiền	27-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030177	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16421	Phạm Thị Minh Hoa	25-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030178	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16422	Trần Thị Hoàn	25-02-90			VN	bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030179	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16423	Âu Thị Hồng	09-07-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030180	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16424	Nguyễn Thị Hồng Huế	04-08-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030181	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16425	Nguyễn Thị Kim Huệ	07-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030182	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16426	Bùi Thị Thanh Huyền	18-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030183	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16427	Nguyễn Thị Hương	06-02-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030184	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16428	Lê Thị Hương	26-07-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030185	1352-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT2																	
16430	Nguyễn Thị Hường	03-10-89	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030187	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16431	Phạm Thị Hường	25-11-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030188	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16432	Lê Thị Là	10-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030218 ~~A030189~~	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16433	Lê Thị Liên	02-05-89			VN	Thanh hóa	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030190	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16434	Lộc Thị Lý	16-10-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030191	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16435	Phạm Thị Miền	17-05-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030192	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16436	Phan Thị Na	01-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030193	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16437	Đinh Thị Ngoan	22-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030194	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16438	Phạm Thị Ngọc	04-09-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030195	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16439	Nguyễn Thị Phượng	23-12-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030196	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16440	Vũ Thị Sen	22-10-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030197	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16441	Hoàng Thị Tâm	09-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	Giỏi	CQ	A030198	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16442	Lành Phương Thảo	03-11-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030199	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16443	Bì Đức Thành	22-11-90	Nam		VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030200	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16444	Lâm Đức Thắng	14-09-89			VN	Tuyên quang	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030201	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16445	Phạm Thị Hồng Thơi	28-07-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030202	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16446	Hoàng Đình Thuấn	24-01-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030203	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16447	Lê Thị Thu	25-12-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030204	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16448	Lê Thị Thu Thủy	02-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030205	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16449	Phạm Thị Thùy	09-09-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030206	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16450	Nguyễn Thị Thu Trang	03-10-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030207	1352-25/07/2011	25/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT2																	
16451	Ngô Thị Thu Trang	16-06-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030208	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16452	Nguyễn Thị Cẩm Trang	19-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030209	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16453	Phạm Thị Trang	22-12-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030210	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16454	Đặng Thành Tuyên	07-12-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030211	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16455	Nguyễn Kim Tuyến	20-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030212	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16456	Lê Thị Vinh	24-06-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030213	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16457	Đinh Huy Vượng	06-10-90	Nam		VN	Thái nguyên	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030214	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16458	Lê Thị Yến	17-04-89	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030215	1352-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐKT12																	
16459	Bùi Thị Thu Phương	23-12-90	Nữ		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A030216	1518-05/08/2011	05/08/2011	7/10/2011 Phương		168323822
Lớp 58CĐVS																	
16460	Trần Kim Cường	29-04-89	Nam		VN	TP Vinh-	2007 - 2010	2011	05	Trung bình	CQ	A030217	1518-05/08/2011	05/08/2011	07/10/11 Cường		186744532

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT2																	
16451	Ngô Thị Thu Trang	16-06-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030208	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16452	Nguyễn Thị Cẩm Trang	19-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030209	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16453	Phạm Thị Trang	22-12-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030210	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16454	Đặng Thành Tuyên	07-12-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030211	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16455	Nguyễn Kim Tuyến	20-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030212	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16456	Lê Thị Vinh	24-06-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	11	TB Khá	CQ	A030213	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16457	Đinh Huy Vượng	06-10-90	Nam		VN	Thái nguyên	2008 - 2011	2011	11	Trung bình	CQ	A030214	1352-25/07/2011	25/07/2011			
16458	Lê Thị Yến	17-04-89	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	11	Khá	CQ	A030215	1352-25/07/2011	25/07/2011			
Lớp 59CĐKT12																	
16459	Bùi Thị Thu Phương	23-12-90	Nữ		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A030216	1518-05/08/2011	05/08/2011			Không có
Lớp 58CĐVS																	
16460	Trần Kim Cường	29-04-89	Nam		VN	TP Vinh-	2007 - 2010	2011	05	Trung bình	CQ	A030217	1518-05/08/2011	05/08/2011			Không có

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ thông tin

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐT1																	
16461	Trần Thị Vịnh	24-06-90	Nữ		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A030222	1805-20/09/2011	20/09/2011			
16462	Lê Đình Xuân	17-07-90	Nam		VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A030223	1805-20/09/2011	20/09/2011	10/01/2012	Xuân	153820636
Lớp 59CĐT2																	
16463	Nguyễn Khắc Thịnh	13-11-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A030224	1805-20/09/2011	20/09/2011	10/01/2012	Thịnh	121817861
Lớp 59CĐT3																	
16464	Trịnh Ngọc Linh	15-05-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A030225	1803-20/09/2011	20/09/2011	11/11/2011	Linh	168345635
Lớp 59CĐT5																	
16465	Nguyễn Văn Chỉnh	28-09-90	Nam		VN	Hà nội	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A030226	1803-20/09/2011	20/09/2011	11/11/2011		112394784
Lớp 59CĐB26																	
16466	Trần Hữu Phương	02-08-89	Nam		VN	Nghệ An	2009 - 2012	2011	01	Trung bình	CQ	A030227	2254-27/10/2011	27/10/2011	11/11/2011		186477120

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB19																	
14654	Nguyễn Anh Tài	20-12-88	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028386	1256-11/07/2011	11/07/2011	1/11/2011	Tài	151801605
14655	Hà Đức Tầm	21-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028387	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/2011	Tầm	112365810
14656	Nguyễn Tiến Thành	07-10-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028388	1256-11/07/2011	11/07/2011	3/4/2012	thành	013046976
14657	Phùng Văn Thắng	14-04-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028389	1256-11/07/2011	11/07/2011	2/10/2011	Thắng	112363989
14658	Nguyễn Văn Thắng	20-01-91			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028390	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Thắng	151811887
14659	Hoàng Văn Thắng	25-01-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028391	1256-11/07/2011	11/07/2011	18/10/2011	Thắng	012965366
14660	Trần Đắc Thoả	08-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028392	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/04/2012	Thoả	163109657
14661	Phạm Tài Thọ	24-10-90			VN	Hà nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028393	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Thọ	112995848
14662	Phạm Đình Thông	15-05-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028394	1256-11/07/2011	11/07/2011	07/12/2011	Thông	186470712
14663	Vũ Viết Tình	28-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028395	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Tình	162945254
14664	Phạm Văn Trường	02-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028396	1256-11/07/2011	11/07/2011	11/10/11		4685
14665	Trần Ngọc Tuấn	03-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028397	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tuấn	163096086
14666	Nguyễn Văn Tuấn	26-08-82			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028398	1256-11/07/2011	11/07/2011	22/8/11		151409505
14667	Ngô Văn Tuyền	22-03-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028399	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Quyền	145393894
14668	Nguyễn Đình Tùng	10-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028400	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/02/2011		112946089
14669	Tạ Quang Tùng	13-07-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028401	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011		164345331
14670	Nguyễn Văn Tùng	15-12-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028402	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011		142441198
14671	Nguyễn Đức Tùng	26-01-91			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028403	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011		186915807
14672	Lê Văn Tùng	29-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028404	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Tùng	112472478
14673	Trần Nhữ Vinh	25-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028405	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Vinh	163368161
14674	Trần Lâm Vũ	21-10-90			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028406	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		070883255

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB19																	
14675	Đoàn Văn Vượng	25-06-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028407	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011	Vượng	163019311
Lớp 59CĐB20																	
14676	Nguyễn Thế Anh	10-08-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028408	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Anh	151753367
14677	Lê Đức Anh	12-10-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028409	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011	[illegible]	151713874
14678	Hàn Công ánh	10-03-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028410	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Ánh	112373107
14679	Triệu Ngọc Ba	13-01-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028411	1256-11/07/2011	11/07/2011	9/3/12	[illegible]	060788047
14680	Phạm Văn Công	21-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028412	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011	[illegible]	151702604
14681	Nguyễn Văn Cương	16-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028413	1256-11/07/2011	11/07/2011	03/01/12	[illegible]	162843482
14682	Trần Xuân Cường	21-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028414	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Cường	173008395
14683	Nguyễn Chí Cường	07-08-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028415	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Cường	112486425
14684	Phạm Thị Doan	03-09-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028416	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/03/12	Doan	151860366
14685	Trần Anh Đức	01-03-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028417	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Đức	151758780
14686	Nguyễn Văn Đức	01-05-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028418	1256-11/07/2011	11/07/2011	11/10/11	Đức	013404228
14687	Nguyễn Hữu Đức	20-08-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028419	1256-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11	[illegible]	183619975
14688	Nguyễn Hồng Giang	20-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028420	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011	Giang	173241637
14689	Vũ Văn Hải	16-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028421	1256-11/07/2011	11/07/2011	8/11/11	Hải	142435287
14690	Nguyễn Văn Hải	23-08-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028422	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hải	173228055
14691	Thân Văn Hạ	22-11-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028423	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hạ	121980009
14692	Trịnh Thị Hiền	20-12-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Khá	CQ	A028424	1256-11/07/2011	11/07/2011	8/8/11	[illegible]	121902940
14693	Vũ Văn Hiệu	15-05-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028425	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/12/11	[illegible]	173141700
14694	Võ Văn Hồng	02-09-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028426	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hồng	186967199

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB20																	
14695	Nguyễn Đình Huy	06-08-90	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028427	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		186655730
14696	Nguyễn Văn Huy	20-03-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028428	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/4/12	Huy	173580911
14697	Đặng Văn Huy	20-10-87			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028429	1256-11/07/2011	11/07/2011	3/4/12	Huy	164199569
14698	Nguyễn Xuân Hùng	11-10-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028430	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hùng	142571736
14699	Trương Đình Hưng	17-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028431	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hưng	173058832
14700	Nguyễn Thị Hường	18-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028432	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hường	121821722
14701	Nguyễn Văn Hường	20-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028433	1256-11/07/2011	11/07/2011	07/10/11	Hường	173584729
14702	Phạm Ngọc Khải	14-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028434	1256-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11	Khải	151799415
14703	Đỗ Duy Khánh	17-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028435	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Khanh	163105026
14704	Đặng Minh Lăng	28-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028436	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/09/11	Lăng	112450745
14705	Hà Văn Linh	22-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028437	1256-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11		112394115
14706	Nguyễn Văn Long	25-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028438	1256-11/07/2011	11/07/2011	7/10/11	Long	121984867
14707	Trần Đức Lộc	19-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028439	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/10/11	Lộc	163097133
14708	Nguyễn Phú Lợi	28-09-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028440	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		168327540
14709	Phạm Văn Minh	15-09-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028441	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	Minh	164322821
14710	Trần Hoài Nam	25-01-89	Nữ		VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028442	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Nam	070811114
14711	Đinh Hải Nam	22-08-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028443	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/03/14		163090586
14712	Vũ Đức Nguyện	14-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028444	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Nguyện	162920525
14713	Phạm Văn Quảng	17-03-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028445	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Quảng	164453326
14714	Đỗ Văn Quân	07-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028446	1256-11/07/2011	11/07/2011	15/09/11	Quân	163093509
14715	Phùng Huy Quân	11-06-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028447	1256-11/07/2011	11/07/2011	MO	MO	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB20																	
14716	Lương Văn Quân	14-09-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028448	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/09/2011	Quân	163102318
14717	Đặng Xuân Quỳnh	20-12-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028449	1256-11/07/2011	11/07/2011	24/8/2012	Quỳnh	151773149
14718	Lê Hồng Sâm	09-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028450	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Sâm	1/2 [illegible]
14719	Bùi Xuân Tân	25-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028451	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	[illegible]	142565877
14720	Phan Văn Thanh	09-04-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028452	1256-11/07/2011	11/07/2011	5/9/11	Ph Thanh	017005305
14721	Trần Xuân Thanh	21-06-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028453	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/10/12	Thanh	164336461
14722	Nguyễn Mạnh Thắng	07-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028454	1256-11/07/2011	11/07/2011	08/5/12 25/11/11	Thắng Thắng	162995221
14723	Đào Ngọc Thắng	19-05-87			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028455	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/11/11	Thắng	151628264
14724	Cao Xuân Thiệu	27-03-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028456	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thiều	186655779
14725	Cao Xuân Thống	02-09-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028457	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thống	186808558
14726	Vũ Bá Trung	05-10-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028458	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11	Trung	125328995
14727	Nguyễn Thành Trung	14-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028459	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11	Trung	173439469
14728	Trương Văn Trường	11-10-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028460	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Trường	173[illegible]
14729	Nguyễn Thế Tuấn	04-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028461	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Tuấn	112483812
14730	Nguyễn Văn Tuấn	06-09-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028462	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Tuấn	112404750
14731	Trần Văn Tuyên	17-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028463	1256-11/07/2011	11/07/2011	28/2/2012	Tuyên	142386135
14732	Nguyễn Văn Việt	30-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028464	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Việt	151723953
14733	Trần Ngọc Việt	22-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028465	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/10/11	Việt Anh (Khoa KH&8)	
14734	Đỗ Ngọc Vũ	02-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028466	1256-11/07/2011	11/07/2011	14/8/12	[illegible]	173611072
14735	Nguyễn Đình Vụ	30-11-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028467	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/12/11		121851002
Lớp 59CĐB21																	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB21																	
14736	Lê Hoàng Tuấn Anh	11-10-90	Nam		VN	Bình Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028468	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/2011	Anh	164446618
14737	Đinh Tuấn Anh	22-01-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028469	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Anh	168334593
14738	Ma Văn Ba	09-05-90			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028470	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Ba	070887013
14739	Lê Công Bốn	19-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028471	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Bốn	173533570
14740	Phan Văn Chung	01-06-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028472	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011	Chung	164322442
14741	Vũ Văn Chung	15-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028473	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011	Chung	173239459
14742	Vũ Đức Cương	01-04-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028474	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Cương	125386533
14743	Đỗ Đức Dũng	17-11-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028475	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/2011	Dũng	145338117
14744	Nguyễn Việt Dương	17-07-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028476	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Dương	168293321
14745	Trần Văn Đảm	28-12-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028477	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đảm	164326841
14746	Nguyễn Đình Hậu	20-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028478	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hậu	135483064
14747	Trịnh Văn Hoàng	18-10-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028479	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hoàng	013068308
14748	Phạm Văn Hợp	10-07-87			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028480	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hợp	0987512450
14749	Vũ Đình Huy	09-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028481	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Huy	142504868
14750	Lê Anh Huy	12-08-89			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028482	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Huy	112421071
14751	Nguyễn Văn Hùng	20-02-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028483	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/12/11	Hùng	192501844
14752	Nguyễn Đình Khương	20-01-89			VN	hà tĩnh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028484	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Khương	186337444
14753	Hoàng Đình Kiệm	13-01-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028485	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011	Kiệm	173531249
14754	Nguyễn Viết Long	17-06-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028486	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/3/12	Long	173436942
14755	Nguyễn Đình Minh	05-05-87			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028487	1256-11/07/2011	11/07/2011	30-8-11	Minh	1121 66940
14756	Nguyễn Thanh Nam	18-08-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028488	1256-11/07/2011	11/07/2011	30-8-11	Nam	172026987

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB21																	
14757	Trần Trung Nghĩa	04-10-86	Nam		VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028489	1256-11/07/2011	11/07/2011	6-9-11	Nghĩa	060450137
14758	Lê Văn Nhất	19-03-89			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028490	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011	Nhất	112327680
14759	Cao Hùng Phong	02-07-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028491	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11		172699334
14760	Phạm Văn Phương	23-12-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028492	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Phương	142877136
14761	Hoàng Thế Phương	29-09-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028493	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	phương	186855953
14762	Nguyễn Văn Tâm	03-12-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028494	1256-11/07/2011	11/07/2011	28/8/2011	Tâm	164523526
14763	Bùi Duy Thanh	21-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028495	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/12/2012	Thanh	162998585
14764	Đỗ Văn Thành	18-08-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028496	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/1/2012	thành	112366994
14765	Ngô Văn Thành	25-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028497	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Thành	163107702
14766	Trần Bá Thành	17-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028498	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011	Thành	163033931
14767	Đại Văn Thạch	18-04-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028499	1256-11/07/2011	11/07/2011	2 lần	Liên LT	
14768	Hà Đức Thắng	20-05-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028500	1256-11/07/2011	11/07/2011	07/10/2011		168345709
14769	Nguyễn Đức Thắng	29-03-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028501	1256-11/07/2011	11/07/2011	18/10/2011	Thắng	168231632
14770	Nguyễn Tiến Thịnh	28-04-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028502	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011		164415119
14771	Vũ Minh Thực	10-12-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028503	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/01	Thực	164365340
14772	Nguyễn Văn Toán	27-10-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028504	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Toán	163021936
14773	Vũ Văn Tới	25-12-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028505	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Tới	142483945
14774	Lã Văn Trường	19-03-87			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028506	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		090901489
14775	Ngô Mạnh Tuấn	04-07-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028507	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11		132011624
14776	Đoàn Mạnh Tuấn	30-08-88			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028508	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11	Tuấn	131255514
14777	Hoàng Xuân Tùng	08-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028509	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8		173585278

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB21																	
14778	Bùi Hữu Túc	14-07-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028510	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thuấn	(Phan Thanh Khiết) xpers
14779	Lại Đăng Việt	28-02-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028511	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Đăng	151641534
14780	Đào Thị Xuân	06-07-90	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028512	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/11/11	Xuân	125305034
Lớp 59CĐB22																	
14781	Nguyễn Đức Anh	22-04-89	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028513	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Anh	168224954
14782	Phạm Văn Bách	17-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028514	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Bách	151758040
14783	Nguyễn Văn Chung	11-06-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028515	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/4/12	Chung	125280977
14784	Lưu Đức Chung	29-09-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028516	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Chung	151845975
14785	Phạm Thanh Chương	16-04-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028517	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11	Chương	164965115
14786	Đinh Khánh Duy	08-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028518	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Hải	168329767
14787	Nguyễn Văn Dũng	03-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028519	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11	Dũng	151811015
14788	Đào Văn Dũng	13-05-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028520	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Dũng	164328807
14789	Hoàng Trọng Dương	28-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028521	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Dương	173204977
14790	Lương Văn Đại	03-07-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028522	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đại	168303809
14791	Nguyễn Đức Đại	23-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028523	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đại	112447335
14792	Nguyễn Văn Đạt	20-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028524	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đạt	163110565
14793	Trần Nhật Điền	10-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028525	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Hạnh	162981786
14794	Nguyễn Văn Đương	30-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028526	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đương	151758548
14795	Trần Minh Đức	03-02-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028527	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đức	168349667
14796	Thái Hồng Đức	12-11-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028528	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đức	186802339
14797	Hoàng Minh Đức	20-06-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028529	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11	Đức	173601384

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB22																	
14798	Lương Văn Đức	24-10-89	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028530	1256-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11	Đức	121990446
14799	Đặng Hữu Giang	10-04-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028531	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Giang	186965346
14800	Hoàng Văn Hải	18-04-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028532	1256-11/07/2011	11/07/2011	8/11/11	Hải	121951696
14801	Hoàng Đạt Hào	07-07-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028533	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hào	172833550
14802	Đoàn Thế Hiển	05-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028534	1256-11/07/2011	11/07/2011	11/10/11	Hiển	151722771
14803	Phạm Thị Hoà	22-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028535	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Hòa	162879876
14804	An Văn Hoàn	17-04-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028536	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/2011	Hoàn	142554781
14805	Nguyễn Quốc Hoàng	03-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028537	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/2011	Hoàng	151758111
14806	Đỗ Duy Hoàng	17-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028538	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/3/2012	Hoàng	151773203
14807	Hồ Đình Hưng	17-01-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028539	1256-11/07/2011	11/07/2011	14/09/11	Hưng	173082951
14808	Vũ Văn Hưng	23-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028540	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hưng	112176838
14809	Đỗ Đình Kết	23-08-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028541	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Kết	131269802
14810	Lê Xuân Khuê	19-10-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028542	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Khuê	112383299
14811	Nguyễn Đình Kiên	29-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028543	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Kiên	151659173
14812	Nguyễn Thiên Long	03-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028544	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	T-L	173340893
14813	Trần Huy Mạnh	25-02-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028545	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/08/12	mạnh	125423745
14814	Bùi Tiến Mạnh	27-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028546	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Mạnh	050716527
14815	Nguyễn Năng Mẫn	14-11-88			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028547	1256-11/07/2011	11/07/2011	29/02/12	Mẫn	113331766
14816	Nguyễn Hữu Nam	15-06-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028548	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Nam	173067566
14817	Đặng Tuấn Nguyện	25-11-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028549	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	nguyện	145304556
14818	Đỗ Văn Quyết	14-05-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028550	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Quyết	135468405

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB22																	
14819	Nguỵ Xuân Quỳnh	26-02-89	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028551	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11		121869667
14820	Nguyễn Văn Sơn	01-09-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028552	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/9/11		132093699
14821	Trần Văn Sơn	05-11-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028553	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/9/11	Sơn	164424910
14822	Lê Trung Sức	10-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028554	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		142
14823	Đồng Văn Thời	19-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028555	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11		163093592
14824	Đinh Văn Tới	13-05-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028556	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		125421480
14825	Nguyễn Như Trường	08-04-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028557	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11		112376280
14826	Lữ Văn Tuyên	18-06-87			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028558	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		172932574
14827	Trần Văn Tuyển	10-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028559	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		135466176
14828	Hoàng Tùng	04-11-89			VN	Thanh Hoá	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028560	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/3/12		172993632
14829	Bùi Văn Tùng	06-05-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028561	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		121869402
14830	Nguyễn Quang Tùng	20-02-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028562	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11		012312703
14831	Lê Ngọc Vân	09-05-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028563	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11		151710659
14832	Hoàng Văn Vinh	25-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028564	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		151781317
Lớp 59CĐB23																	
14833	Nguyễn Văn Anh	06-02-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028565	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11		121839245
14834	Phan Tuấn Anh	11-11-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028566	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11		186820869
14835	Võ Duy Anh	16-08-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028567	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/8/11		172845479
14836	Nguyễn Trọng Anh	18-10-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028568	1256-11/07/2011	11/07/2011	28/8/11		031567641
14837	Nguyễn Ngọc ánh	21-07-89			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028569	1256-11/07/2011	11/07/2011	15/11/11		112328459
14838	Lê Văn Ba	18-08-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028570	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/09/11		145384511

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB23																	
14839	Mạc Đình Chiến	16-11-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028571	1256-11/07/2011	11/07/2011	24/9/12	Chiến	142555336
14840	Nguyễn Khắc Chung	27-07-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028572	1256-11/07/2011	11/07/2011	29/8/2012	Chung	112021930
14841	Hà Minh Công	02-07-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028573	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11	Công	132029269
14842	Nguyễn Trọng Công	05-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028574	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11	Công	173456775
14843	Phạm Văn Công	15-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028575	1256-11/07/2011	11/07/2011	28/2/12	Công	163057083
14844	Vũ Văn Đăng	28-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028576	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/3/12	Đăng	112454044
14845	Nguyễn Văn Đức	01-01-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028577	1256-11/07/2011	11/07/2011	14/10/11	Đức	125330733
14846	Lê Văn Đức	28-05-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028578	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đức	125207185
14847	Phạm Chí Hiếu	30-11-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028579	1256-11/07/2011	11/07/2011			
14848	Phạm Văn Hiệp	20-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028580	1256-11/07/2011	11/07/2011	9/11/12	Hiệp	163085745
14849	Phạm Ngọc Hoan	27-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028581	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hoan	163098837
14850	Nguyễn Văn Hoàng	01-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028582	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Hoàng	173051164
14851	Trần Văn Huy	06-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028583	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Huy	173013864
14852	Cao Văn Hưng	09-06-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028584	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hưng	145521522
14853	Nguyễn Duy Hưng	24-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028585	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hưng	112406290
14854	Phan Văn Lâm	30-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028586	1256-11/07/2011	11/07/2011	29/10/13	Lâm	163093232
14855	Vũ Văn Linh	13-07-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028587	1256-11/07/2011	11/07/2011	17/12/12	Linh	145466123
14856	Trần Xuân Long	11-08-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028588	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Long	121918289
14857	Trần Ngọc Long	15-11-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028589	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11	Long	163864505
14858	Nguyễn Đăng Lộc	23-03-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028590	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/02/12	Lộc	121701146
14859	Nghiêm Văn Mạnh	22-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028591	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Mạnh	112494595

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB23																	
14860	Nguyễn Tiến Mạnh	24-05-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028592	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11		132132223
14861	Vũ Văn Minh	21-09-90			VN	Hà nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028593	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/4/12		112359396
14862	Phạm Xuân Phú	25-04-89			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028594	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08		112467596
14863	Vũ Đức Quynh	10-02-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028595	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/201		142486534
14864	Lương Xuân Tam	11-07-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028596	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11		112384115
14865	Nguyễn Xuân Thanh	23-11-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028597	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11		173412872
14866	Phạm Văn Thành	16-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028598	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		163095897
14867	Phạm Ngọc Thạch	28-10-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028599	1256-11/07/2011	11/07/2011	1/11/11		163026835
14868	Nguyễn Đình Thiển	06-10-87			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028600	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/9/11		112132474
14869	Nguyễn Văn Thực	28-04-86			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028601	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/9		162846323
14870	Trần Văn Tuân	18-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028602	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/09/11		142385371
14871	Nguyễn Văn Tuấn	10-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028603	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11		112479414
14872	Nguyễn Văn Tú	05-12-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028604	1256-11/07/2011	11/07/2011	16-9-11		012820266
14873	Nguyễn Tiến Tú	18-10-87			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028605	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/201		168283634
14874	Đỗ Tiến Việt	10-02-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028606	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		098597209
14875	Lã Văn Vinh	12-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028607	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/09/11		01687155907
Lớp 59CĐB24																	
14876	Lê Tuấn Anh	27-10-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028608	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/08/11		168354320
14877	Lê Văn Chung	27-07-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028609	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11		172379731
14878	Phạm Xuân Chường	06-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028610	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		163109514
14879	Tạ Đức Dũng	13-10-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028611	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/201		121989815

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB24																	
14880	Nguyễn Văn Đại	08-11-90	Nam		VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028612	1256-11/07/2011	11/07/2011	07/10/11	Đại	145390937
14881	Nguyễn Năm Đạt	21-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028613	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Đạt	112498569
14882	Nguyễn Đinh Trọng	21-02-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028614	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/9/11		162955946
14883	Giang Văn Đông	25-02-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028615	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11		013068277
14884	Đỗ Trường Giang	02-09-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028616	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Giang	091658993
14885	Nguyễn Hữu Hải	01-11-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028617	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hải	173513548
14886	Phạm Văn Hạnh	14-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028618	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11		163099616
14887	Phan Xuân Hoàn	27-02-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028619	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hoàn	183787058
14888	Trần Văn Hoàng	22-03-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028620	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/12/11	Hoàng	151625382
14889	Nguyễn Xuân Huy	15-08-88			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028621	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	Huy	131689730
14890	Đinh Văn Huyên	24-03-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028622	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Huyên	121981067
14891	Hoàng Ngọc Hùng	05-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028623	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/04/12	Hùng	173078854
14892	Cấn Xuân Hưng	04-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028624	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Hưng	112385587
14893	Nguyễn Văn Hướng	18-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028625	1256-11/07/2011	11/07/2011	24/08/11	Hướng	163010748
14894	Nguyễn Hồng Long	16-09-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028626	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/12/11		135355527
14895	Nguyễn Thanh Long	21-06-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028627	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Long	013298801
14896	Nguyễn Tiến Long	07-08-89			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028628	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Long	063242519
14897	Mạc Xuân Lực	02-11-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028629	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/08/11	Lực	121950308
14898	Đỗ Xuân Nam	26-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028630	1256-11/07/2011	11/07/2011	14/10/11	Nam	16306097
14899	Đỗ Văn Ngọc	18-08-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028631	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/12/11	Ngọc	151709971
14900	Phạm Văn Phòng	15-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028632	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	Phòng	162987951

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB24																	
14901	Nguyễn Văn Quang	08-08-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028633	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Quang	173148379
14902	Đoàn Đình Quê	07-07-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028634	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11		142501093
14903	Nguyễn Đức Quyền	12-10-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028635	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11		125322295
14904	Lê Văn Quý	01-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028636	1256-11/07/2011	11/07/2011	29/8/11	Quy	151763549
14905	Vũ Văn Sơn	15-07-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028637	1256-11/07/2011	11/07/2011	7/2/12	Sơn	151677970
14906	Trịnh Đức Thành	01-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028638	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thành	112500912
14907	Đặng Xuân Thành	24-10-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028639	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11		186609476
14908	Nguyễn Khắc Thái	29-09-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028640	1256-11/07/2011	11/07/2011	29/08/11	Thái	186377717
14909	Hà Mạnh Tiến	12-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028641	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Tiến	151757317
14910	Nguyễn Văn Tiến	15-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028642	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/01/12		165084717
14911	Phạm Đức Triển	29-01-88			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028643	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Triển	168189100
14912	Bùi Văn Tuyến	10-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028644	1256-11/07/2011	11/07/2011	14/10/11	Tuyến	151726669
14913	Nguyễn Văn Tùng	29-05-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028645	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/08/11	Tùng	112979709
14914	Nguyễn Cảnh Tứ	08-04-88			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028646	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/09/11	Tứ	145716515
14915	Chu Thành Việt	30-10-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028647	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/09/11	Việt	164323299
14916	Nguyễn Văn Vinh	25-09-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028648	1256-11/07/2011	11/07/2011			142547317
14917	Nguyễn Văn Vĩnh	10-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028649	1256-11/07/2011	11/07/2011	12/12/11		151868527
14918	Phạm Đức Vũ	12-03-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028650	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11		163045109
14919	Phạm Văn Xuân	19-02-88			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028651	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/10/11	Xuân	142417302
Lớp 59CĐB25																	
14920	Bùi Tuấn Anh	17-06-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028652	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		142484006

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB25																	
14921	Nguyễn Đức Chất	16-07-90	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028653	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8	Chất	125309091
14922	Nguyễn Quang Chính	11-12-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028654	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Chính	151719325
14923	Nguyễn Văn Chung	07-07-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028655	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Chung	142511529
14924	Nguyễn Văn Chức	04-04-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028656	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Chức	125419572
14925	Nguyễn Đình Công	20-05-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028657	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Công	162918281
14926	Phan Ngọc Công	29-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028658	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Công	163095318
14927	Trịnh Xuân Doa	17-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028659	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		151773508
14928	Phạm Ba Duy	24-12-88			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028660	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Duy	132022448
14929	Nguyễn Cao Dương	15-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028661	1256-11/07/2011	11/07/2011	3/4/12	Dương	173085766
14930	Đặng Xuân Dương	15-10-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028662	1256-11/07/2011	11/07/2011	04/10/11	Dương	121793762
14931	Vũ Thị Đào	04-10-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028663	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Đào	163026271
14932	Phan Văn Đăng	10-02-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028664	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đăng	186895813
14933	Hà Duy Đoan	04-11-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028665	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11	Đoan	142603513
14934	Trần Văn Đôn	18-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028666	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/4/12	Đôn	151778390
14935	Phạm Trường Giang	26-02-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028667	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11 26/02/8	Giang	163045190
14936	Nguyễn Văn Hải	10-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028668	1256-11/07/2011	11/07/2011	14/10/11		121780570
14937	Nguyễn Minh Hải	14-04-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028669	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11	Hải	121918782
14938	Trần Thị Ngọc Hà	01-02-89	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028670	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	Hà	162988210
14939	Lưu Văn Hà	17-06-88	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028671	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hà	173277085
14940	Nguyễn Hữu Hà	20-07-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028672	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/10/11	Hà	142505903
14941	Nguyễn Huy Hiệu	25-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028673	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hiệu	151944831

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB25																	
14942	Trương Vũ Huy	06-01-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028674	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Huy	142433837
14943	Trần Văn Huy	18-03-87			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028675	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11	Huy	164233893
14944	Nguyễn Văn Lâm	24-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028676	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Lâm	151798079
14945	Bùi Bích Liên	09-10-89	Nữ		VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028677	1256-11/07/2011	11/07/2011	15/9/11		1153687 91
14946	Trần Bá Luân	03-08-90	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028678	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Luân	125427794
14947	Lê Văn Nam	01-07-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028679	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		0142009
14948	Trần Doãn Phong	06-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028680	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8	Phong	168352263
14949	Lê Hồng Quân	18-06-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028681	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Quân	168302105
14950	Đinh Văn Sơn	13-07-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028682	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Sơn	162993419
14951	Vũ Thái Sơn	15-09-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028683	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11	Sơn	164574572
14952	Trương Chí Thanh	30-01-84			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028684	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thanh	135146741
14953	Nguyễn Quốc Thành	02-02-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028685	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thành	186995818
14954	Ngô Khắc Thắng	02-02-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028686	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/2/08		097492882
14955	Phạm Văn Thiệp	10-05-87			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028687	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thiệp	016431.094
14956	Lê Đức Thọ	30-11-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028688	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Thọ	164319354
14957	Đinh Văn Thuỷ	27-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028689	1256-11/07/2011	11/07/2011	11/2/14		162998177
14958	Nguyễn Văn Thứ	03-09-87			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028690	1256-11/07/2011	11/07/2011	5/12/11	Thứ	031536494
14959	Hoàng Đình Trọng	10-03-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028691	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/12/12	Trọng	142603513
14960	Lê Quang Trung	04-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028692	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/10/11	Trung	132124415
14961	Nguyễn Hữu Trường	03-01-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028693	1256-11/07/2011	11/07/2011	09/03/12	Trường	142359895
14962	Trần Đức Tuấn	06-08-89			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028694	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tuấn	012885360

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB25																	
14963	Đặng Anh Tuấn	05-10-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028695	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Anh	151874088
14964	Đinh Văn Tuấn	11-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028696	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	Tuấn	163108872
14965	Trần Văn Tùng	03-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028697	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11	Tùng	151784402
14966	Nguyễn Sơn Tùng	15-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028698	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Sơn	112746078
14967	Nguyễn Xuân Tùng	19-11-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028699	1256-11/07/2011	11/07/2011	24/10/11	Tùng	125921073
14968	Trương Ngọc Tú	18-04-90			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028700	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11	Tú	113439641
14969	Ngô Văn Văn	01-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028701	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Văn	151927587
14970	Vũ Trường Xuân	29-11-89			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028702	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Xuân	113391461
14971	Trần Văn Yên	26-07-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028703	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8		151616826
Lớp 59CĐB26																	
14972	Cao Xuân Anh	05-06-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028704	1256-11/07/2011	11/07/2011	2719	Anh	168868278
14973	Hoàng Thanh Ba	10-03-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028705	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Ba	152071745
14974	Nguyễn Văn Chiến	22-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028706	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Chiến	112432847
14975	Đoàn Khánh Chương	21-01-88			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028707	1256-11/07/2011	11/07/2011	5/10/11	Chương	145300179
14976	Đỗ Mạnh Dân	01-05-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028708	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Dân	091587282
14977	Vũ Văn Doanh	15-01-90			VN	nam định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá Trung bình	CQ	A030105 ~~A028709~~	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011	Doanh	163642901
14978	Trịnh Văn Dương	13-05-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028710	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011	Dương	142502257
14979	Phạm Văn Đạt	02-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028711	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/11/2011	Đạt	0165404608
14980	Phạm Tiến Đạt	22-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028712	1256-11/07/2011	11/07/2011	15/11/11	Đạt	162878933
14981	Vũ Thành Đô	28-03-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá Trung bình	CQ	A030106 ~~A028713~~	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Đô	012920772
14982	Trịnh Văn Đức	24-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028714	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đức	112412483

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB26																	
14983	Phạm Ngọc Hà	15-03-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028715	1256-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11	Hà	178144547
14984	Nguyễn Văn Hiền	04-10-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028716	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hien	112402083
14985	Triệu Duy Hiền	20-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028717	1256-11/07/2011	11/07/2011	22/11/11		163068947
14986	Nguyễn Văn Hiếu	01-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028718	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	Hiếu	151787770
14987	Nguyễn ánh Minh	03-05-88			VN	Đồng Nai	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028719	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11		172410962
14988	Trần Quốc Huy	08-04-90			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028720	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		113457070
14989	Lê Quang Huy	16-05-90			VN	Hà Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028721	1256-11/07/2011	11/07/2011	15/11/11		112504374
14990	Vũ Quang Huy	24-09-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028722	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		082105617
14991	Chu Hồng Huy	24-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028723	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		121994333
14992	Vũ Đăng Huyến	30-03-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028724	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Huyến	125295924
14993	Lương Văn Khởi	25-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028725	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Khởi	121984396
14994	Đỗ Đức Long	22-10-88			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028726	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011	Long	112252522
14995	Hồ Viết Nam	03-10-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028727	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/2011	Nam	186473540
14996	Lưu Quang Phú	08-09-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028728	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Phú	070848258
14997	Nguyễn Văn Phúc	18-12-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028729	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	phúc	142377138
14998	Nguyễn Quốc Tài	05-07-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028730	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Tài	186682962
14999	Đặng Văn Thuyết	09-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028731	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thuyết Thuyết	162975507
15000	Vũ Văn Thư	18-11-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028732	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		125927885
15001	Hoàng Ngọc Tình	01-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028733	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	KT Ng. Thi Thuy	013165700
15002	Nguyễn Định Toàn	11-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028734	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Toàn	151719561
15003	Nguyễn Manh Toàn	18-10-90			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028735	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Toàn	113457205

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB26																	
15004	Tưởng Phi Toàn	26-08-89	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028736	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	Toàn	112262087
15005	Trịnh Văn Trung	04-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028737	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Trung	112954805
15006	Phạm Kiên Trung	05-07-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028738	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Trung	060887803
15007	Lê Đình Tuấn	18-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028739	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11	Tuấn	01687759174
15008	Dương Văn Tuyên	21-04-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028740	1256-11/07/2011	11/07/2011	07/10/11	Tuyên	031655540
15009	Nguyễn Văn Tuyển	14-04-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028741	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/08/2011	Tuyển	164010792
15010	Nguyễn Ngọc Tùng	10-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028742	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Tùng	142635524
15011	Phạm Trung Văn	25-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028743	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Văn	163046716
15012	Trần Thanh Vượng	27-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028744	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Vượng	162820242
Lớp 59CĐB27																	
15013	Nguyễn Tuấn Anh	02-06-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028745	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Tuấn	151753480
15014	Phạm Huy Bắc	04-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028746	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Bắc	151700073
15015	Hoàng Xuân Bắc	29-12-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028747	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Bắc	070852243
15016	Bùi Văn Biên	25-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028748	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11 ~~26/8/11~~	Bắc ~~Bắc~~	163097257 ~~070852249~~
15017	Phan Thanh Bình	30-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028749	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Bình	145431553
15018	Trần Văn Chân	05-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028750	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Chân	121981151
15019	Lại Kim Cương	10-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028751	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Cương	168277541
15020	Lê Mạnh Cường	07-08-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028752	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Cường	164417477
15021	Trần Văn Diện	01-04-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028753	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/3/12	Diện	162896607
15022	Chu Văn Doanh	12-12-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028754	1256-11/07/2011	11/07/2011	19-8-2011	Doanh	164446590
15023	Nguyễn Văn Duẩn	18-11-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028755	1256-11/07/2011	11/07/2011	18-8-2011	Duẩn	121832858

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB27																	
15024	Nguyễn Khương Duy	16-09-90	Nam		VN	Hà nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028756	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Duy	112363939
15025	Nguyễn Phú Đam	21-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028757	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Đam	112418387
15026	Nguyễn Thạch Hải	28-10-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028758	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/12/11	Thạch Hải	142511515
15027	Nghiêm Trọng Hiếu	03-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028759	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hiếu	142364006
15028	Phùng Thế Hùng	01-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028760	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Hùng	163058331
15029	Nguyễn Tiến Hùng	12-07-90			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028761	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/12/2011	Hùng	113415667
15030	Trần Duy Hùng	22-01-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028762	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	Hùng	013063553
15031	Nguyễn Duy Khánh	16-12-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028763	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/09/2011	Khánh	132048192
15032	Nguyễn Khắc Kiên	24-12-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028764	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/08/11	Kiên	164426329
15033	Trần Hữu Kiên	26-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028765	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/12/11	Kiên	151714651
15034	Trương Công Linh	24-01-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028766	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Linh	186865593
15035	Tạ Hữu Long	10-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028767	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Long	151700565
15036	Lê Đình Long	27-01-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028768	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Long	164319298
15037	Đoàn Thị Bích Lộc	10-10-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028769	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Lộc	163042549
15039	Phạm Thành Luân	26-06-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028803	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Luân	011247258
15038	Nguyễn Minh Luận	03-07-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028770	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Luận	164985083
15040	Phạm Đức Luật	08-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028772	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Luật	151760649
15041	Hoàng Văn Lực	26-02-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028773	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Lực	173601601
15042	Nguyễn Văn Mạnh	08-03-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028774	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/08/2011	Mạnh	154540136
15043	Nguyễn Văn Minh	10-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028775	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/03/12	Minh	135545741

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB27																	
15045	Nguyễn Văn Nhất	09-03-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028777	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Nhất	KSA232211
15046	Nguyễn Văn Ninh	04-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028778	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Ninh	121811317
15047	Lê Xuân Nội	28-12-88			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028779	1256-11/07/2011	11/07/2011	7/10/11	Nội	135405646
15048	Nguyễn Hồng Quân	10-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028780	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Quân	125363788
15049	Đặng Đức Sang	13-05-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028781	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Sang	164418654
15050	Hoàng Văn Soảnh	28-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028782	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Soảnh	163016727
15051	Vũ Văn Sơn	02-01-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028783	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Sơn	173907653
15052	Lê Quang Tam	23-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028784	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tam	173584019
15053	Phạm Văn Thao	08-04-87			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028785	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thao	173271448
15054	Nguyễn Văn Thành	23-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028786	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thà	142509236
15055	Dương Kim Thắng	05-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028787	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thắng	162997475
15056	Dương Việt Thắng	16-10-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028788	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thắng	168313206
15057	Nguyễn Bá Thiều	02-02-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028789	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11	Thiều	112338308
15058	Trần Văn Thức	27-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028790	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thức	151811385
15059	Phạm Quốc Tiệp	07-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028791	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Tiệp	151820097
15060	Vũ Mạnh Toàn	11-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028792	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Toàn	151794845
15061	Đỗ Xuân Triển	25-04-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028793	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11	KT	132048453
15062	Hoàng Xuân Trung	28-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028794	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Trung	142487405
15063	Đinh Văn Tuân	25-11-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028795	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/4/12	Tuệ	125312321
15064	Phạm Văn Tuấn	20-09-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028796	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Tuấn	0317122735
15065	Lê Anh Tuấn	26-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028797	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Tuấn	173412767

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB27																	
15066	Phạm Anh Tuấn	28-06-88	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028798	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11	Tuấn	163051391
15067	Lương Trọng Tuấn	29-06-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028799	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Tuấn	060897330
15068	Nguyễn Đức Tú	08-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028800	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/4/12		151925854
15069	Nguyễn Văn úc	01-07-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028801	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		091657142
15070	Nguyễn Văn Võ	19-04-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028802	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/04/12		125 367 108
Lớp 59CĐCĐS																	
15071	Nguyễn Hải Ba	10-02-89	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028808	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		125369681
15072	Đặng Công Bằng	11-10-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028809	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		112374228
15073	Nguyễn Mậu Chinh	28-10-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028810	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		173006515
15074	Phạm Văn Công	20-03-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028811	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11		172855425
15075	Nguyễn Xuân Doãn	23-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028812	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		112176869
15076	Trần Thế Dũng	19-09-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028813	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/12/11	Dũng	Tùng (OBCLOP Dũng Vệ 164473170
15077	Nguyễn Văn Dư	08-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028814	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		163105452
15078	Nguyễn Văn Dương	09-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028815	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		112491032
15079	Trọng Kiến Dương	12-02-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028816	1256-11/07/2011	11/07/2011	15/9/11		031567268
15080	Nguyễn Văn Đại	18-02-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028817	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11		168326835
15081	Phạm Văn Đạt	16-06-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028818	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		125277235
15082	Trần Xuân Đắc	14-09-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028819	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/4/2012		132037714
15083	Nguyễn Duy Đức	15-03-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028820	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11		163037088
15084	Phạm Minh Đức	28-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028821	1256-11/07/2011	11/07/2011	29/04/12		163067511
15085	Nguyễn Văn Hải	02-05-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028822	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		145411574

Lớp 59CĐCĐS

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
15086	Nguyễn Văn Hải	09-04-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028823	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hải	151765053
15087	Trương Bách Hải	20-02-90			VN	hà Nam	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028824	1256-11/07/2011	11/07/2011	03/12/2012	Hải	063517163
15088	Nguyễn Hãi	01-12-88			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028825	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/7/11	Hải	1835394496
15089	Trần Văn Hiến	24-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028826	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	HD	162960798
15090	Nguyễn Huy Hồi	01-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028827	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Hồi	112496536
15091	Phạm Lễ Khánh	10-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028828	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Khánh	165013574
15092	Vũ Thế Kiện	24-02-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028829	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Kiện	031679208
15093	Nguyễn Công Lý	19-09-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028830	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Lý	121752 18
15094	Nguyễn Tiến Mạnh	01-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028831	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Mạnh	151795210
15095	Nguyễn Quang Minh	16-01-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028832	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8	Minh	145456813
15096	Lương Xuân Mỹ	26-11-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028833	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Mỹ	168250361
15097	Vũ Văn Nam	17-03-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028834	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8	Nam	013096420
15098	Nguyễn Thị Ngát	25-01-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028835	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Nữ	163095331
15099	Ngô Văn Nghiệp	25-05-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028836	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Nam	121984967
15100	Hoàng Văn Nghĩa	04-02-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028837	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Nghĩa	132086473
15101	Nguyễn Công Ngọt	30-12-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028838	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Ngọt	135432706
15102	Nguyễn Văn Phong	29-01-85			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028839	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	phong	145234655
15103	Nguyễn Hữu Phòng	03-10-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028840	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8	Phong	145377394
15104	Nguyễn Đình Quảng	15-08-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028841	1256-11/07/2011	11/07/2011	15/12/11	Quảng	186704033
15105	Nguyễn Phụ Thành	06-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028842	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thành	142792217

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐCĐS																	
15107	Phạm Quang Cao Thắng	09-08-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028844	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thắng	162958393
15108	Nguyễn Mạnh Thắng	27-11-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028845	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thắng	112279509
15109	Lê Văn Tiến	01-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028846	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tiến	173568184
15110	Hoàng Văn Tiến	12-02-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028847	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tiến	142500268
15111	Nguyễn Phượng Tình	02-04-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028848	1256-11/07/2011	11/07/2011	4/10/11	Tình	112384800
15112	Hoàng Văn Toán	12-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028849	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Toán	173582252
15113	Lê Văn Trọng	10-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028850	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11	Trọng	112166189
15114	Lê Đình Trường	10-11-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028851	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Trường	178873041
15115	Nguyễn Đức Tuấn	01-01-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028852	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Tuấn	186794598
15116	Nguyễn Văn Tuấn	07-08-86			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028853	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11	Thanh	186327903
15117	Trần Ngọc Tuấn	12-11-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028854	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Tuấn	125362246
15118	Trương Anh Tuấn	14-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028855	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	T. Anh Tuấn	162974494
15119	Lê Huy Tuyên	05-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028856	1256-11/07/2011	11/07/2011	07/10/11	Tuyên	13578588
15120	Tô Đức Tuyển	06-11-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028857	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Tuyển	142486117
15121	Trần Văn Tuyến	14-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028858	1256-11/07/2011	11/07/2011			
15122	Phùng Xuân Tùng	06-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028859	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/09/11		155000013
15123	Hà Thanh Tùng	11-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028860	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Tùng	151659076
15124	Bùi Văn Tùng	19-06-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028861	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11		163015584
15125	Nguyễn Văn Tú	01-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028862	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Tú	163107761
15126	Lê Thị Tươi	29-02-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028863	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Tươi	145344486
					VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028864	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Vân	162943429

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐCĐS																	
15128	Nguyễn Đăng Việt	07-07-89	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028865	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/7/12	Việt	112356361
15129	Trần Văn Việt	10-05-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028866	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Việt	186841927
15130	Nguyễn Khắc Vũ	10-11-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	16	TB Khá	CQ	A028867	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/10/2011	Vũ	183715671
15131	Nguyễn Đình Xuân	27-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	16	Trung bình	CQ	A028868	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Xuân	163061774

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Kế toán

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT3																	
15132	Trịnh Thị Vân Anh	16-03-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028870	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011		172783491
15133	Hoàng Thị Mai Anh	27-12-89			VN	Sơn La	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028871	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011		0505 88543
15134	Nguyễn Thị ánh	22-04-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028872	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15135	Trần Thị Bích	14-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028873	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15136	Đỗ Thị Chuyên	02-11-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028874	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15137	Lê Thị Chuyên	20-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028875	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Chuyên	168349322
15138	Nguyễn Thị Dinh	05-04-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028876	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15139	Nhữ Thị Duyên	23-04-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028877	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15140	Nguyễn Ba Duy	02-10-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028878	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Duy	173277126
15141	Nguyễn Thùy Dương	23-12-90	Nữ		VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028879	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15142	Hoàng Thị Đủ	17-05-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028880	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15143	Trịnh Thị Giang	15-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028881	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15144	Lê Thị Giang	18-11-88			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028882	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Giang	031888997
15145	Nguyễn Thị Ngọc Hà	10-05-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028883	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011		112491680
15146	Đặng Thị Hằng	21-09-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028884	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hằng	135445572
15147	Trịnh Thị Hiền	06-03-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028885	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15148	Nguyễn Thị Hiệp	15-06-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028886	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15149	Bùi Thị Hoàn	23-11-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028887	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT3																	
15150	Nguyễn Thị Hồng	06-07-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028888	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hồng	163010052
15151	Hoàng Thị Hồng	10-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Giỏi	CQ	A028889	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hồng	112454008
15152	Phạm Thị Huê	05-05-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028890	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15153	Nguyễn Thị Huế	16-07-87			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028891	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Huế	135271617
15154	Bùi Thị Huyền	04-11-89			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028892	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11	Huyền	112335589
15155	Trương Thị Huyền	18-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028893	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15156	Trần Thị Hương	02-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028894	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15157	Nguyễn Thị Hường	10-06-90			VN	Điện Biên	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028895	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15158	Đới Thị Hường	20-10-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028896	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hường	173437166
15159	Cao Thị Lan	17-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028897	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15160	Lê Thị Liên	15-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028898	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Liên	173663458
15161	Hán Thị Mai	13-06-89			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028899	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Mai	112355802
15162	Phạm Thành Minh	06-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028900	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15163	Nguyễn Văn Nam	08-05-90	Nam		VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A028901	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15164	Tống Thị Nga	27-02-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028902	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15165	Hồ Thị Ngân	06-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028903	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15166	Lê Thị Ngần	10-03-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028904	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/11	ngần	163046217
15167	Nguyễn Thị Ngọc	12-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028905	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15168	Nguyễn Hồng Nhung	07-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028906	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11	Nhung	013050090
15169	Nguyễn Thị Phương	28-11-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028907	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15170	Hồ Anh Quân	17-09-90	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A028908	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT3																	
15171	Nguyễn Thị Quyên	08-03-89	Nữ		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028909	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Quyên	186797473
15172	Nguyễn Thị Thảo	08-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028910	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Thảo	163099835
15173	Ngô Thị Thảo	20-02-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028911	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15174	Nguyễn Thị Thơm	31-10-90			VN	hải Dương	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028912	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Thơm	142495689
15175	Nguyễn Thị Thu	02-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028913	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15176	Nguyễn Thị Thủy	01-02-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028914	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15177	Trần Thị Thủy	05-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028915	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15178	Nguyễn Thu Thủy	13-06-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028916	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15179	Nguyễn Thị Thúy	06-07-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028917	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15180	Nguyễn Thị Phương	17-12-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029105 ~~A028918~~	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15181	Phạm Thị Thanh Thúy	18-10-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028919	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	thuy	151869414
15182	Nguyễn Thị Thu Trang	01-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028920	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Trang	135269521
15183	Vũ Thị Trang	01-12-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028921	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	nhangvu	151674015
15184	Nguyễn Thị Huyền	15-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028922	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15185	Nguyễn Thị Trang	20-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028923	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15186	Cao Thị Tuyến	08-11-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028924	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Tuyến	183615172
15187	Đoàn Thị Tú	14-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028925	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15188	Nguyễn Thị Vân	28-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028926	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Vân	163093530
15189	Nguyễn Văn Tuấn Vũ	18-01-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A028927	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	VA	142517748
15190	Mã Thị Xinh	12-04-90	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028928	1332-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐKT4																	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT4																	
15191	Nguyễn Thái Anh	04-05-90	Nữ		VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028929	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15192	Nguyễn Thị Vân Anh	11-12-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028930	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15193	Đỗ Thị Khánh Chi	02-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028931	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15194	Nguyễn Thị Cúc	17-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028932	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15195	Nguyễn Thị Mỹ Dung	10-05-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028933	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/011		164356412
15196	Trương Thị Duyên	10-08-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028934	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15197	Lê Anh Dũng	05-10-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028935	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15198	Phạm Thị Thùy Dương	11-02-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028936	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15199	Lê Thúy Hằng	27-12-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028937	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hằng	125363398
15200	Đoàn Thị Hoa	15-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028938	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15201	Vũ Kim Huệ	09-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028939	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15202	Nguyễn Thị Huệ	18-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028940	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15203	Nguyễn Thị Thanh	11-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028941	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15204	Nguyễn Thị Huyền	15-10-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028942	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011		112267091
15205	Lê Thanh Huyền	16-06-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028943	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15206	Nguyễn Mạnh Hưng	23-07-86	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028944	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15207	Bùi Thị Thu Hương	12-08-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028945	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Hương	151765239
15208	Nguyễn Thị Hương	19-03-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028946	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15209	Sái Thị Hương	29-10-89			VN	Vĩnh Yên	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028947	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15210	Nguyễn Thị Hường	21-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028948	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Hường	173296800
15211	Phạm Thị Khuyên	31-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028949	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT4																	
15212	Đặng Thị Lan	07-10-88	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028950	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15213	Nguyễn Thị Thúy Lan	17-12-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028951	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/11	lan	112391349
15214	Trần Thị Mỹ Lan	19-01-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028952	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15215	Nguyễn Thị Linh	07-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028953	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15216	Trần Thị Hồng Lĩnh	06-11-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028954	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15217	Chu Thị Ly	24-02-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028955	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15218	Lê Thị Tuyết Mai	01-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028956	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/11	Mai	112484869
15219	Phan Văn Mạnh	04-03-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028957	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15220	Lê Thị Minh	14-03-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028958	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15221	Hà Thị Nga	22-02-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028959	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15222	Đinh Thị Bảo Ngọc	16-06-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028960	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15223	Trần Thị Ngọc	22-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028961	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/11	Ngọc	151892256
15224	Thân Thị Nhâm	05-05-89			VN	Bắc giang	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028962	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/11	Nhâm	121876840
15225	Nguyễn Thị Phượng	24-01-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028963	1332-19/07/2011	19/07/2011	18/08/11	Phượng	173581007
15226	Phạm Thị Phượng	28-07-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028964	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/11	phượng	168315205
15227	Trịnh Văn Quang	16-03-89	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028965	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15228	Trần Thị Quỳnh	15-03-89	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028966	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15229	Phan Hải Sơn	24-02-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028967	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15230	Vũ Ngọc Sơn	24-12-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028968	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15231	Trần Hồng Thanh	01-01-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028969	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11	Thanh	151797898
15232	Nguyễn Thị Thảo	04-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028970	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT4																	
15233	Tạ Thị Phương Thảo	05-06-90	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028971	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15234	Giáp Thị Thêm	15-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028972	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15235	Phạm Minh Thông	19-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028973	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15236	Dương Thị Thu Thuận	16-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028974	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15237	Nguyễn Thị Thu Thủy	03-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028975	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15238	Nguyễn Thị Thủy	24-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028976	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2021		112404577
15239	Nguyễn Thị Thụy	08-07-90			VN	Điện Biên	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028977	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15240	Nguyễn Thùy Tiên	11-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028978	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15241	Nguyễn Xuân Toản	07-08-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028979	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15242	Nguyễn Thị Toàn	06-11-90	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028980	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15243	Trần Thị Thu Trang	12-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028981	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15244	Nguyễn Thị Trang	15-08-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028982	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15245	Nguyễn Thị Huyền	20-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028983	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15246	Phạm Minh Tuấn	02-03-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028984	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15247	Cao Thị Tuyết	11-05-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028985	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2021	Tuyết	132.038.759
Lớp 59CĐKT5																	
15248	Nguyễn Thúy An	12-10-89	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028986	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15249	Phạm Ngọc Bích	17-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028987	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15250	Vũ Thị Duyên	23-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028988	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15251	Nguyễn Thị Duyên	30-10-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028989	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2021	Duyên	142534783
15252	Nguyễn Thị Dự	24-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028990	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT5																	
15253	Nguyễn Thành Đĩnh	07-11-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028991	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15254	Phan Thị Hiên	24-02-90	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028992	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Hiên	135482650
15255	Nguyễn Thị Thanh Hiền	24-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028993	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15256	Đinh Thị Thu Hiền	24-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028994	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Hiên	135511606
15257	Đặng Thị Hiền	24-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028995	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Hiền	112509206
15258	Nguyễn Thanh Hiền	27-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028996	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hiền	151769778
15259	Đặng Thị Hoài	01-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A028997	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hoài	151782158
15260	Nguyễn Thị Hoài	20-02-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028998	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Hoài	186767766
15261	Nguyễn Thị Thanh Hòa	01-06-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A028999	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15262	Ngô Thị Huyền	22-02-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029000	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15263	Nguyễn Mạnh Hưng	27-02-90	Nam		VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029001	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hưng	3154887
15264	Nguyễn Thị Hương	10-12-89	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029002	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15265	Đinh Thị Lan Hương	28-02-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029003	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15266	Nguyễn Việt Khánh	04-07-89	Nam		VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029004	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15267	Nguyễn Thị Khuyên	09-05-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029005	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15268	Nguyễn Trung Kiên	06-06-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A029006	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15269	Vũ Ngọc Kim	25-07-90	Nữ		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029007	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15270	Tống Thị Lan	06-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029008	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15271	Phạm Thị Mỹ Lê	14-09-90			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029104 ~~A029009~~	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Lê	101082445
15272	Ngô Thị Liên	28-08-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029010	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15273	Vũ Ngọc Linh	25-07-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029011	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT5																	
15274	Trần Thị Thanh Loan	09-10-90	Nữ		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029012	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15275	Nguyễn Thị Lụa	21-06-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029013	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11	Lụa	151715882
15276	Nguyễn Thị Mai	30-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029014	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15277	Hữu Thị Mến	15-05-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029015	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11		112489739
15278	Nguyễn Ngọc Minh	20-10-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029016	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11		135328757
15279	Đoàn Thị Hồng Ngát	03-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029017	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15280	Trần Đình Ngọc	27-11-90	Nam		VN	Lai Châu	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029018	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15281	Trần Thị Hồng Nhung	23-04-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029019	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11	Nhung	151772808
15282	Nguyễn Thị Thùy Ninh	20-05-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029020	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15283	Trần Tuấn Phương	14-09-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A029021	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15284	Đoàn Ngọc Quyên	07-11-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029022	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15285	Chu Văn Sơn	12-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A029023	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15286	Nguyễn Thị Tâm	08-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029024	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15287	Bùi Thị Thanh	17-02-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029025	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15288	Nguyễn Thị Thảo	13-09-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029026	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Thảo	125427807
15289	Chí Thị Thành	09-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029027	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15290	Đỗ Thị Thái	19-08-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029028	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011		112483687
15291	Phạm Thị Thắm	21-05-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029029	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15292	Nguyễn Thị Thu	02-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029030	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Thu	112374975
15293	Nguyễn Thị Thủy	18-01-86			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029031	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15294	Lê Thị Thúy	01-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029032	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Thúy	172852343

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT5																	
15295	Nguyễn Văn Tiến	21-11-88	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029033	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15296	Nguyễn Thị Tỉnh	10-01-89	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029034	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Tỉnh	112372062
15297	Nguyễn Thị Huyền	13-07-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029035	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15298	Đặng Thị Trâm	01-06-90			VN	Thái bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029036	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/11	Trâm	151937826
15299	Nguyễn Duy Tuân	15-06-90	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029037	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15300	Bùi Anh Tuyên	29-01-89			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029038	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15301	Trần Thị Tươi	16-06-89	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029039	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15302	Nguyễn Thị Tươi	28-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029040	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15303	Nguyễn Thị Vân	12-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029041	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15304	Trần Thị Vân	16-08-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029042	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15305	Nguyễn Văn Việt	02-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A029043	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15306	Phạm Thị Xuân	01-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029044	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15307	Đinh Thị Yên	20-06-89			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029100	1332-19/07/2011	19/07/2011			
Lớp 59CĐKT6																	
15308	Nguyễn Thế Ân	20-10-90	Nam		VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029046	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Ân	113399285
15309	Vũ Thùy Dung	16-06-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029047	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15310	Tô Thị Duyên	14-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029101	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15311	Nguyễn Bình Duy	02-02-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A029049	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15312	Lê Bá Dương	30-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A029050	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15313	Nguyễn Thị Điệp	20-04-89	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029051	1332-19/07/2011	19/07/2011			
							2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029052	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT6																	
15315	Tạ Thị Hà	26-09-90	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029053	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hà	175316657
15316	Trần Thị Kim Hạnh	15-01-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029054	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15317	Trần Thị Hằng	20-02-90			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029055	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15318	Nguyễn Thị Hằng	20-12-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029102	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15319	Nguyễn Thị Hiên	25-04-90			VN	Hà Tây	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029057	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011		142235580
15320	Nguyễn Thị Hiền	07-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029103	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15321	Nguyễn Thị Thu Hiền	15-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029059	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15322	Phạm Thị Hiền	31-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029060	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15323	Hoàng Trọng Hiếu	03-03-89	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029061	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15324	Trịnh Thị Hiệp	02-10-88	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029062	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15325	Đỗ Thị Hoài	10-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029063	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hoài	163038058
15326	Nguyễn Thị Hoàn	12-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029064	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Hoàn	135539420
15327	Đồng Thị Kim Huệ	02-04-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029065	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Huệ	142508979
15328	Nguyễn Thị Kim Huệ	03-08-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029066	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Huệ	132072396
15329	Nguyễn Thị Huệ	12-03-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029067	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15330	Nguyễn Quý Hương	06-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029068	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15331	Nguyễn Thị Hương	10-11-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029069	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15332	Nguyễn Thị Luyên	20-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029070	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Luyên	151762732
15333	Trần Thị Lụa	24-10-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029071	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15334	Phạm Thị Lưu	26-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029072	1332-19/07/2011	19/07/2011			
												A029073	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT6																	
15336	Nguyễn Thị Nga	05-04-90	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029074	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15337	Trần Thị Nga	24-04-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029075	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15338	Nguyễn Thị Ngân	22-09-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029076	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15339	Nguyễn Thị Bích Ngọc	18-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029077	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15340	Nguyễn Thị Nhàn	20-06-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029078	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15341	Phí Thị Bích Nhàn	27-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029079	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15342	Phạm Thị Nhân	28-04-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029080	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Nhân	183825875
15343	Phạm Thu Phương	13-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029081	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15344	Phạm Văn Phước	28-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029082	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15345	Lê Thị Phượng	24-10-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029083	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15346	Đỗ Thị Quyên	03-03-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029084	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15347	Đỗ Thị Quyến	22-10-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029085	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15348	Đặng Thị Thu	14-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029086	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15349	Nguyễn Thị Thủy	02-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029087	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15350	Đặng Thị Thủy	09-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029088	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15351	Nguyễn Thị Thủy	15-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029089	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15352	Lê Thị Thủy	16-04-88			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029090	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/08/2011	Thủy	173341018
15353	Trần Thanh Thúy	18-09-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029091	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15354	Vũ Thị Thưởng	15-07-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029092	1332-19/07/2011	19/07/2011	17/8/2011	Phương	151675089
15355	Nguyễn Hữu Toàn	04-10-89	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029093	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15356	Trần Thị Trang	09-10-90	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029094	1332-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT6																	
15357	Nguyễn Thị Như Trang	14-12-90	Nữ		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029095	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15358	Vũ Thị Thu Trang	25-04-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A029096	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15359	Lê Thị Huyền Trang	25-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029097	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15360	Nguyễn Thị Tuyến	01-02-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029098	1332-19/07/2011	19/07/2011			
15361	Mai Thị Xuyên	16-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A029099	1332-19/07/2011	19/07/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ thông tin

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐT1																	
15362	Bùi Hữu Anh	06-10-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029114	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15363	Phạm Tuấn Anh	09-03-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029115	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15364	Đặng Tuấn Anh	09-05-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029116	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15365	Vũ Thị Kim Anh	29-01-90	Nữ		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029117	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15366	Lê Tiến Bằng	06-12-89	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029118	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15367	Chung Thanh Bình	22-03-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029119	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15368	Nguyễn Ngọc Bùi	23-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029120	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15369	Lê Hữu Cảnh	18-11-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029121	1334-19/07/2011	19/07/2011	5/9/2011	Cảnh	173457357
15370	Nguyễn Văn Cường	14-11-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029122	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15371	Phạm Văn Duy	18-06-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029123	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15372	Hoàng Thế Đạt	14-05-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029124	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15373	Nguyễn Xuân Được	01-03-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029125	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15374	Triệu Văn Giang	17-11-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029126	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15375	Nguyễn Đức Hà	02-11-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029127	1334-19/07/2011	19/07/2011	05/09/2011	Hà	186911293
15376	Nguyễn Mạnh Hà	15-01-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029128	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15377	Nguyễn Minh Hà	30-07-90			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029816 ~~A029129~~	1334-19/07/2011	19/07/2011	07/09/2011	Hà	063288047
15378	Phạm Văn Hậu	25-11-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029130	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15379	Hoàng Văn Hiếu	08-07-90			VN	Sơn La	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029131	1334-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐT1																	
15380	Đinh Thị Hoa	20-10-88	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029132	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15381	Đỗ Văn Hòa	15-06-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029133	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15382	Vũ Trần Hùng	10-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029134	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15383	Nguyên Văn Hưng	12-02-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029135	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15384	Phạm Văn Hưng	19-05-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029136	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15385	Hoàng Văn Khánh	10-01-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029137	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15386	Vũ Công Khiêm	28-05-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029138	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15387	Bùi Văn Khoái	01-02-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029139	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15388	Vũ Đăng Khuyến	04-03-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029140	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15389	Nguyễn Văn Kim	25-05-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029141	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15390	Nguyễn Thị Thu Lành	02-03-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029142	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15391	Nguyễn Văn Lượng	05-03-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029143	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15392	Đoàn Hồng Ngọc	08-06-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029144	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15393	Phan Thị Oanh	08-10-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029145	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15394	Nguyễn Thị Kiều Oanh	30-07-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029146	1334-19/07/2011	19/07/2011	7/9/2011	Oanh	164383971
15395	Vương Quý Phi	10-01-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029147	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15396	Nguyễn Duyên Phú	02-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029148	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15397	Nguyễn Minh Phương	08-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029149	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15398	Nguyễn Hòa Phương	27-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029150	1334-19/07/2011	19/07/2011	7/9/2011	Phương	112489106
15399	Nguyễn Mạnh Quảng	06-06-90			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029151	1334-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐT2																	
15421	Bùi Ngọc Chiến	27-01-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029173	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15422	Nguyễn Thị Cúc	05-07-90	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029174	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15423	Nguyễn Thị Doanh	02-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029175	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15424	Nguyễn Văn Doanh	28-04-90	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029176	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15425	Lê Trung Duy	15-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029177	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15426	Vũ Tiến Đạt	07-06-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029178	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15427	Nghiêm Xuân Định	20-05-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029179	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15428	Lê Quang Đức	11-07-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029180	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15429	Nguyễn Văn Giang	07-05-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029181	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15430	Nguyễn Thị Thanh Hà	22-03-89	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029182	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15431	Khương Thị Thu Hiền	21-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029183	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15432	Hoàng Khắc Hiếu	02-12-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029184	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15433	Nguyễn Văn Hiệp	13-08-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029185	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15434	Đoàn Ngọc Hiệp	19-09-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029186	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15435	Trịnh Đình Hoàng	16-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	17	Trung bình	CQ	A029187	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15436	Nguyễn Quốc Huy	04-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029188	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15437	Nguyễn Thị Thu Hương	20-06-90	Nữ		VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029189	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15438	Hồ Đình Khang	06-02-90	Nam		VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029190	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15439	Nguyễn Tiến Mạnh	27-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	17	TB Khá	CQ	A029191	1334-19/07/2011	19/07/2011			
15440	Bùi Thanh Mến	30-05-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	17	Khá	CQ	A029192	1334-19/07/2011	19/07/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT11																	
13819	Phan Thị Hoa	10-05-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027541	1254-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11	Hoa	151757681
13820	Phạm Gia Hoà	24-01-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027542	1254-11/07/2011	11/07/2011	22/8/11		012792112
13821	Bùi Thị Bích Hồng	16-09-89	Nữ		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027543	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hồng	168312428
13822	Đinh Thị Bích Hồng	20-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027544	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Bích	112359558
13823	Trần Ngọc Hồng	25-03-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027545	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hồng	091666237
13824	Nguyễn Thị Huệ	16-08-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027546	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Huệ	195348273
13825	Hà Thị Hồng Huệ	24-09-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027547	1254-11/07/2011	11/07/2011	03/11/12	Huệ	121828102
13826	Vũ Thị Huyền	12-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027548	1254-11/07/2011	11/07/2011	20/12/11	Huyền	112386903
13827	Nguyễn Thanh Huyền	18-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027549	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Huyền	012676248
13828	Thân Thị Ngọc Hương	17-07-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027550	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Hường	121986567
13829	Đinh Mai Hương	21-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027551	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hương	163108634
13830	Đỗ Thị Hương	29-09-89			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027552	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hương	07080562
13831	Trần Thị Hương	29-12-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027553	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hường	173077092
13832	Trần Thị Ngọc Hường	13-02-91			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027554	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hường	013011122
13833	Lê Duy Khanh	18-05-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027555	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		168317952
13834	Nguyễn Văn Khiêm	15-03-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027556	1254-11/07/2011	11/07/2011			112784104
13835	Lê Thị Lâm	09-02-89	Nữ		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027557	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Lâm	012918041
13836	Hoàng Văn Lê	15-03-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027558	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/9/11	Lê	163073661
13837	Nguyễn Thị Bích Liên	07-07-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027559	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/9/11	Liên	060657757
13838	Phạm Thị Thuỳ Linh	27-10-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027560	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/011	Linh	135539448
13839	Phạm Thị Xuân Lộc	20-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027561	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/9/2011	Lộc	163071106

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT11																	
13840	Nguyễn Thị Luyện	23-10-89	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027562	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Luyện	112261607
13841	Phạm Thị Mai	10-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027563	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Mai	163095387
13842	Nguyễn Thị Nga	02-03-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027564	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Nga	013032762
13843	Nguyễn Thị Phương Nga	22-10-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027565	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Nga	142495132
13844	Đỗ Thị Nga	04-05-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027566	1254-11/07/2011	11/07/2011	21/10/11	Nga	121918878
13845	Phan Thị Thu Ngà	05-10-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027567	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Ngà	151671028
13846	Phạm Thị Ngoan	12-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027568	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Ngoan	23/8/2011
13847	Hồ Thị Ngọc	06-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027569	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Ngọc	186803183
13848	Nguyễn Thị Ngọc	13-07-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027570	1254-11/07/2011	11/07/2011	25/8/2011	Ngọc	186675425
13849	Ngô Thị Thúy Ngọc	21-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027571	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Ngọc	142474851
13850	Nguyễn Hải Phú	20-10-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027572	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Phú	131662111
13851	Nguyễn Thị Lan Phương	13-05-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027573	1254-11/07/2011	11/07/2011	6/9/2011	Phương	012703700
13852	Tăng Thị Phương	17-07-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027574	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Phương	0977493204
13853	Nguyễn Thị Phượng	02-09-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027575	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11	Phượng	101062312 0934525528
13854	Phạm Xuân Sinh	05-02-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027576	1254-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11	Sinh	162993205
13855	Doãn Thanh Tâm	16-10-87	Nữ		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027577	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tâm	012451039
13856	Nguyễn Hoài Thơ	08-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027578	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Thơ	151651092
13857	Hà Thị Thơm	03-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027579	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thơm	142328939
13858	Nguyễn Thị Huyền Trang	02-09-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027580	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	145371417
13859	Đinh Thị Trang	19-11-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027581	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	164183585
13860	Vũ Thị Như Trang	20-08-87			VN		2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027582	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	162762566

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT11																	
13861	Nguyễn Thu Trà	03-01-91	Nữ		VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027583	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Trà	0821533563
13862	Trần Thị Trinh	28-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027584	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trinh	15174165
13863	Nguyễn Văn Trường	07-09-89	Nam		VN	Hà nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027585	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Trường	112267589
13864	Nguyễn Thị Kim Tuyến	12-10-89	Nữ		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027586	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tuyến	012935089
13865	Nguyễn ánh Tuyết	19-01-89			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027587	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tuyết	0973485254
13866	Lương Tiến Tùng	15-08-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A027588	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Tùng	121938421
13867	Hà Thị Tươi	07-08-90	Nữ		VN	TpThái Bình-	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027589	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tươi	151742146
13868	Phạm Thị Vân	27-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027590	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Vân	151751318
Lớp 59CĐKT12																	
13869	Nguyễn Thị Lan Anh	03-09-87	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027591	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Anh	112469955
13870	Phạm Thị Ngọc ánh	14-06-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027592	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Ngọc ánh	121857394
13871	Nguyễn Thị Ngọc Bích	20-04-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027593	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Bích	01279083
13872	Lê Thị Ngọc Bích	25-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027594	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Bích	112441227
13873	Ngô Thị Châu	16-07-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027595	1254-11/07/2011	11/07/2011			
13874	Nguyễn Thị Bích Diệp	26-07-89			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027596	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Diệp	031627818
13875	Hoàng Thị Diệu	22-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027597	1254-11/07/2011	11/07/2011	14/10/11	Diệu	112240406
13876	Trần Thị Dịu	18-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027598	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Dịu	163045499
13877	Nguyễn Thị Dung	09-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027599	1254-11/07/2011	11/07/2011	09/12/11	Dung	123910006
13878	Bùi Thuý Dung	30-08-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027600	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Dung	012891960
13879	Đặng Thị Bích Đào	16-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027601	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Đào	112489649
13880	Quách Phạm Hải Đăng	15-03-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027602	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Đăng	01298914

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT12																	
13881	Nguyễn Thị Hà	12-10-90	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027603	1254-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11	Hà	125315293
13882	Đỗ Thị Hà	25-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027604	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hà	163079806
13883	Kim Thị Bích Hạnh	02-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027605	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Hạnh	112489651.
13884	Tống Thu Hằng	13-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027606	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hằng	121977324
13885	Nhữ Thị Hiền	01-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027607	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Hiền	142447533
13886	Mai Thị Hiền	10-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027608	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Hiền	163092179
13887	Lê Thị Hiền	14-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027609	1254-11/07/2011	11/07/2011	07/10/11	[illegible]	173575519.
13888	Trần Thị Hoa	05-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027610	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hoa	162998694
13889	Nguyễn Thị Hoan	23-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027611	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/	Hoan	163095286
13890	Phạm Thị Huệ	08-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027612	1254-11/07/2011	11/07/2011	08/09	Huệ	151866753
13891	Vũ Thị Huyền	12-02-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027613	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Huyền	145363148
13892	Đỗ Thị Huyền	12-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027614	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Huyền	168345608
13893	Dương Thị Huyền	20-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027615	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Huyền	173420074
13894	Nguyễn Thị Huyền	02-02-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027616	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Huyền	162966208
13895	Phạm Thị Hương	03-03-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027617	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Hường	163019540
13896	Nguyễn Thị Thu Hương	25-09-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027618	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Kt. Anh	Lưu Văn AR chú
13897	Đỗ Thị Lan Hương	29-05-88			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027619	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	[illegible]	Lan Hường
13898	Nguyễn Mai Hương	30-05-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027620	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	[illegible]	164403303
13899	Hoàng Công Kiều	21-02-89	Nam		VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027621	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	[illegible]	091071511
13900	Lê Cẩm Lệ	24-09-90	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027622	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Lệ	135432212
13901	Hoàng Thị Liên	18-12-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027623	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Liên	142530371

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT12																	
13902	Nguyễn Diệu Linh	02-11-90	Nữ		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027624	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Linh	01268436
13903	Đậu Thị Thanh Loan	01-05-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027625	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		Nghỉ KNT
13904	Nguyễn Thị Phương Luyến	02-09-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027626	1254-11/07/2011	11/07/2011	16/9/2011		125324074
13905	Sái Thị Lương	01-05-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027627	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8	Lương	125318039
13906	Đoàn Thị Lương	09-08-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027628	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Lương	B5435935
13907	Ngô Thị Lương	19-03-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027629	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Lương	173388586
13908	Phạm Trần Ly	16-05-89	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027630	1254-11/07/2011	11/07/2011	15/9/11	Ly	168142027
13909	Nguyễn Thị Mai	03-01-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027631	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Mai	142447428
13910	Lê Thị My	03-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027632	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	My	173388528
13911	Trần Thị Ngân	05-04-88			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027633	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Ngân	168283817
13912	Nguyễn Thuý Ngân	18-09-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027634	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Ngân	013010925
13913	Nguyễn Thị Trang Nhung	20-02-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027635	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Nhung	112358994
13914	Đinh Thị Thu Phương	09-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027636	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Phương	163105072
13915	Nguyễn Thị Thanh	02-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027637	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thanh	151776229
13916	Nguyễn Thị Thanh	11-02-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027638	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Thanh	012703488
13917	Phạm Như Thảo	12-06-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027639	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Thảo	173342675
13918	Nguyễn Thị Thắm	03-06-89	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027640	1254-11/07/2011	11/07/2011			
13919	Trần Thị Thắm	08-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027641	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11 17/8/11	Thắm	112483685 140492625
13920	Vũ Thị Thêu	15-02-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027642	1254-11/07/2011	11/07/2011	7/10/11	Thêu	151847523 0984991415
13921	Trần Thị Thu	01-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027643	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thu	151797220
13922	Kiều Thu Thuỷ	15-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027644	1254-11/07/2011	11/07/2011	28/08/11		112468982

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT12																	
13923	Phạm Thị Thuý	12-01-90	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027645	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/3/12		173158203.
13924	Nguyễn Thị Hoài	04-02-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027646	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		142622097
13925	Trịnh Thị Thương	06-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027647	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thương	173380230
13926	Vũ Thị Toán	20-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027648	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Toán	142453277
13927	Dương Thị Thu Trang	02-07-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027649	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	013442062
13928	Trần Thị Trang	13-06-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027650	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		A3275343
13929	Bùi Thanh Tuyền	15-05-89			VN	Thái Nguyên	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027651	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tuyền	091086125
13930	Nguyễn Thị ánh Tuyết	13-09-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027652	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Tuyết	164463866
13931	Nguyễn Thị Thanh Tú	17-06-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027653	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11		132 124086
13932	Vũ Thị Yên	18-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027654	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Yến	151695319
13933	Thái Thị Yến	26-06-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027655	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		P Nghia KTVT
Lớp 59CĐKT7																	
13934	Trần Thị Thúy An	28-10-89	Nữ		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027656	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/09/2011		186644587
13935	Vũ Thị Vân Anh	08-11-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027657	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011		145043103
13936	Vũ Thị Kim Anh	13-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027658	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Anh	162076765
13937	Hữu Thị Chang	04-07-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027659	1254-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11		013010104
13938	Phạm Thị Cúc	09-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027660	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Cúc	163019520
13939	Vũ Thị Diệp	17-11-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027661	1254-11/07/2011	11/07/2011			
13940	Trần Thị Kim Dung	15-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027662	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Dung	163009485
13941	Ngô Thuỳ Dương	12-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027663	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Dương	151754476
13942	Lã Thị Thuỳ Dương	27-07-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027664	1254-11/07/2011	11/07/2011	22/8/11	Dương	168339201

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT7																	
13943	Nguyễn Thị Định	12-05-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027665	1254-11/07/2011	11/07/2011	2019	Định	173078970
13944	Quách Thị Ngọc Hảo	05-08-88			VN	Thanh Hoá	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027666	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8	Hảo	172477819
13945	Nguyễn Thị Thu Hà	15-05-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027667	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hà	135469570
13946	Phùng Thị Hà	18-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027668	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hà	135336106
13947	Đoàn Thị Thu Hà	28-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027669	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8	Thuhà	162975656
13948	Nguyễn Thị Thuý Hằng	09-11-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027670	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8	Hằng	163057283
13949	Lê Thị Hậu	26-09-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027671	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/08	Hậu	168301544
13950	Võ Văn Hiếu	02-11-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027672	1254-11/07/2011	11/07/2011	22/8	Hiếu	012637374
13951	Phạm Thị Thanh Hoa	04-07-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027673	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8	Hoa	164339508
13952	Mai Thị Hoà	14-10-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027674	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Hòa	121852022
13953	Tô ánh Hồng	15-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027675	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Hồng	151761782
13954	Cao Thị Huế	20-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027676	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8	Huế	163098856
13955	Phạm Thị Thanh Huyền	06-07-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027677	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Huyền	163035376
13956	Trần Thị Thu Huyền	27-06-89			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027678	1254-11/07/2011	11/07/2011	25/10/11	Huyền	031508163
13957	Nguyễn Thu Hương	29-04-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027679	1254-11/07/2011	11/07/2011	07/9/11	Thu	Tổ TCNH
13958	Đỗ Thị Lan	30-07-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027680	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8	Lan	112366536
13959	Nguyễn Thị Là	25-07-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027681	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011		168511799
13960	Đặng Thị Linh	20-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027682	1254-11/07/2011	11/07/2011	7/10/11	Linh	151741463
13961	Nguyễn Thị Mai	29-09-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027683	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Mai	125297687
13962	Nguyễn Văn Mạnh	27-04-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027684	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Mạnh	163005126
13963	Đinh Thị Miền	28-10-90	Nữ		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027685	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/08/2011	Miền	186961820

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT7																	
13964	Đoàn Thị Mơ	20-09-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027686	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/11/11		161110875
13965	Trần Thị Thúy My	14-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027687	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	My	151125589
13966	Cấn Thị Nga	14-05-89			VN	Hà nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027688	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Nga	112267128
13967	Trần Thị Phương Ngoan	25-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027689	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		162906114
13968	Lâm Thị Ngọc	13-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027690	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Ngọc	Lâm Thị Ngọc
13969	Cao Thị Nguyệt	03-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027691	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Nguyệt	163076237
13970	Nguyễn Thị Nhài	11-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027692	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		151761020
13971	Trần Thị Nhung	08-08-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027693	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Nhung	151717391
13972	Đinh Thị Hồng Nhung	15-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027694	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11	Nhung	135470193
13973	Phạm Thị Kiều Oanh	26-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027695	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Oanh	151794855
13974	Hoàng Thị Phương	20-07-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027696	1254-11/07/2011	11/07/2011	07/02/12	Phương	168312511
13975	Vũ Thái Phương	20-10-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027697	1254-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11	Phương	162852410
13976	Phạm Thị Phượng	10-10-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027698	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Phượng	173415587
13977	Đào Thị Quyên	30-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027699	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Quyên	151795439
13978	Trần Thị Phương Quỳnh	23-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027700	1254-11/07/2011	11/07/2011	06/9/11	Quỳnh	163060736
13979	Nguyễn Thị Sen	10-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027701	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Sen	163093045
13980	Phạm Thị Sim	07-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027702	1254-11/07/2011	11/07/2011	17-8-11	Sim	163085924
13981	Phạm Thị Tâm	19-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027703	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tâm	163079824
13982	Bùi Thị Tâm	26-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027704	1254-11/07/2011	11/07/2011	9/11/11	Nguyễn	Thị Tra
13983	Bùi Thanh Thảo	15-07-90			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027705	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/10/11	Thảo	063288009
13984	Nguyễn Thị Thơm	25-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027706	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thơm	163092787

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT7																	
13985	Bùi Thị Thu	06-02-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027707	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/05/12	Thu	151762589 0989.219.189
13986	Nguyễn Trung Thu	06-10-89			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027708	1254-11/07/2011	11/07/2011	29/9/11	Thu	012627374
13987	Đặng Hoài Thu	03-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027709	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thu	012800053
13988	Lưu Thị Thuỷ	07-03-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027710	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thuỷ	172649856
13989	Nguyễn Thị Thuỷ	24-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027711	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Thuỷ	112468994
13990	Phạm Thị Thuý	05-06-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027712	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thuy	168320252
13991	Đỗ Thị Thuý	18-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027713	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thuý	163079841
13992	Vũ Quỳnh Trang	04-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027714	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Trang	142454855
13993	Bùi Thị Trang	12-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027715	1254-11/07/2011	11/07/2011	09/9/2011	Trang	123470306 Trang
13994	Nguyễn Thị Mai Trang	18-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027716	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Trang	151757444
13995	Tống Thị Tươi	27-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027717	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tươi	163010698
13996	Vũ Thị Thanh Vân	28-05-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027718	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Vân	013857085
13997	Nguyễn Thị Xuân	02-02-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027719	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Xuan	131 666127
13998	Nguyễn Thị Ngọc Xuyến	02-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027720	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/9/11	Xuyến	162876248
Lớp 59CĐKT8																	
13999	Trần Thị Lan Anh	07-04-89	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027721	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Anh	163037042
14000	Nguyễn Thị Phương Anh	09-02-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027722	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Anh	012666571
14001	Nguyễn Thị Lan Anh	10-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027723	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Anh	173486821
14002	Vũ Thị Linh Chi	27-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027724	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/08/2011	Chi	145362143
14003	Lê Thế Cường	15-10-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027725	1254-11/07/2011	11/07/2011	01/6/2012	Cường	172909340
14004	Nguyễn Minh Cường	31-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A027726	1254-11/07/2011	11/07/2011	9/9/2011	Cường	012320097

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT8																	
14005	Chu Thị Hồng Diệp	01-04-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027727	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Hgd	163 105017
14006	Lê Thị Phương Dịu	30-07-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027728	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Dịu	173085658
14007	Phan Thị Kim Dung	21-12-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027729	1254-11/07/2011	11/07/2011	25/8/2011	Dung	012636882
14008	Đỗ Tiến Dũng	11-09-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027730	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/3/2011	ĐTD	0977292104
14009	Tống Hoàng Điệp	15-08-89			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A027731	1254-11/07/2011	11/07/2011	16/3/2011	Điệp	C1261494
14010	Nguyễn Thị Giang	05-11-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027732	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Giang	142500312
14011	Trần Thị Giang	15-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027733	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Giang	165092809
14012	Vũ Thị Hà	01-12-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027734	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Hà	151689689
14013	Nguyễn Thị Hà	20-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027735	1254-11/07/2011	11/07/2011	16/9	Hà	A7448803
14014	Cao Thị Hạnh	18-08-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027736	1254-11/07/2011	11/07/2011	2318	Hạnh	173601336
14015	Trịnh Thị Hằng	03-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027737	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Hằng	163092961
14016	Vũ Thị Hằng	16-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027738	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11	Hằng	163084238
14017	Trương Thị Hiền	24-05-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027739	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hiền	151754528
14018	Bùi Thị Hoa	07-05-90			VN	Điện Biên	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027740	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hoa	151909796
14019	Nguyễn Thị Hoài	17-07-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027741	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Hoài	125326533
14020	Phạm Thị Hoè	10-10-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027742	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hoè	121830400
14021	Nguyễn Thị Hồng	15-12-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027743	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/10/11	Hồng	012996690
14022	Vũ Thị Huyền	16-12-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027744	1254-11/07/2011	11/07/2011	16/9/2011	Huyền	125378460
14023	Đới Thanh Huyền	23-06-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027745	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Huyền	173437122
14024	Đặng Việt Hùng	03-11-90	Nam		VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027746	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hùng	101017716
14025	Lê Thị Hương	09-02-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027747	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hương	163105388

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT8																	
14026	Nguyễn Thị Lan Hương	18-10-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027748	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		151695287
14027	Nguyễn Thị Hương	25-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027749	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hương	112438586
14028	Đinh Thị Lan	19-01-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027750	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		012887129
14029	Nguyễn Thị Diệu Linh	28-06-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027751	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11		164450165
14030	Kim Thị Thuý Long	07-10-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027752	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Long	012857536
14031	Nguyễn Thị Lý	25-10-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027753	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011		164284666
14032	Nguyễn Thị Ngọc Mai	27-10-89			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027754	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		031506476
14033	Bùi Thị May	01-06-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027755	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011		151770392
14034	Hoàng Thị Minh	30-11-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027756	1254-11/07/2011	11/07/2011	16/9/2011	Minh	031697920
14035	Lê Thị My	02-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027757	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011		125421513
14036	Nguyễn Thị Na	06-12-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027758	1254-11/07/2011	11/07/2011	27/3/2012		151715266
14037	Ngô Thị Nga	20-10-89			VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027759	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011		063265077
14038	Đào Thanh Nga	27-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027760	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Nga	162991620
14039	Lê Thị Ngát	23-06-87			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027761	1254-11/07/2011	11/07/2011		Ngát	
14040	Đinh Thị Ngân	03-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027762	1254-11/07/2011	11/07/2011	03/11/2011	Ngân	163010912
14041	Phạm Thị Ngọc	26-12-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027763	1254-11/07/2011	11/07/2011	16/9/2011	Ngọc	181414849
14042	Kiều Bích Phương	01-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027764	1254-11/07/2011	11/07/2011	6/9/2011	phương	112409965
14043	Trần Thị Phương	20-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027765	1254-11/07/2011	11/07/2011	13/9/2011	phương	162991636
14044	Vũ Thị Thanh Phương	25-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027766	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Phương	145352315
14045	Phạm Thị Phương	26-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027767	1254-11/07/2011	11/07/2011	6/9/2011		150803241
14046	Đỗ Thị Phượng	06-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027768	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011		151792362

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT8																	
14047	Chu Thị Phượng	17-07-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027769	1254-11/07/2011	11/07/2011	22/8/11	phuong	112458650
14048	Trần Thị Phượng	22-11-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027770	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8		163108600
14049	Nguyễn Văn Thành	26-08-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027771	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/9	Thành	132061337
14050	Nguyễn Thị Thắm	28-01-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027772	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08		A24759464
14051	Tống Thị Thoa	10-05-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027773	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8	Thoa	17J665
14052	Nguyễn Văn Thuận	17-01-89	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027774	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thuận	151789509
14053	Nguyễn Thị Hoài Thu	01-05-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Giỏi	CQ	A027775	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	HTBau	112431238
14054	Hồ Thị Thuyết	03-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027776	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08	Thuyết	112385054
14055	Nguyễn Thị Hồng Thuý	28-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027777	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Thúy	151859159
14056	Nguyễn Thị Thu Thủy	25-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027778	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8		012835020
14057	Lê Thị Thương	28-06-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027779	1254-11/07/2011	11/07/2011	14/10		169463947
14058	Lê Thị Trang	12-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027780	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	168320375
14059	Nguyễn Thanh Trà	08-01-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027781	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Trà	01875392
14060	Phạm Thành Trung	05-03-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027782	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Trung	151789509
14061	Trần Thanh Trường	24-09-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027783	1254-11/07/2011	11/07/2011	11/8/11		168368
14062	Lương Anh Tuấn	22-10-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027784	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Tuấn	012936394
14063	Bùi Đức Tuấn	22-11-85			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027785	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Tuấn	01250473 6
14064	Phan Thị Kim Tuyến	13-12-88	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027786	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8		0168998 3145
Lớp 59CĐKT9																	
14065	Phạm Vân Anh	24-05-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027787	1254-11/07/2011	11/07/2011	11/8/11		112447958
14066	Đặng Đức Bình	02-01-90	Nam		VN	hà nội	2008 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A027788	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		H2489573

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT9																	
14067	Phạm Thị Cúc	20-11-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027789	1254-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11		162924761
14068	Đỗ Thị Bích Diệp	18-07-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027790	1254-11/07/2011	11/07/2011	26.08.11	Diệp	151792434
14069	Phạm Thị Dung	05-12-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027791	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Dung	142480318
14070	Nguyễn Thị Đạt	09-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027792	1254-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11	Đạt	112265978
14071	Nguyễn Thị Giang	02-11-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027793	1254-11/07/2011	11/07/2011	18.8.11	Giang	121895326
14072	Nguyễn Thị Hải	05-02-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027794	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hải	135469582
14073	Trần Ngọc Hà	01-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027795	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hà	112364756
14074	Vũ Thị Hạnh	15-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027796	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hạnh	112468850
14075	Nguyễn Thị Hạnh	20-01-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027797	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hạnh	168306845
14076	Vũ Thị Hằng	04-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027798	1254-11/07/2011	11/07/2011	17.8.11	Hằng	142486211
14077	Nguyễn Thị Hằng	19-01-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027799	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.08.11	Hằng	145343385
14078	Nguyễn Thị Hằng	25-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027800	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hằng	121833808
14079	Nguyễn Thị Hiền	13-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027801	1254-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Hiền	112386559
14080	Trịnh Thị Hiền	03-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027802	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.08.11	Hiền	173117526
14081	Nguyễn Thu Hiền	18-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027803	1254-11/07/2011	11/07/2011	26.08.11	Hiền	112424872
14082	Cấn Thị Hoà	29-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027804	1254-11/07/2011	11/07/2011	27.09.11	Hoà	112363926
14083	Nguyễn Ngọc Huế	11-02-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027805	1254-11/07/2011	11/07/2011	14.09.11	Huế	151758142
14084	Lưu Thị Hương	01-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027806	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Hương	112396518
14085	Trịnh Thị Hương	15-05-87			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027807	1254-11/07/2011	11/07/2011			
14086	Trịnh Thị Thuỳ Hương	27-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027808	1254-11/07/2011	11/07/2011	18.8.11	Hương	162984119
14087	Tô Thị Liên	13-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027809	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.8.11	Liên	151797690

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT9																	
14088	Nguyễn Hồng Liên	29-06-89	Nữ		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027810	1254-11/07/2011	11/07/2011	18.8.11	Liên	012232232
14089	Lý Diệu Linh	19-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027811	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.8.11	Linh	162361380
14090	Nguyễn Thị Luyến	18-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027812	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.8.11	Luyến	112292638
14091	Dương Thị Lương	08-01-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027813	1254-11/07/2011	11/07/2011	17.8.2011	Lương	121921083
14092	Nguyễn Thị Thu Mai	19-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027814	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.8.2011	Mai	163105049
14093	Hoàng Thị Ngọc Mai	22-03-88			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027815	1254-11/07/2011	11/07/2011	26.08.2011	Mai	131684205
14094	Ngô Thị Mai	12-09-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027816	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Mai	135434966
14095	Vũ Thị Nẩy	30-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027817	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/10/11	Nẩy	151757701
14096	Nguyễn Thị Thuý Nga	27-02-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Giỏi	CQ	A027818	1254-11/07/2011	11/07/2011	30.8.11	Nga	121750244
14097	Nguyễn Thị Ngoan	02-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027819	1254-11/07/2011	11/07/2011	6/12/2011	Ngoan	163098573
14098	Thân Thị Hương Ngọc	24-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027820	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Ngọc	121919092
14099	Lê Văn Quân	10-03-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027821	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Quân	173388559
14100	Nguyễn Hồng Quân	19-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027822	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Quân	01404[illegible]
14101	Phạm Thị Quế	20-03-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027823	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Quế	169276050
14102	Mai Thị Quyên	20-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027824	1254-11/07/2011	11/07/2011	21/10/11	Quyên	173278718
14103	Phạm Thị Sen	10-02-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027825	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Sen	112490920
14104	Hoàng Thị Sen	17-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027826	1254-11/07/2011	11/07/2011	04/10/11	Sen	163097297
14105	Nguyễn Thái Sơn	02-09-89	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027827	1254-11/07/2011	11/07/2011	[illegible]	Sơn	131275358
14106	Lê Thị Tâm	07-11-89	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027828	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Tâm	163026685
14107	Phạm Thị Thắm	09-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027829	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thắm	163102776
14108	Phùng Thị Thoa	22-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027830	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thoa	121980901

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT9																	
14109	Trần Thuý Thu	06-12-90	Nữ		VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027831	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thu	013150298
14110	Nguyễn Thanh Thuỷ	29-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027832	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thuỷ	01433425[illegible]1
14111	Nguyễn Thị Phương Thuý	06-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027833	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		163105099
14112	Nguyễn Thị Thuý	12-03-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027834	1254-11/07/2011	11/07/2011	29/8/11	Thuý	168343207
14113	Phạm Thị Thuý	12-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027835	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thuý	163097335
14114	Nguyễn Huy Toàn	02-11-89	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027836	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Toàn	013165561
14115	Trung Thị Trang	13-02-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027837	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Trang	112486462
14116	Nguyễn Thị Trang	14-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027838	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Trang	112492287
14117	Nguyễn Thị Trang	22-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027839	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Trang	163068076
14118	Đoàn Thị Tuyết	30-10-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027840	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tuyết	012913457
14119	Nguyễn Thị Tuyết	27-03-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027841	1254-11/07/2011	11/07/2011	10/8/11	KT26	Văn CTK)
14120	Đinh Thị Tú	06-12-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027842	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tú	012666725
14121	Lê Thịnh Hồng Vân	10-10-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027843	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Vân	168336304
14122	Đặng Hường Vân	17-12-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	04	Khá	CQ	A027844	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.8.11		163098743
14123	Trần Thị Thuý Vân	23-05-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027845	1254-11/07/2011	11/07/2011	28.10.11	Vân	186950439
14124	Nguyễn Thị Xuyên	22-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027846	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.8.11	Xuyên	151866006
14125	Nguyễn Thị Kim Yến	20-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A027847	1254-11/07/2011	11/07/2011	23.8.11	Yến	112497324

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Quản trị doanh nghiệp

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐQT																	
14126	Nguyễn Văn An	25-02-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027848	1254-11/07/2011	11/07/2011	17.08.2011		121800109
14127	Nguyễn Thị Kim Anh	07-08-89	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027849	1254-11/07/2011	11/07/2011	17.08.2011		164496440
14128	Nguyễn Thị Lan Anh	21-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027850	1254-11/07/2011	11/07/2011	06/09/2011		163097167
14129	Lê Như Bắc	23-09-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027851	1254-11/07/2011	11/07/2011	17-08-2011		186624043
14130	Nguyễn Thị Cúc	15-02-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027852	1254-11/07/2011	11/07/2011			
14131	Trần Thị Diễm	28-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027853	1254-11/07/2011	11/07/2011	17.8.11		162938550
14132	Đào Ngọc Diệp	20-08-90	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027854	1254-11/07/2011	11/07/2011	17.8.11		142404545
14133	Nguyễn Đình Duẩn	14-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027855	1254-11/07/2011	11/07/2011	17.8.11		17 3157415
14134	Nguyễn Khắc Duy	04-11-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027856	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		121967417
14135	Nguyễn Hòa Duy	26-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027857	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		125102676
14136	Dương Trọng Đại	18-02-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	03	Trung bình	CQ	A027858	1254-11/07/2011	11/07/2011	10/9/11		132047238
14137	Vương Trường Giang	13-07-88			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027859	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		100294480
14138	Hoàng Thị Thu Hà	01-01-90	Nữ		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027860	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		132076920
14139	Lê Thị Thảo Hiền	09-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027861	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		1425.10027
14140	Phạm Văn Huệ	02-04-88	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027862	1254-11/07/2011	11/07/2011	20/2/12		14140
14141	Đoàn Văn Huy	06-09-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027863	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		0315600074
14142	Nguyễn Quang Huy	27-08-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027864	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		060816639
14143	Nguyễn Thị Huyền	22-03-90	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027865	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		125653917

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐQT																	
14144	Nguyễn Mạnh Hùng	11-09-90	Nam		VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027866	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Hưng	132014679
14145	Nguyễn Thị Hương	01-07-89	Nữ		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027867	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Hường	168270579
14146	Tô Thị Hương	08-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027868	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Hường	135438560
14147	Lê Văn Hưng	18-08-88			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	03	Trung bình	CQ	A027869	1254-11/07/2011	11/07/2011	21/11/2011	Hưng	100932515
14148	Đinh Xuân Hưng	04-02-86			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A029109 ~~A027870~~	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Hưng	135139859
14149	Nguyễn Khắc Long	16-12-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027871	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Long	112252483
14150	Trần Thị Luyến	30-08-90	Nữ		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027872	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11 ~~30/8/90~~	Luyến	168278367
14151	Cao Thị Lý	22-06-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027873	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Lý	130101229
14152	Lê Thị Mai	12-89-			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027874	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Mai	013050259
14153	Trần Văn Nam	02-09-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027903	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11	Nam	163110527
14154	Nguyễn Thị Ngọc	04-01-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027876	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Ngọc	112458891
14155	Phạm Thị Nhâm	16-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027877	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Nhâm	163015886
14156	Nguyễn Thị Hồng	11-07-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027878	1254-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11	Nhung	132007303
14157	Nguyễn Thị Hồng	13-05-90			VN	Nội	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027879	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Nhung	142496190
14158	Phạm Thị Nhung	26-12-87			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027880	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/04/2011	Nhung	025531935
14159	Phạm Thị Phương	08-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027881	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/02/11	phương	162890662
14160	Nguyễn Hồng Quân	06-11-89	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027882	1254-11/07/2011	11/07/2011	06/11/89	Quan	012941119
14161	Bùi Ngọc Quân	19-11-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027883	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Quân	142480405
14162	Đoàn Thị Quyên	29-04-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027884	1254-11/07/2011	11/07/2011	15/11/11	Quyen	151929343
14163	Nguyễn Ngọc Quỳnh	01-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027885	1254-11/07/2011	11/07/2011	22/8/11	Quỳnh	Thư viện
14164	Phạm Thị Quỳnh	14-02-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027886	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Quỳnh	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐQT																	
14165	Nguyễn Ngọc Sơn	19-05-88	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027887	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Sơn	151054A6
14166	Nguyễn Thị Thu Thảo	25-12-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A028278 ~~A027888~~	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thảo	164 440433
14167	Nguyễn Văn Thắng	22-09-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	Trung bình	CQ	A027889	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thắng	163002238
14168	Lê Văn Thật	10-12-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027890	1254-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Thật	142565130
14169	Ngô Thị Thu	05-11-89	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027891	1254-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11	Thu	112385622
14170	Nguyễn Thị Thuỳ	26-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027892	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thùy	121917791
14171	Đinh Danh Thụ	05-10-89	Nam		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027893	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thụ	164390251
14172	Trần Thị Kim Tin	30-11-89	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027894	1254-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Tin	151678681
14173	Phạm Thị Tơ	20-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027895	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tơ	162177?2
14174	Phạm Thị Trang	01-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027896	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	163056950
14175	Phùng Thị Huyền Trang	13-08-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027897	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	012856557
14176	Nguyễn Duy Minh Tuấn	10-09-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A028279 ~~A027898~~	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tuấn	192477202
14177	Nguyễn Đình Tuấn	19-12-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027904	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tuấn	112386019
14178	Đỗ Thị Tuyết	09-06-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027900	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tuyết	142519739
14179	Ngô Thị Tuyết	12-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	03	Khá	CQ	A027905	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tuyết	
14180	Trần Thị Vân	16-08-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	03	TB Khá	CQ	A027906	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Vân	164317889

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Khai thác vận tải

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khóa học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐVS																	
14181	Phạm Tuấn Anh	01-12-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027908	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011	Anh	163069388
14182	Nguyễn Thị Lan Anh	02-02-90	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027909	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Anh	173301793
14183	Trần Thị Vân Anh	10-12-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027910	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Anh	162810986
14184	Bùi Trọng Anh	23-11-90	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027911	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Anh	142566923 Anh
14185	Hoàng Thế Anh	24-02-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027912	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011	Anh	142780506
14186	Phạm Đức Bách	16-12-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027913	1254-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	Bách	163027044 168183976
14187	Trịnh Tiến Bắc	04-02-87			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027914	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Bắc	
14188	Nguyễn Tiến Dũng	01-04-89			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027915	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11	Dũng	012882506
14189	Trần Văn Hiếu	10-08-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027916	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hiếu	060816243
14190	Đỗ Thị Hồng	19-09-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027917	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hồng	162907816
14191	Lê Trung Hưng	30-07-88	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027918	1254-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hưng	172986666
14192	Trần Thị Hương	27-03-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027919	1254-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Hương	151780245
14193	Trần Ngọc Khánh	28-09-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027920	1254-11/07/2011	11/07/2011	12/06/12	Khánh	121994400
14194	Nguỵ Thị Lương	06-08-90	Nữ		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027921	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/12/13	Lương	121869565
14195	Nguyễn Ngọc Lượng	07-11-89	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027922	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Lượng	125279394
14196	Lều Vũ Minh	25-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027923	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Minh	151803775
14197	Nguyễn Ngọc Nam	24-03-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027924	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Nam	012953967
14198	Nguyễn Vĩnh Nguyên	22-12-90			VN	-TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027925	1254-11/07/2011	11/07/2011	31/12/2011	Nguyên	012712706

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐVS																	
14199	Trần Thị Oanh	20-01-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027926	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Oanh	163085882
14200	Phan Trường Quyền	10-12-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027927	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Quyền	112496399
14201	Vũ Ngọc Sang	06-01-90			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027928	1254-11/07/2011	11/07/2011	8/12/11	Sang	060813326
14202	Nguyễn Hồng Sơn	08-03-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027929	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Sơn	012657920
14203	Nguyễn Viết Sơn	10-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027930	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Sơn	142407530
14204	Mai Văn Tâm	13-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027931	1254-11/07/2011	11/07/2011	27/09/11	Tâm	163089037
14205	Nguyễn Trọng Thành	02-09-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027932	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thành	163062995
14206	Hoàng Văn Thái	16-11-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027933	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thái	173346880
14207	Lê Trần Thắng	09-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027934	1254-11/07/2011	11/07/2011	2018/12	Thắng	142490065
14208	Nguyễn Văn Thế	04-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027935	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thế	142621627
14209	Trần Đình Thọ	11-08-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027936	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thọ	125405336
14210	Trần Thị Thương	08-07-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027937	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thương	151799388
14211	Nguyễn Xuân Thường	06-10-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027938	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thường	013063050
14212	Lê Minh Tiến	07-03-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027939	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tiến	151799099
14213	Dương Thị Thu Trang	03-07-90	Nữ		VN	Lào Cai	2008 - 2011	2011	05	Khá	CQ	A027940	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Trang	063265601
14214	Nguyễn Thị Trang	15-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027941	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Trang	163058108
14215	Trần Xuân Trường	10-03-90	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027942	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Trường	142630491
14216	Đặng Hữu Trường	14-09-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027943	1254-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Trường	142403806
14217	Nguyễn Xuân Tuân	15-06-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027944	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tuân	142478236
14218	Nguyễn Thị Như Tuyết	09-03-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027945	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tuyết	162990942
14219	Thái Khắc Việt	05-10-89	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	05	Trung bình	CQ	A027946	1254-11/07/2011	11/07/2011	25/3/14	Việt	0985467095

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐVS																	
14220	Vũ Thị Xen	28-08-89	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	05	TB Khá	CQ	A027947	1254-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Xen	142347403

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ4																	
14221	Nguyễn Quang Chiến	28-08-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027948	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8		135542966
14222	Lê Văn Chương	19-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027949	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8		162992527
14223	Vũ Mạnh Dinh	01-10-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027950	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8		151760133
14224	Ngô Văn Duy	15-02-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027951	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8		031636387
14225	Phạm Ngọc Dũng	04-03-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027952	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9		163046266
14226	Đặng Văn Dũng	05-02-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027953	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/2011		164581052
14227	Nguyễn Khắc Đông	06-10-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027954	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/9		112386203
14228	Lê Công Đức	11-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027955	1252-11/07/2011	11/07/2011	28/6		186974
14229	Hoàng Ngọc Đức	18-07-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027956	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Đức	173238156
14230	Trần Văn Hà	09-05-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027957	1252-11/07/2011	11/07/2011	28/6		186974685
14231	Nguyễn Văn Hiếu	17-07-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027958	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08		142501626
14232	Phùng Hoàng Hiệp	10-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027959	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08		142405586
14233	Nguyễn Quang Hoàng	03-08-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027960	1252-11/07/2011	11/07/2011	21/10		151821185
14234	Nguyễn Văn Hồng	01-02-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027961	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08		132030880
14235	Nguyễn Duy Hưng	08-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027962	1252-11/07/2011	11/07/2011	20/08		163087511
14236	Từ Văn Hưng	14-07-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027963	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/08		121886188
14237	Ngô Quốc Hữu	10-10-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027964	1252-11/07/2011	11/07/2011	8/11		132062999
14238	Đinh Văn Khánh	24-06-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027965	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/09		121956854

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ4																	
14239	Nguyễn Trung Kiên	02-10-90	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027966	1252-11/07/2011	11/07/2011	12/08	Kiên	135418033
14240	Trần Văn Kiên	28-11-89			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027967	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11		012798522
14241	Vũ Ngọc Lăng	01-08-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027968	1252-11/07/2011	11/07/2011	19/10/11		162986214
14242	Phạm Hải Long	19-05-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027969	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11		151787839
14243	Phạm Lương Mạnh	14-08-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027970	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Mạnh	164375180
14244	Nguyễn Đức Mạnh	15-01-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027971	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Mạnh	172756074
14245	Nguyễn Văn Mạnh	16-02-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027972	1252-11/07/2011	11/07/2011	8/08/11		112412422
14246	Đinh Văn Nam	04-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027973	1252-11/07/2011	11/07/2011	11/10/11	Nam	162890605
14247	Vũ Nguyên	04-01-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027974	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/8/11		125953748
14248	Đinh Văn Nhiên	19-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027975	1252-11/07/2011	11/07/2011	28/05/11	Nhiên	163113471
14249	Trần Quốc Phương	14-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027976	1252-11/07/2011	11/07/2011	04/11/11	phương	163100466
14250	Nguyễn Hữu Quế	10-08-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027977	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		151778834
14251	Nguyễn Đình Quyết	28-08-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027978	1252-11/07/2011	11/07/2011	12/8/11		112386578
14252	Trần Ngọc Sơn	20-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027979	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11	Sơn	163026540
14253	Nguyễn Ngọc Thanh	18-03-86			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027980	1252-11/07/2011	11/07/2011	19/11/12	Thanh	164308473
14254	Mai Hồng Thắng	15-08-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027981	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		173264773
14255	Nguyễn Viết Thiết	23-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027982	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		173074227
14256	Nguyễn Văn Thìn	19-05-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027983	1252-11/07/2011	11/07/2011	19/08	Thìn	173474332
14257	Nguyễn Văn Tiến	12-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027984	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08	Tiến	173416841
14258	Đinh Đức Toàn	21-10-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027985	1252-11/07/2011	11/07/2011	24/10/99	Toàn	162900901
14259	Vũ Ngọc Trai	12-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027986	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08		151756963

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ4																	
14260	Mai Văn Trang	05-07-89	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027987	1252-11/07/2011	11/07/2011	10/01/2012	Trang	163105095
14261	Nguyễn Xuân Trường	05-10-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027988	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9/2011	Trường	121868343
14262	Hoàng Sỹ Trường	10-04-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027989	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Trường	173533076
14263	Nguyễn Anh Tuyến	14-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027990	1252-11/07/2011	11/07/2011	24/08/2011	Tuyến	151457940
14264	Hà Huy Tú	15-01-88			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027991	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8	Tú	162284589
14265	Trần Quang Việt	13-03-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027992	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Việt	151738242
14266	Đoàn Trọng Vịnh	26-03-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027993	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/2011	Vịnh	151776704
14267	Nguyễn Văn Vương	15-02-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027994	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Vương	145538910
Lớp 59CĐÔ5																	
14268	Trương Tuấn Anh	10-02-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027995	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Anh	151716510
14269	Vũ Ngọc Anh	26-08-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027996	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11	Ngọc	063251541
14270	Lê Đình Bình	15-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027997	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Bình	173062596
14271	Vũ Văn Bình	23-02-89			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027998	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Bình	112697165
14272	Nguyễn Văn Chiến	26-03-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027999	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Chiến	112489135
14273	Trịnh Văn Cung	20-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028000	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11	Cung	162943826
14274	Trần Văn Cường	01-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028001	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011	Cường	163046146
14275	Nguyễn Hải Cường	17-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028002	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Cường	151778768
14276	Nguyễn Đình Duy	27-01-89			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028003	1252-11/07/2011	11/07/2011	09/09/2011	Duy	031581923
14277	Phan Tiến Dũng	07-01-91			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028004	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Dũng	012882761
14278	Vũ Việt Dũng	28-06-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028005	1252-11/07/2011	11/07/2011	27/08/11	Dũng	142382195
14279	Nguyễn Mạnh Dũng	30-12-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028006	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Dũng	132125358

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ5																	
14280	Trần Minh Đẩu	07-10-90	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028007	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		168355853
14281	Nguyễn Văn Đính	07-11-89			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028008	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11		101088968
14282	Trương Tuấn Giang	17-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028009	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11	Giang	163063090
14283	Tống Viết Hải	09-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028010	1252-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Hải	173295003
14284	Hà Ngọc Hoàn	12-10-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Khá	CQ	A028011	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hoan	151659139
14285	Nguyễn Tiến Hoàn	22-04-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028012	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Hoan	145296537
14286	Hoàng Văn Hưng	28-09-86			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028013	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11	Hưng	162795736
14287	Thái Đình Kỷ	02-01-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028014	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Kỷ	186926331
14288	Nguyễn Lưu Lân	08-10-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028015	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Lân	125369
14289	Trịnh Văn Luân	07-02-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028016	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Luân	173115009
14290	Nguyễn Thành Luân	27-05-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028017	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		142504
14291	Phạm Văn Mạnh	27-12-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028018	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		
14292	Hoàng Bá Minh	08-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028019	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Minh	112
14293	Phan Thanh Phong	05-12-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028020	1252-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	phong	183558187
14294	Vũ Như Phong	19-10-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028021	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		0127 10959
14295	Nguyễn Tiến San	28-05-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028022	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/03/12		125378894
14296	Bùi Văn Sinh	11-12-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028023	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		031649346
14297	Ngô Quang Sơn	30-07-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028024	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11		121986745
14298	Phạm Minh Tân	01-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028025	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		151742782
14299	Vũ Duy Thanh	12-01-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028026	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		151731210
14300	Đỗ Đăng Thảo	06-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028027	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11		112454268

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ5																	
14301	Lê Minh Thành	09-01-90	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Khá	CQ	A028028	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thành	173085280
14302	Nguyễn Đức Thành	24-08-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028029	1252-11/07/2011	11/07/2011	04/10/11	Thành	125435681
14303	Lý Trung Thành	28-06-89			VN	Lạng Sơn	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028030	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Thành	082214174
14304	Đinh Văn Thắng	19-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028031	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thắng	168030949
14305	Lê Hồng Thuận	03-09-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028032	1252-11/07/2011	11/07/2011			
14306	Lê Văn Thức	04-03-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028033	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Thức	173085530
14307	Trần Văn Tiền	05-04-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028034	1252-11/07/2011	11/07/2011	22/9/12	Tiền	121990020
14308	Bùi Đăng Tiến	12-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028035	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Tiến	112495752
14309	Cao Lai Tiến	18-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028036	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/04/12		173979108
14310	Đinh Quang Tiến	19-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028037	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011		163046494
14311	Khúc Duy Tiến	19-10-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028038	1252-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Tiến	031712050
14312	Trần Văn Toan	25-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028039	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Toan	142635245
14313	Ngô Văn Toàn	17-11-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028040	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/8/2011	Toàn	172909384
14314	Đậu Lê Tuấn Trung	14-05-87			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028041	1252-11/07/2011	11/07/2011	7/10/11	Trung	183681987
14315	Vũ Văn Trưởng	08-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028042	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Trưởng	163108597
14316	Nguyễn Xuân Trường	31-10-89			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028043	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Trường	112297458
14317	Vũ Đức Tuấn	21-01-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028044	1252-11/07/2011	11/07/2011	19/09/12	Tuấn	195339726
14318	Đặng Anh Tuấn	22-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028045	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Tuấn	163109553
14319	Hoàng Đức Tuyển	09-07-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028046	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tuyển	152069183
14320	Trần Văn Viễn	17-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028047	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Viễn	163700004
Lớp 59CĐÔ6																	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ6																	
14321	Nguyễn Đình An	05-02-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028048	1252-11/07/2011	11/07/2011	20/4/12		1L2495935
14322	Đoàn Văn Châu	15-06-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028049	1252-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11		163045424
14323	Hoàng Quốc Đạt	08-06-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028050	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/06/11		168263136
14324	Nguyễn Kiến Đạt	09-03-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028051	1252-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11		031554832
14325	Nguyễn Quốc Đạt	09-09-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028052	1252-11/07/2011	11/07/2011	4/10/11		012007070 0988203043
14326	Hà Văn Giang	10-09-88			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028053	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		183674196
14327	Vũ Văn Hải	26-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028054	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	KT	135469649
14328	Nguyễn Xuân Hà	10-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028055	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/06/2011		060834435
14329	Trần Văn Hào	06-25-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028056	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		163060762
14330	Đào Văn Hạng	08-01-88			VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028057	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/06/2011		060834435
14331	Trần Văn Hinh	13-03-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028058	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		121933113
14332	Mai Đức Hoàn	04-05-88			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028059	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		131519994
14333	Bùi Ngọc Hoàng	21-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028060	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		173 447888
14334	Phan Đăng Huân	18-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028061	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011		151766093
14335	Tô Văn Huy	07-11-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028062	1252-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11		013050226
14336	Đỗ Văn Hưng	15-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028063	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011		151871868
14337	Nguyễn Hữu Khá	02-08-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028064	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/8/2011		125292733
14338	Trần Quang Kiên	01-07-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028065	1252-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11		135359657
14339	Nguyễn Văn Long	30-06-87			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028066	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11		121767282
14340	Đinh Quốc Luân	10-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028108	1252-11/07/2011	11/07/2011	3/4/12		1932 83770
14341	Nguyễn Hữu Lực	22-02-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028068	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		173081605

Lớp 59CĐÔ6

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
14342	Nguyễn Quang Minh	22-06-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028069	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Minh	012666566
14343	Phí Văn Ngọc	11-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028070	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Ngọc	151742903
14344	Ngô Văn Nhân	28-12-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028071	1252-11/07/2011	11/07/2011	4/10/11	Nhân	125497602
14345	Trần Hồng Quân	03-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028072	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Quân	162938566
14346	Hoàng Thái Sơn	10-05-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028073	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Sơn	142101870
14347	Nguyễn Thành Tâm	25-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028074	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Tâm	151758509
14348	Nguyễn Hữu Thực	23-07-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	07	TB Khá	CQ	A028075	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Thực	0150228[illegible]
14349	Tô Văn Thạo	15-09-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028076	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Thạo	142435464
14350	Lê Văn Thêm	05-08-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028077	1252-11/07/2011	11/07/2011	09/5/11	Lê Thêm	145472111
14351	Đỗ Lương Thiện	14-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028078	1252-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11	Thiện	162906146
14352	Trần Tất Thịnh	07-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028079	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Thịnh	163085755
14353	Vũ Văn Thu	10-12-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028080	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Thu	121975118
14354	Lương Đình Thuân	18-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028081	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08	Thuân	142564083
14355	Vũ Việt Thắng	02-24-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028082	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/11/12	Thắng	164337568
14356	Đào Mạnh Tuấn	09-09-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028083	1252-11/07/2011	11/07/2011	09/09/11	Tuấn	121913692
14357	Trần Anh Tuấn	27-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028084	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08	Tuấn	135465782
14358	Nguyễn Văn Tuấn	28-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028085	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Tuấn	145558490
14359	Ngô Văn Tuyên	05-08-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028086	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Tuyên	168368124
14360	Đào Ngọc Tuấn	12-09-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028087	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Tuấn	125394355
14361	Phạm Ngọc Tú	15-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028088	1252-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tú	163055089
14362	Nguyễn Đức Tú	17-06-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028089	1252-11/07/2011	11/07/2011	12/9/11	Tú	125271[illegible]

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ6																	
14363	Nguyễn Gia Tưởng	15-01-89	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028090	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08	Tưởng	151685899
14364	Nguyễn Trung Văn	19-05-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028091	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08	Văn	163042388
14365	Trần Văn Việt	30-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028092	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08	Việt	142530468
14366	Phan Tiến Vinh	08-01-86			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028093	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8	Vinh	151490474
14367	Lưu Thế Vinh	22-08-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028094	1252-11/07/2011	11/07/2011	27/12/11		031727034
14368	Nguyễn Thiên Vượng	01-08-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028095	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08	Vượng	164422216

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDO6																	
14369	Nguyễn Văn Hà	08-11-84	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028096	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11	Hà	
14370	Nguyễn Văn Kỳ	18-10-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028097	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Kỳ	112163372
14371	Lê Đức Thắng	15-06-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028098	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11	Thắng	
14372	Nguyễn Văn Thắng	19-06-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028099	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thắng	135386761
14373	Đỗ Mạnh Thế	21-12-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028100	1252-11/07/2011	11/07/2011			
14374	Nguyễn Mạnh Thế	06-06-86			VN	Yên Bái	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028101	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Thế	0607445195
14375	Nguyễn Văn Toàn	02-03-87			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028102	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Mạnh	186721627
14376	Đào Quang Trung	25-01-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028103	1252-11/07/2011	11/07/2011	21/10/11	Đào	112239019
14377	Nguyễn Đức Tú	06-09-88			VN	Hà Giang	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028104	1252-11/07/2011	11/07/2011	04/11/11	Tú	0731223355
14378	Cao Huy Việt	02-10-87			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028105	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Việt	142361504
14379	Bùi Minh Vũ	19-05-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	04	TB Khá	CQ	A028106	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Vũ	111671175
14380	Đào Thanh Xuân	29-03-82			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	04	Trung bình	CQ	A028107	1252-11/07/2011	11/07/2011	06/3/12	Xuân	164429659

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Máy xây dựng; Máy tàu thủy; Đầu máy - toa xe

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐM2																	
14380	Vũ Văn Thạo	10-10-86	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011		Trung bình	CQ	A028109	1252-11/07/2011	11/07/2011	10/9/11	Thạo	151589456
Lớp 59CĐM2																	
14381	Hoàng Đình Tuấn Anh	10-11-90	Nam		VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028110	1252-11/07/2011	11/07/2011	6/9		0355
14382	Trần Tuấn Anh	16-11-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028111	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8	T.Anh	121795
14383	Đỗ Trọng Bắc	30-05-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028112	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Bắc	125432 67
14384	Hoàng Văn Bình	20-12-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A028113	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Bình	125358826
14385	Nguyễn Huy Chinh	28-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028114	1252-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Chinh	142419591
14386	Nguyễn Văn Chức	26-05-90			VN	hải phòng	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028115	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Chức	031818525
14387	Nguyễn Phú Cư	15-02-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028116	1252-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11	Cư	151795
14388	Nguyễn Văn Duy	26-05-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028117	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08	Duy	142584235
14389	Nguyễn Văn Dũng	01-05-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028118	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Dũng	012393666
14390	Nguyễn Việt Dũng	16-02-89			VN	Vĩnh Phú	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028119	1252-11/07/2011	11/07/2011	29/08/11	Dũng	132035764
14391	Vũ Thành Dương	10-12-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028120	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Dương	172910946
14392	Nguyễn Nguyên Đại	27-03-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028121	1252-11/07/2011	11/07/2011	6/4/12	Đại	186602437
14393	Trần Văn Đạt	21-02-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028122	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Đạt	162946772
14394	Võ Văn Hiển	13-06-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028123	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Hiển	186862231
14395	Lê Văn Hiến	04-12-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028124	1252-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	Hiến	183665251
14396	Ngô Văn Hiếu	01-10-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028125	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Hiếu	121688441

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐM2																	
14397	Dương Văn Hiếu	20-06-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028126	1252-11/07/2011	11/07/2011	09/09/11	Hiếu	013047681
14398	Nguyễn Đình Trung Hiếu	23-01-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028127	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/09/2011	Hiếu	186803484
14399	Nguyễn Văn Huân	10-11-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028128	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11	Huân	163056709
14400	Đinh Văn Khoa	11-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028129	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Khoa	163077561
14401	Phan Đắc Kiên	20-11-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028130	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Kiên	183649201
14402	Nguyễn Thanh Lâm	19-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028131	1252-11/07/2011	11/07/2011	4/10/11	Lâm	112489101
14403	Vũ Văn Lợi	09-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028132	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Lợi	163010607
14404	Nguyễn Văn Lợi	21-08-89			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028133	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11		012955334
14405	Vũ Văn Mạnh	23-08-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028134	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11		125318052
14406	Nguyễn Danh Minh	01-08-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028135	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Minh	142408560
14407	Vũ Hùng Nam	02-11-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028136	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011		012672482
14408	Trần Đình Ngoạn	05-07-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028137	1252-11/07/2011	11/07/2011	22/11/11		183832005
14409	Lương Văn Phòng	12-04-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028138	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		164363348
14410	Lê Văn Phóng	06-01-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028139	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/09/11	Phóng	145329549
14411	Mai Văn Quân	12-07-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028140	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		163100222
14412	Đỗ Mạnh Quyền	16-02-91			VN	Tuyên Quang	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028141	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Quyền	CA082758
14413	Nguyễn Văn Quý	17-09-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028142	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Quý	145377696
14414	Nguyễn Quốc Soái	16-11-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028143	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Soái	162911247
14415	Nguyễn Xuân Tám	24-02-91			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028144	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11		112440692
14416	Nguyễn Nho Thành	12-03-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028145	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		125280282
14417	Nguyễn Đức Thắng	12-07-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028146	1252-11/07/2011	11/07/2011	15/8/2011		151682349

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐM2																	
14418	Bùi Đình Thiều	23-03-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028147	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thiều	01689937894
14419	Nguyễn Duy Thuần	07-09-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028148	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Thuần	121857877
14420	Nguyễn Hồng Tiến	16-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028149	1252-11/07/2011	11/07/2011	06/01/2012	Tiến	112467268
14421	Thái Nhật Tiến	24-01-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028150	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hà	183715995
14422	Phạm Xuân Tình	10-08-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028151	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Tình	162978644
14423	Nguyễn Đắc Toàn	03-09-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028152	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Toàn	012701132 ~~0989125139~~
14424	Vũ Văn Tới	03-11-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028153	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Tới	168339922
14425	Ngô Quang Trung	29-05-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	09	TB Khá	CQ	A028154	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Trung	174539466
14426	Nguyễn Đắc Vi Trường	30-08-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A028155	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Trường	125364644
14427	Phạm Văn Tuân	07-08-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028156	1252-11/07/2011	11/07/2011	9/9/2011	Tuân	162904474
14428	Nguyễn Văn Tuấn	08-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028157	1252-11/07/2011	11/07/2011	15/11/2011	Tuấn	0988.145.308
14429	Vũ Văn Tuyển	22-10-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028158	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Tuyển	145346198
14430	Lê Hồng Tùng	14-02-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028159	1252-11/07/2011	11/07/2011	19/8/2011	Tùng	186581905
14431	Lê Văn Tưởng	07-12-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028160	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Tưởng	168297160
14432	Cao Viết Tường	17-11-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	09	Trung bình	CQ	A028161	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Tường	01273144??
Lớp 59CĐMTT																	
14433	Đặng Văn Chinh	14-06-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028162	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/08/2011		163.068.473
14434	Đinh Tiến Dũng	09-06-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028163	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Dũng	164473023
14435	Lê Ngọc Dũng	23-09-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028164	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011		164390811
14436	Vũ Thế Dương	02-04-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028165	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011		162966845
14437	Vũ Đình Dương	24-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028166	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		163[illegible]6448

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐMTT																	
14438	Đặng Việt Đức	09-06-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028167	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		121983954
14439	Đỗ Công Đức	20-08-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028168	1252-11/07/2011	11/07/2011	11/5/12	Đức	125318278
14440	Nguyễn Văn Đức	20-12-87			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028169	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11	Đức	151579181
14441	Tạ Duy Hiệp	01-08-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028170	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		164908204
14442	Nguyễn Như Hoàng	18-04-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028171	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/09/11	Hoàng	186744327
14443	Vũ Văn Hùng	01-08-88			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028172	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		168221637
14444	Mạc Duy Hưng	16-01-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028173	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		142522064
14445	Phạm Văn Kiên	16-12-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028174	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Kiên	142419525
14446	Hoàng Trọng Kiên	23-09-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028175	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11		121771383
14447	Nguyễn Văn Kim	29-01-87			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028176	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11		121824674
14448	Nguyễn Tiến Lực	28-11-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028177	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011		013342623
14449	Trần Văn Mạnh	10-10-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028178	1252-11/07/2011	11/07/2011	06/12/11		125302009
14450	Bùi Văn Nam	05-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028179	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Nam	151757267
14451	Vũ Văn Phi	23-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028180	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		163057020
14452	Nguyễn Văn Phong	11-07-88			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028181	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		164363207
14453	Nguyễn Trung Sơn	20-10-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028182	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/08/11		171298985
14454	Hoàng Văn Thảo	01-05-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028183	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		145339161
14455	Phạm Văn Thành	15-06-89			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028184	1252-11/07/2011	11/07/2011	16/09/11	Thành	031601534
14456	Nguyễn Nam Thái	04-09-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028185	1252-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11		172649876
14457	Lê Mạnh Thắng	02-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028186	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thắng	151782845
14458	Lê Văn Thắng	14-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028187	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		162

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐMTT																	
14459	Nguyễn Văn Thế	25-10-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028188	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thế	163205091
14460	Hà Văn Thuyến	05-09-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028189	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thuyến	151634205
14461	Đào Văn Thuỷ	04-12-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028190	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Thuỷ	186446798
14462	Phạm Văn Tiêu	21-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028191	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/11/11	Tiêu	163026488
14463	Trương Việt Tiến	21-05-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028192	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Tiến	168258326
14464	Trương Văn Tình	03-09-89			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028193	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Tình	031647827
14465	Phùng Văn Tính	10-07-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028194	1252-11/07/2011	11/07/2011	10/07/89	Tính	164305735
14466	Trần Văn Trường	10-03-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028195	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Trường	142559870
14467	Nguyễn Quang Tuân	17-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028196	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Tuân	171778370
14468	Hà Huy Tuấn	07-09-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028197	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Tuấn	132122304
14469	Hoàng Mạnh Tuấn	24-07-90			VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028198	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/2011	Tuấn	100984185
14470	Trần Nguyên Tùng	05-12-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028199	1252-11/07/2011	11/07/2011	12/08/2011	Tùng	186[illegible]
14471	Trần Thanh Tùng	08-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028200	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Tùng	186862276
14472	Nguyễn Công Tú	14-02-87			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028201	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Tú	162870939
14473	Nguyễn Ngọc Vinh	11-10-88			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	15	TB Khá	CQ	A028202	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Vinh	121856205
14474	Phạm Xuân Vươn	29-02-88			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	15	Trung bình	CQ	A028203	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Vươn	145261790
Lớp 59CĐĐMTX1																	
14475	Hồ Đức Anh	12-06-88	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028204	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/08/2011	Anh	186753092
14476	Bùi Văn Biển	08-07-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028205	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Biển	173095085
14477	Nguyễn Hữu Bình	24-09-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028206	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Bình	142418586
14478	Đoàn Công Chiến	22-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028207	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Chiến	121905447

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐĐMTX1																	
14479	Trương Văn Duy	16-11-90	Nam		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028208	1252-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Duy	125326116
14480	Trần Văn Dũng	22-01-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028209	1252-11/07/2011	11/07/2011	17/02/12		163034364
14481	Trần Văn Đại	28-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028210	1252-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Đại	151810416
14482	Nguyễn Anh Đức	03-12-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028211	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Đức	173303044
14483	Nguyễn Văn Học	10-05-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028212	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		121959015
14484	Nguyễn Công Hơn	25-01-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028213	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		121836787
14485	Hoàng Văn Huy	01-10-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028214	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		168299286
14486	Nguyễn Trung Huy	12-02-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028215	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Huy	151747986
14487	Nguyễn Văn Hùng	03-07-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028216	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Hùng	162912871
14488	Nguyễn Mạnh Hùng	24-12-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028217	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		132011326
14489	Nguyễn Quốc Hưng	21-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028218	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		139555824
14490	Lại Mạnh Lực	20-09-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028219	1252-11/07/2011	11/07/2011	21/10/11		151809552
14491	Vũ Phương Nam	25-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028220	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Nam	151724764
14492	Phạm Văn Nam	27-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028221	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Nam	162934811
14493	Vũ Hồng Nguyên	03-05-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028222	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	nguyên	132055497
14494	Dương Công Pho	08-06-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028223	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		112494062
14495	Phan Như Phong	28-04-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028224	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11	Phong	131256031
14496	Thân Văn Sinh	21-12-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028225	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		121821662
14497	Trần Văn Sử	11-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028226	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/09/11		162061439
14498	Nguyễn Thế Tân	02-11-90			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028227	1252-11/07/2011	11/07/2011			Nhận bằng hộ
14499	Nguyễn Văn Thú	30-01-87			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028228	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		121955...

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐĐMTX1																	
14500	Hoàng Công Thưởng	18-02-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028229	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		162953489
14501	Mai Ngọc Tỉnh	15-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028230	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		163055092
14502	Phạm Đình Tới	05-11-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028231	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		168301957
14503	Lê Hà Trung	13-02-90			VN	lào cai	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028232	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		132007330
14504	Nguyễn Văn Trường	19-05-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028233	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		173576265
14505	Đinh Xuân Trường	28-11-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028234	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		164325563
14506	Đoàn Văn Tuân	07-03-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028235	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		112486770
14507	Nguyễn Anh Tuấn	04-10-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028236	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		012981926
14508	Nguyễn Anh Tuấn	07-05-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028237	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		125389180
14509	Trần Văn Tuyên	29-11-88			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028238	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11		145412885
Lớp 59CĐĐMTX2																	
14510	Ngô Tuấn Anh	13-10-89	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028239	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		121854514
14511	Đinh Việt Anh	24-05-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028240	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		012822488
14512	Phạm Văn Biên	19-05-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028241	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011		186869380
14513	Vũ Đình Cẩn	22-02-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028242	1252-11/07/2011	11/07/2011	28/8/2012		013265839
14514	Nguyễn Quốc Chính	03-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028243	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011		163081023
14515	Nguyễn Đình Cường	08-04-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028244	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011		125116247
14516	Hoàng Mạnh Cường	25-08-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028245	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011		012973704
14517	Nguyễn Văn Dương	04-01-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028246	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011		173577111
14518	Nguyễn Bá Dương	20-08-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028247	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/2011		112261510
14519	Đinh Văn Đỉnh	20-06-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028248	1252-11/07/2011	11/07/2011	05/09/11		162998695

Lớp 59CĐĐMTX2

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
14520	Trần Như Hiếu	15-02-89	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028249	1252-11/07/2011	11/07/2011	11/10/11	Hiếu	168284681
14521	Nguyễn Văn Hiếu	15-05-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028250	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/09/2011	Hiếu	162990557
14522	Nguyễn Hữu Hoằng	27-03-88			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028251	1252-11/07/2011	11/07/2011	27/09/2011	Hoằng	125225694
14523	Nguyễn Văn Hùng	25-07-84			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028252	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Hùng	121586022
14524	Nguyễn Việt Hưng	10-05-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028253	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011	Hưng	164491174
14525	Ngô Văn Hường	20-10-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028254	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Hường	125317173
14526	Bùi Quang Khải	06-08-90			VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028255	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/08/2011	Khải	031556465
14527	Hồ Phúc Kiên	04-05-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028256	1252-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Kiên	186875005
14528	Mai Thanh Lượng	03-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028257	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	MTL	162931396
14529	Nguyễn Thái Ninh	11-11-89			VN	Hải Phòng	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028258	1252-11/07/2011	11/07/2011	11/12/12	Ninh	031634901
14530	Đỗ Văn Phong	06-02-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028259	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Phong	172649596
14531	Nguyễn Hữu Quang	15-02-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028260	1252-11/07/2011	11/07/2011	19/12/2012	Quang	186804048
14532	Vũ Văn Quảng	21-05-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028261	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Quảng	142630915
14533	Trần Văn Quỳnh	02-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028262	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Quỳnh	151706004
14534	Ngô Văn Sông	19-03-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028263	1252-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011	Sg	125302300
14535	Nguyễn Anh Sơn	24-03-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028264	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/08/2011	Sơn	125384480
14536	Hoàng Trung Thành	20-06-89			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028265	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thành	131264812
14537	Đặng Sỹ Thoảng	05-07-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028277	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Thoảng	125379136
14538	Nguyễn Văn Tiến	02-10-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028267	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/2011	Tiến	163042002
14539	Dương Văn Tiến	09-10-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028268	1252-11/07/2011	11/07/2011	07/10/11	Tiến	121760999
14540	Nguyễn Quý Tiến	14-02-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028269	1252-11/07/2011	11/07/2011	15/8/2011	Tiến	042052347

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐĐMTX2																	
14541	Nguyễn Duy Tiến	29-10-89	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028270	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		142431438
14542	Nguyễn Tiến Trọng	25-05-88			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028271	1252-11/07/2011	11/07/2011	2/12/11		112384475
14543	Trần Anh Tuấn	28-12-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028272	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		145377193
14544	Phạm Thanh Tùng	16-04-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028273	1252-11/07/2011	11/07/2011	26/5/11		151787900
14545	Nguyễn Văn Tùng	21-08-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	Trung bình	CQ	A028274	1252-11/07/2011	11/07/2011	7/10/11		121873036
14546	Ngô Văn Tú	12-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028275	1252-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11		186897772
14547	Vũ Văn Việt	26-10-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	14	TB Khá	CQ	A028276	1252-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		121898208

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 57CĐB11																	
14548	Nguyễn Thành Lâm	16-07-83	Nam		VN	Lào Cai	2006 - 2008	2011	01	Trung bình	CQ	A028280	1256-11/07/2011	11/07/2011	09/9/11		065086000
Lớp 58CĐB21																	
14549	Phạm Minh Hiếu	09-10-83	Nam		VN	Tỉnh Nam	2007 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	A028281	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/08/11		162670718
Lớp 59CĐB29																	
14550	Nguyễn Văn Thường	12-02-86	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	A028282	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/12/2011		151679239
Lớp 60CDB26																	
14551	Nguyễn Văn Chiến	20-11-88	Nam		VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028283	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/2/2012		063249332
14552	Vũ Văn Dương	17-05-82			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028284	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/04/12		168075398
Lớp 60CDB27																	
14553	Hoàng Trung Dũng	28-09-88	Nam		VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028285	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8		050603990
14554	Vũ Văn Lai	26-01-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028286	1256-11/07/2011	11/07/2011			
14555	Nguyễn Văn Linh	15-10-88			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028287	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11		168280780
14556	Nguyễn Văn Rượng	16-09-89			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028288	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		
14557	Hoàng Trung Tình	05-10-88			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028289	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8		082052186
14558	Phan Đình Trọng	30-07-86			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028290	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8		183573923
14559	Đinh Đức Vinh	15-10-88			VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028291	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8		080434526
14560	Vũ Đình Vinh	01-03-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028292	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8		151552908
Lớp 60CDB28																	
14561	Vũ Đức Bình	16-07-87	Nam		VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028293	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11		151574694

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB28																	
14562	Lê Hải Hưng	03-10-85	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028294	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11		135156903
14563	Tống Văn Xương	27-09-84			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028295	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/10/11		162747556
Lớp 60CDB29																	
14564	Đỗ Văn Đạt	17-04-88	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028296	1256-11/07/2011	11/07/2011	22/3/13		112350805
14565	Nguyễn Duy Hiếu	24-06-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028297	1256-11/07/2011	11/07/2011	27/9/11		151785072
14566	Nguyễn Thăng Long	24-09-88			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028298	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		063165759
14567	Trần Văn Long	08-08-82			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028299	1256-11/07/2011	11/07/2011	6/9/11		162516297
14568	Lê Văn Thịnh	06-01-89			VN	TP Thái Bình,	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028300	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11		151659456
Lớp 60CDB30																	
14569	Nguyễn Khắc Biên	24-07-87	Nam		VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028301	1256-11/07/2011	11/07/2011	22/04/14		151581725
14570	Đỗ Quốc Hải	28-04-86			VN	Lai Châu	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028302	1256-11/07/2011	11/07/2011	8/11/2011		045032200
14571	Lê Văn Hạnh	18-02-89			VN	Tiên Lữ,	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028303	1256-11/07/2011	11/07/2011	18/2/89		141528[illegible]
14572	Đoàn Duy Nhuận	07-04-85			VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028304	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		080708752
14573	Nguyễn Xuân Phú	29-06-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028305	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		Vĩnh Phúc
14574	Nguyễn Xuân Thành	27-09-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028306	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/9/11		174693553
14575	Đặng Thị Thuỷ	08-10-85	Nữ		VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028307	1256-11/07/2011	11/07/2011	22/02/13		Phú Xuân Cẩm.
14576	Nguyễn Dung Vũ	10-10-88	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028308	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/03/14		112150222

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đườngCầu đường sắt

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 57CĐB9																	
14577	Phạm Thanh Trình	17-07-89	Nam		VN	Thái Bình	2006 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	A028309	1256-11/07/2011	11/07/2011	28/10/20	KT HE	150[illegible]1/16
Lớp 58CĐB11																	
14578	Lưu Bá Hòa	29-01-88	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	A028310	1256-11/07/2011	11/07/2011	14/10/11		151708162
14579	Đỗ Đình Trung	16-10-88			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	A028311	1256-11/07/2011	11/07/2011	30/12/11		112289189
Lớp 58CĐB16																	
14580	Nguyễn Văn Cường	06-10-88	Nam		VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	A028312	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11		172862345
14581	Nguyễn Quang Hưng	14-02-89			VN	Lạng Sơn	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	A028313	1256-11/07/2011	11/07/2011	5/9/11		082105034
Lớp 58CĐB19																	
14582	Nguyễn Văn Thuần	13-02-88	Nam		VN	Hà Nam	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	A028314	1256-11/07/2011	11/07/2011	9/9/11		168216740
Lớp 59CĐB18																	
14583	Dương Ngọc Anh	19-06-90	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028315	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		121770602
14584	Doãn Thế Anh	28-06-89			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028316	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		135487884
14585	Trần Ngọc Chiều	16-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028317	1256-11/07/2011	11/07/2011	11/11/11		151754402
14586	Nguyễn Xuân Chiến	14-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028318	1256-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11		163046661
14587	Vũ Minh Chính	11-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028319	1256-11/07/2011	11/07/2011	18/08/11		151778005
14588	Nguyễn Văn Chung	07-03-91			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028320	1256-11/07/2011	11/07/2011	19-8-201		112509190
14589	Đậu Văn Chương	23-08-89			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028321	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/08/11		186988818
14590	Lương Thế Cường	19-06-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028322	1256-11/07/2011	11/07/2011	11/08/2011		151759703
14591	Nguyễn Tiến Dũng	29-01-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028323	1256-11/07/2011	11/07/2011	08/4/2011		163046618

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB18																	
14592	Trần Văn Dương	29-11-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028324	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Dương	163038123
14593	Bùi Tiến Đạt	02-12-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028325	1256-11/07/2011	11/07/2011	8/11/11	Đạt	017790523
14594	Phạm Việt Đức	07-07-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028326	1256-11/07/2011	11/07/2011	05/10/11	Đức	164464477
14595	Lê Viết Giang	19-02-85			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028327	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Giang	172393162
14596	Võ Thanh Hà	19-12-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028328	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hà	186454600
14597	Nguyễn Văn Hạnh	09-08-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028329	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hạnh	178 154042
14598	Nguyễn Viết Hoàng	16-09-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028330	1256-11/07/2011	11/07/2011			
14599	Đào Văn Hùng	17-07-86			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028331	1256-11/07/2011	11/07/2011	13/9/11	Hùng	168171366
14600	Đào Văn Hưng	10-06-89			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028332	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Hưng	145[illegible]8[illegible]5
14601	Phạm Minh Khoa	20-11-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028333	1256-11/07/2011	11/07/2011	10/1/12	Khoa	164430876
14602	Đặng Văn Lâm	04-04-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028334	1256-11/07/2011	11/07/2011	07/10/11	Lâm	173148735
14603	Nguyễn Văn Lâm	13-05-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028335	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/9/11	Lâm	151663171
14604	Bùi Tuấn Linh	22-11-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028336	1256-11/07/2011	11/07/2011	4/11/2011	Linh	012695825
14605	Trần Hồng Long	02-02-88			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028337	1256-11/07/2011	11/07/2011	16/9/11	Long	186805154
14606	Đào Quang Long	20-11-88			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028338	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	[illegible]	183609360
14607	Hoàng Đức Luân	28-08-89			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028339	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Luân	125887254
14608	Phạm Văn Mạnh	20-06-89			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028340	1256-11/07/2011	11/07/2011	7/2/12	mạnh	168291577
14609	Lê Đình Nam	10-02-90			VN	Hưng Yên	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028341	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Nam	145335807
14610	Đoàn Cảnh Nghiệp	11-08-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028342	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	[illegible]	(6133018[illegible]
14611	Nguyễn Xuân Nguyên	27-11-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028343	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	[illegible]	175267669
14612	Nguyễn Thị Nhung	26-09-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028344	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/9/11	[illegible]	142385899

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB18																	
14613	Nguyễn Trọng Quang	20-08-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028345	1256-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11		151735348
14614	Nguyễn Bá Quân	11-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028346	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11		112491010
14615	Trần Doãn Quốc	20-03-88			VN	Lộc Hà - Hà	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028347	1256-11/07/2011	11/07/2011	21/9/12	Quốc	183459509
14616	Lê Ngọc Tân	02-08-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028348	1256-11/07/2011	11/07/2011	03/1/12	Tân	142508015
14617	Phạm Hữu Thành	12-10-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028349	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11	Thành	1725 15544
14618	Nguyễn Văn Thái	09-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028350	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		112329594
14619	Nguyễn Minh Thắng	01-04-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028351	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		173380360
14620	Đặng Văn Thịnh	04-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028352	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		163105060
14621	Trần Quốc Toản	25-05-89			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028353	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		183783763
14622	Đặng Thanh Trà	01-03-90			VN	Hà Tĩnh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028354	1256-11/07/2011	11/07/2011	09/9/11	trà	183760632
14623	Trịnh Tiến Trường	21-05-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028355	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Trường	112341603
14624	Nguyễn Văn Tùng	02-05-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028356	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tùng	186881893
14625	Bùi Hồng Viên	18-01-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028357	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Viên	151726234
14626	Nguyễn Thành Vinh	05-07-88			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028358	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		12838496
14627	Nguyễn Văn Vũ	23-10-89			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028359	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Vũ	142377126
Lớp 59CĐB19																	
14628	Hoàng Tú Anh	21-11-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028360	1256-11/07/2011	11/07/2011	7/2/12		112488837
14629	Nguyễn Tuấn Anh	29-10-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028361	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Anh	164463859
14630	Đỗ Văn Chí	20-06-88			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028362	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Chí	163015763
14631	Trần Mạnh Chính	03-06-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028363	1256-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11		135560735
14632	Bùi Văn Chuyên	02-11-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028364	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Chuyên	163045761

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB19																	
14633	Lê Đình Dân	18-03-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028365	1256-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11		172991757
14634	Phạm Quang Duy	13-01-90			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028366	1256-11/07/2011	11/07/2011	8/11/11		135545740
14635	Nguyễn Khương Duy	16-12-89			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028367	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/09/11		112375756
14636	Bùi Công Duy	28-11-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028368	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Duy	151779329
14637	Đinh Văn Định	02-09-87			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028369	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Định	125258605
14638	Nguyễn Hữu Được	26-12-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028370	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Được	173465927
14639	Nguyễn Trung Đức	11-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028371	1256-11/07/2011	11/07/2011	2/9/11	Đức	173342210
14640	Đoàn Văn Hải	21-05-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028372	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hải	164381938
14641	Trần Đức Hào	29-12-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028373	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hào	151787398
14642	Nguyễn Thị Hoà	02-02-88			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028374	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hoà	125214121
14643	Hoàng Văn Kết	08-05-89			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028375	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Kết	121938713
14644	Trần Đăng Khoa	28-11-90			VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028376	1256-11/07/2011	11/07/2011	17/04/12	Khoa	164871681
14645	Nguyễn Tiến Long	15-03-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028377	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/2011	Long	163092768
14646	Trần Văn Luyện	24-02-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028378	1256-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Luyện	151629441
14647	Đào Xuân Nam	01-03-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028379	1256-11/07/2011	11/07/2011	7/10/11	Nam	164368319
14648	Nguyễn Đức Nam	02-05-89			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028380	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Nam	112370655
14649	Phạm Minh Nam	15-01-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028381	1256-11/07/2011	11/07/2011	04/10/11	Nam	121898818
14650	Nguyễn Văn Phấn	25-09-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028382	1256-11/07/2011	11/07/2011	9/9	phấn	125392805
14651	Nguyễn Bá Phúc	24-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028383	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08	Phúc	112445941
14652	Nguyễn Văn Quyết	12-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A028384	1256-11/07/2011	11/07/2011	9/9	Quyết	168924549
14653	Đỗ Đăng Quyết	27-07-90			VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A028385	1256-11/07/2011	11/07/2011	23/08	Quyết	125451009

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB26																	
13139	Trịnh Văn Thuỷ	05-06-87	Nam		VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026831	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11	Thuỷ	172906185
13140	Đào Duy Tiên	24-10-84			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026832	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Tiên	111916993
13141	Trịnh Văn Tiên	29-03-85			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026833	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Tiên	172119030
13142	Nguyễn Mạnh Tiến	13-02-82			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026834	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11	Tiến	111462562
13143	Nguyễn Văn Trung	05-07-87			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026835	991-25/05/2011	25/05/2011	19/7/11	Trung	142462098
13144	Cấn Văn Trường	25-08-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026836	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11	Trường	112197307
13145	Nguyễn Mạnh Tuấn	02-10-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026837	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11	Tuấn	112292066
13146	Phan Văn Tuệ	10-04-79			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026838	991-25/05/2011	25/05/2011	8/7/2011	Tuệ	013395593
13147	Lê Thanh Tùng	15-04-83			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026839	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11	Tùng	112276039
13148	Đào Văn Tú	20-01-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026840	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11	Tú	151648668
13149	Vũ Tuấn Việt	26-12-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026841	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Việt	151562545
13150	Đinh Khắc Việt	17-11-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026842	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Việt	151691362
13151	Phạm Quang Vinh	20-10-85			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026843	991-25/05/2011	25/05/2011	9/7/2011	Vinh	186291158
Lớp 60CDB27																	
13152	Đỗ Tuấn Anh	05-02-85	Nam		VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026844	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/2011	Anh	012283154
13153	Nguyễn Quang Bên	13-08-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026845	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11	Bên	112280878
13154	Lê Quang Biển	02-01-87			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026846	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011	Biển	0975874770
13155	Nguyễn Đình Chiểu	17-07-88			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026847	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Chiểu	145201653
13156	Nguyễn Trọng Dân	16-02-85			VN	Hòa Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026848	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Dân	113229827
13157	Chu Hải Duy	18-03-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026849	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011	Duy	112207053
13158	Nguyễn Thị Hồng Duyên	26-06-89	Nữ		VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026850	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011	Duyên	162912613

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB27																	
13159	Hoàng Minh Dũng	15-07-88	Nam		VN	Lai Châu	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026851	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		045032071
13160	Trần Quốc Đầu	14-06-85			VN	Quỳnh Phụ,	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026852	991-25/05/2011	25/05/2011	26/8/11		151440772
13161	Nguyễn Quảng Hải	10-04-83			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026853	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		020125185
13162	Thái Thị Thuý Hằng	02-03-88	Nữ		VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026854	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		186572526
13163	Nguyễn Đình Hiển	28-10-87	Nam		VN	Đồng Quang	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026855	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011		112202873
13164	Phạm Minh Hoàn	02-04-89			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026856	991-25/05/2011	25/05/2011	09/08/2011		164413933
13165	Nguyễn Văn Hoàng	01-05-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026857	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011		142578987
13166	Trần Văn Huấn	02-10-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026858	991-25/05/2011	25/05/2011	21/06/2011		112213539
13167	Đỗ Quốc Nguyễn Huệ	04-05-88			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026859	991-25/05/2011	25/05/2011	21/06/2011		121798545
13168	Nguyễn Trần Hùng	13-09-88			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026860	991-25/05/2011	25/05/2011		14/06/2011	168278274
13169	Nguyễn Đình Hưng	21-05-87			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026861	991-25/05/2011	25/05/2011		21/06/2011	121760469
13170	Lâm Văm Kha	08-07-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026862	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		LÂM VĂN KHA
13171	Lê Minh	21-04-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026863	991-25/05/2011	25/05/2011	19/6/11		145303477
13172	Nguyễn Thành Nam	14-06-87			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026864	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		Nguyễn thành Nam
13173	Bùi Tùng Ngọc	06-12-86			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026865	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		126239758
13174	Hoàng Thị Kim Oanh	02-12-87	Nữ		VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026866	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		111728446
13175	Đoàn Xuân Phấn	25-08-87	Nam		VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026867	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		162849882
13176	Bùi Văn Phong	30-04-87			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026868	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		162962864
13177	Trần Việt Phương	24-02-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026869	991-25/05/2011	25/05/2011	11/6/2011		111728638
13178	Trịnh Xuân Quang	07-10-87			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026870	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011		Trịnh Xuân Quang
13179	Nguyễn Anh Quyết	03-06-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026871	991-25/05/2011	25/05/2011	21/06/11		151822376

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB27																	
13180	Đinh Thế Quyết	26-12-81	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026872	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		111783336
13181	Nguyễn Văn Sinh	04-01-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026873	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		162928866 Nguyễn Văn Sinh
13182	Nguyễn Đức Thanh	23-02-88			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026874	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11	Thanh	168175809
13183	Lê Xuân Thảo	14-04-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026875	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11	(Thanh	có Chí')
13184	Phạm Văn Thành	02-11-89			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026876	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		173375593
13185	Nguyễn Như Thạch	03-07-86			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026877	991-25/05/2011	25/05/2011	16/6/2011		186267090
13186	Nguyễn Bá Thắng	30-10-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026878	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Thắng	112310081
13187	Lê Văn Thể	05-01-88			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026879	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Thể	186319764
13188	Vũ Văn Thuỵ	10-05-87			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026880	991-25/05/2011	25/05/2011	01/07/2011	Thuỵ	162983247
13189	Trần Văn Thuyến	30-05-82			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026881	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Thuyến	0917499522
13190	Đặng Thế Tiến	30-11-89			VN	Đông Hưng,	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026882	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011		151647746
13191	Nguyễn Đăng Toàn	22-06-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026883	991-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		112088949
13192	Cầm Văn Trang	10-02-87			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026884	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		168225017
13193	Nguyễn Đức Trọng	19-08-88			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026885	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/	trọng	050599105
13194	Phan Quang Trung	07-07-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026886	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6		135420394
13195	Nguyễn Văn Trường	21-10-87			VN	Hà Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026887	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6	Trường	073179170
13196	Lê Văn Trưởng	18-10-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026888	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6		162872826
13197	Bùi Quang Tuấn	15-04-87			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026889	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06		162879234
13198	Tạ Đình Tùng	15-01-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026890	991-25/05/2011	25/05/2011	20/06		112087632
13199	Nguyễn Hữu Tú	10-03-87			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026891	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6		145963205
13200	Đỗ Trung Việt	27-12-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026892	991-25/05/2011	25/05/2011	16/6		

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB27																	
13201	Nguyễn Thành Vinh	27-10-87	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026893	991-25/05/2011	25/05/2011	27/6	Vinh	112183834
13202	Nguyễn Văn Vững	29-05-85			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026894	991-25/05/2011	25/05/2011	30/3/2012		145218403
Lớp 60CDB28																	
13203	Nguyễn Việt Anh	20-08-89	Nam		VN	Điện Biên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026895	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11	VAnh	040370685
13204	Nguyễn Đức Cảnh	26-06-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026896	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11	Cảnh	151745186
13205	Đỗ Văn Chinh	19-08-84			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026897	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Chinh	168126421
13206	Nguyễn Quốc Chiến	25-01-83			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026898	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011	Chiến	182544874
13207	Lê Anh Duy	11-01-83			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026899	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11	Duy	145106147
13208	Trần Danh Duy	09-09-88			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026900	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011		060232723
13209	Đặng Huy Đại	29-12-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026901	991-25/05/2011	25/05/2011	28/10/2011		142188401
13210	Nguyễn Duy Đạt	10-03-84			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026902	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011		135093804
13211	Đỗ Quang Đạt	23-04-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026903	991-25/05/2011	25/05/2011	20/6/11	Đạt	Đỗ Quang Đạt
13212	Nguyễn Hữu Đồng	13-08-79			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026904	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		141765638
13213	Trương Văn Hai	27-09-85			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026905	991-25/05/2011	25/05/2011	13/6/11	Hai	145176976
13214	Phạm Trọng Hà	08-12-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026906	991-25/05/2011	25/05/2011	13/6/11	Khánh	Tổ VT5
13215	Nguyễn Thị Hà	15-05-87	Nữ		VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026907	991-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		172874123
13216	Trương Văn Hân	16-08-84	Nam		VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026908	991-25/05/2011	25/05/2011	9/8/11		121.607108
13217	Đàm Văn Hiệp	05-08-83			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026909	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11	Hiệp	121607373
13218	Nguyễn Văn Hoàng	04-09-87			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026910	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		125165230
13219	Nguyễn Văn Hợi	15-08-83			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026911	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		125054486
13220	Đinh Quang Huy	15-11-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026912	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011		131398812

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB28																	
13221	Vũ Quang Huy	14-02-88	Nam		VN	Điện Biên	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026913	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6	Huy	04 03 26 3411
13222	Lưu Văn Huynh	08-06-86			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026914	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11	Huynh	0162820017
13223	Nguyễn Trọng Hùng	18-09-85			VN	Hòa Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026915	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6	KT Hùng	172289424
13224	Trần Ngọc Hồng Hưng	22-10-84			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026916	991-25/05/2011	25/05/2011	19/7/11	Hưng	145171820
13225	Nguyễn Văn Kha	08-07-86			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026917	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6		168157340
13226	Đặng Văn Kiên	02-10-80			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026918	991-25/05/2011	25/05/2011	30/6		Trí The Chy CCT
13227	Phạm Quang Luật	29-10-86			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026919	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6		162791362
13228	Nguyễn Đăng Minh	10-08-85			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026920	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11.		125096520
13229	Đỗ Hoài Nam	02-02-84			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026921	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/2011		131203374
13230	Nguyễn Thế Nam	02-10-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026922	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hằng	phòng HCQT
13231	Phạm Thành Nam	01-07-89			VN	Điện Biên	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026923	991-25/05/2011	25/05/2011	20/6/11		040332435
13232	Nguyễn Thế Ngọc	01-12-87			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026924	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		12530 4423
13233	Trần Hồng Nguyên	02-12-89	Nữ		VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026925	991-25/05/2011	25/05/2011	20/6/11		0632 10927
13234	Nguyễn Văn Phong	26-02-86	Nam		VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026926	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		186464354
13235	Lê Văn Phúc	18-11-84			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026927	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		B1897630
13236	Nguyễn Tiến Quang	08-03-83			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026928	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011	Quang	063 105 487
13237	Nguyễn Viết Quang	25-11-86			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026929	991-25/05/2011	25/05/2011	22/6/11		063218347
13238	Trần Trọng Quân	10-04-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026930	991-25/05/2011	25/05/2011	10/06		172982956
13239	Nguyễn Tiến Thành	03-02-77			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026931	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06		013143434
13240	Trịnh Xuân Thắng	19-05-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026932	991-25/05/2011	25/05/2011	24/6		0576 74210
13241	Nguyễn Đức Thắng	21-05-87			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026933	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6		

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB28																	
13242	Tạ Văn Thiết	02-12-84	Nam		VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026934	991-25/05/2011	25/05/2011	24/6/2011	Thiết	172707253
13243	Lê Quang Thịnh	20-11-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026935	991-25/05/2011	25/05/2011	1/7/2011	Thịnh	Lê Quang Thịnh
13244	Trịnh Văn Thống	18-08-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026936	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06	Thống	112165192
13245	Nguyễn Văn Thơm	17-07-84			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026937	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06	Thơm	151573650
13246	Vũ Văn Thuyết	05-12-84			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026938	991-25/05/2011	25/05/2011	12/07	Thuyết	164125566
13247	Bùi Văn Thư	27-07-86			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026939	991-25/05/2011	25/05/2011	12/08/11	Thư	173321736
13248	Kim Văn Tiến	09-09-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026940	991-25/05/2011	25/05/2011	29/06/11	Tiến	Kim. văn Tiến
13249	Vũ Văn Toàn	07-08-83			VN	Hải Phòng	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026941	991-25/05/2011	25/05/2011	06/07	Toàn	Vũ Văn Toàn
13250	Nguyễn Quốc Tới	04-02-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026942	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6	Tới	172780424
13251	Lương Thị Trang	05-08-86	Nữ		VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Khá	CQ	A026943	991-25/05/2011	25/05/2011	20/06	Trang	063172525
13252	Đoàn Văn Trung	28-10-87	Nam		VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026944	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6	Trung	186698882
13253	Vũ Ngọc Tú	02-10-82			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026945	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Tú	011310325
13254	Thái Văn Tường	25-09-84			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026946	991-25/05/2011	25/05/2011	19/7/2011	Tường	0916601012
13255	Lê Quốc Việt	10-10-82			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026947	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11	Việt	183368917
13256	Lưu Ngọc Vinh	24-03-86			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026948	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011	Vinh	0943963333 162618446
Lớp 60CDB29																	
13257	Lê Xuân Anh	19-10-88	Nam		VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026949	991-25/05/2011	25/05/2011			
13258	Hoàng Thị Cẩm	01-07-86	Nữ		VN	Quảng Ninh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026950	991-25/05/2011	25/05/2011	29/6/2011	Cẩm	100789308
13259	Tống Văn Chính	29-05-87	Nam		VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026951	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Chính	164264754
13260	Nguyễn Chí Công	07-09-87			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026952	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6	Công	168238411
13261	Cung Đức Cường	10-11-88			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026953	991-25/05/2011	25/05/2011	13/6		

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB29																	
13262	Nguyễn Văn Cường	11-11-87	Nam		VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026954	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		125180292
13263	Nguyễn Công Diễn	27-02-80			VN	Thái Thụy,	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027129 A026955	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		151351932
13264	Nguyễn Văn Duy	28-06-86			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026956	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		162866702
13265	Nguyễn Bá Dũng	20-04-84			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026957	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		186248404
13266	Đới Văn Dũng	04-08-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026958	991-25/05/2011	25/05/2011	7/7/11		162955329
13267	Ngô Thuỳ Dương	08-01-86			VN	Quảng Ninh	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026959	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11		100848726
13268	Lê Hữu Dương	07-03-85			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026960	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		172286187
13269	Vi Thị Dường	20-10-85	Nữ		VN	Quảng Ninh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026961	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		100789974
13270	Nguyễn Thành Đoàn	15-10-83	Nam		VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026962	991-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		154065555
13271	Đỗ Quang Đức	28-10-88			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026963	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		142468140
13272	Nguyễn Hữu Hay	26-07-87			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026964	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		151663927
13273	Đặng Quốc Hào	20-09-84			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026965	991-25/05/2011	25/05/2011	13/9/11		142104160
13274	Nguyễn Thị Thu Hằng	17-01-87	Nữ		VN	Yên Bái	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026966	991-25/05/2011	25/05/2011	15/6/11		063180294
13275	Nguyễn Văn Hiệp	22-03-84	Nam		VN	Tam Đa -	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026967	991-25/05/2011	25/05/2011	15/06/11		125803144
13276	Đoàn Quang Hoà	10-11-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026968	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11	Hoà	112068420
13277	Trần Văn Hoàng	02-10-83			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026969	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		063093052
13278	Phạm Ngọc Hoàng	09-12-85			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026970	991-25/05/2011	25/05/2011	24/06/2011		151441952
13279	Phạm Mạnh Hùng	01-11-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026971	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		013228230
13280	Đinh Ngọc Lan	21-10-81			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026972	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		đinh ngọc Lan
13281	Phạm Trọng Lịch	05-03-87			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026973	991-25/05/2011	25/05/2011	23/9/11		phạm Trọng Lịch
13282	Vy Tùng Long	30-12-88			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026974	991-25/05/2011	25/05/2011	23/06/11		082050195

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB29																	
13283	Lương Văn Mão	22-02-87	Nam		VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026975	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11	Mão	151639756
13284	Đặng Trọng Nam	05-02-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026976	991-25/05/2011	25/05/2011	14/10/11		151691290
13285	Lê Hồng Nghi	30-12-86			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026977	991-25/05/2011	25/05/2011	19/6/11		186469176
13286	Nguyễn Ngọc Nghị	01-12-86			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026978	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		172857688
13287	Đỗ Văn Nhật	22-02-83			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026979	991-25/05/2011	25/05/2011	09/07/11		111549963 ~~097355547~~
13288	Trần Nhật Quang	18-12-87			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026980	991-25/05/2011	25/05/2011	13/11/11		0168634577
13289	Phạm Văn Quân	13-03-84			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026981	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		164187796
13290	Nguyễn Văn Quyết	12-11-86			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026982	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		162799933
13291	Nguyễn Văn Tài	20-05-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026983	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		112255906
13292	Nguyễn Hữu Thắng	28-08-83			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026984	991-25/05/2011	25/05/2011	18/06/11		121477900
13293	Vũ Mạnh Thắng	19-05-80			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026985	991-25/05/2011	25/05/2011	28/6/11		01317 2245
13294	Phương Thị Thơm	28-08-87	Nữ		VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026986	991-25/05/2011	25/05/2011	19/07/2011		01628998566
13295	Đặng Mạnh Thường	08-02-83	Nam		VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026987	991-25/05/2011	25/05/2011	14/02/2012		186033521
13296	Trần Đăng Trịnh	27-10-84			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026988	991-25/05/2011	25/05/2011	09/08/2011		125105254
13297	Lê Minh Tuấn	17-07-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026989	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		173180640
13298	Bùi Đức Tùng	24-12-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026990	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		172965677
13299	Lê Xuân Tùng	04-06-87			VN	Yên Bái	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026991	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		060801036
13300	Nguyễn Anh Văn	01-08-87			VN	xã Hiền	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026992	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		131457784
13301	Lý Văn Việt	16-02-86			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026993	991-25/05/2011	25/05/2011	26/09/11		0625927 6
13302	Nguyễn Ngọc Vinh	15-10-87			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026994	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		01276710
13303	Nguyễn Trí Vinh	01-10-86			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A026995	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB29																	
13304	Nguyễn Hoàng Vĩnh	15-12-88	Nam		VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026996	991-25/05/2011	25/05/2011	15/6/2011		
Lớp 60CDB30																	
13305	Nguyễn Thế Anh	01-02-87	Nam		VN	Quảng Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026997	991-25/05/2011	25/05/2011	11/10/2011		194302038
13306	Trần Bá Bắc	02-12-82			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026998	991-25/05/2011	25/05/2011	22/7/11		186039481
13307	Phạm Việt Bình	20-01-82			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026999	991-25/05/2011	25/05/2011	13/06/11		131492554
13308	Đinh Ngọc Chiến	08-05-87			VN	Hà Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027000	991-25/05/2011	25/05/2011	23/9/11		075140801
13309	Đặng Văn Chung	02-09-89			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027001	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11		Đặng V. Chung
13310	Trần Việt Dũng	03-08-81			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027002	991-25/05/2011	25/05/2011	8/7/2011		135068387
13311	Hoàng Trung Dũng	04-07-79			VN	Vĩnh tường,	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027003	991-25/05/2011	25/05/2011	13/9/11		135081266
13312	Trịnh Văn Dũng	20-03-88			VN	Hà Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027004	991-25/05/2011	25/05/2011	23/9/11		073178957
13313	Lê Văn Đại	15-05-88			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027005	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		145285182
13314	Lê Quang Đạo	25-04-89			VN	Hải Hậu,	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027006	991-25/05/2011	25/05/2011	24/06/11		Lê Quang Đạo
13315	Đỗ Tiến Đức	01-06-85			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027007	991-25/05/2011	25/05/2011	19/6/11		168199665
13316	Hồ Ngọc Hà	02-11-83			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027008	991-25/05/2011	25/05/2011	24/12/12		186043578
13317	Hoàng Văn Hạnh	14-04-86			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027009	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11		164269965
13318	Nguyễn Quang Hiếu	24-02-87			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027010	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		142209874
13319	Bùi Huy Hiệu	15-10-83			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027011	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		164164509
13320	Trần Khắc Hoà	28-04-87			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027012	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		186700925
13321	Chu Văn Hoàng	12-11-83			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027013	991-25/05/2011	25/05/2011	24/2/11		183366683
13322	Đoàn Trọng Hợi	29-09-83			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027014	991-25/05/2011	25/05/2011	24/06/11		183127226
13323	Phan Đắc Huân	11-03-87			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027015	991-25/05/2011	25/05/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB30																	
13324	Nguyễn Mạnh Hùng	27-06-89	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027016	991-25/05/2011	25/05/2011	27/06/20		112399462
13325	Trần Như Hưng	24-04-88			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027017	991-25/05/2011	25/05/2011	19/6		
13326	Nguyễn Văn Hường	01-10-81			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027018	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6		
13327	Đào Trung Khoa	26-10-87			VN	Điện Biên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027019	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6		0403443449
13328	Ngô Đức Kiểm	03-04-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027020	991-25/05/2011	25/05/2011	28/12/2012		151700295
13329	Phạm Văn Lập	06-10-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027021	991-25/05/2011	25/05/2011	11/11		151814712
13330	Hoàng Hải Long	24-01-87			VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027022	991-25/05/2011	25/05/2011	2/8		080508926
13331	Nguyễn Văn Lợi	14-09-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027023	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6		112098521
13332	Nguyễn Tiến Mạnh	02-06-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027024	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011		151705755
13333	Đỗ Đức Năm	10-03-83			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027025	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011		172186959
13334	Nguyễn Duy Nghĩa	03-03-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027026	991-25/05/2011	25/05/2011	2/3/2012		
13335	Bùi Văn Phú	28-01-87			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027027	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		168230588
13336	Phùng Thành Phúc	27-11-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027028	991-25/05/2011	25/05/2011	30/08/11		173434933
13337	Nguyễn Thành Phương	21-12-81			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027029	991-25/05/2011	25/05/2011	16/6/11		gv KHCB
13338	Nguyễn Hồng Quảng	02-12-88			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027030	991-25/05/2011	25/05/2011	28/6/11		Ng Hồng Quảng
13339	Nguyễn Văn Quynh	24-06-84			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027031	991-25/05/2011	25/05/2011	29/6/11		151733039
13340	Ngô Đăng Quyền	02-12-87			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027032	991-25/05/2011	25/05/2011	2/8/11		151545191
13341	Nguyễn Quốc Sỹ	15-01-77			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027033	991-25/05/2011	25/05/2011	12/07/11		183014069
13342	Đặng Đức Tân	10-06-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027034	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11		013235760
13343	Lâm Thanh Thảo	02-03-85			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027035	991-25/05/2011	25/05/2011	23/6/11		081004376
13344	Nguyễn Trung Thành	27-10-82			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027036	991-25/05/2011	25/05/2011	10/5/12		151867483

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB30																	
13345	Bùi Đức Thắng	17-07-86	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027037	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		112005024
13346	Mai Ngọc Thịnh	14-11-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027038	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		151782476
13347	Nguyễn Văn Thới	22-09-86			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027039	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		121664659
13348	Bùi Đức Thuận	28-02-87			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027040	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		164321723
13349	Trương Văn Toản	10-08-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027041	991-25/05/2011	25/05/2011	12/8/11		171142039
13350	Nguyễn Thành Trung	26-10-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027042	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		151486791
13351	Phạm Hữu Truyền	16-09-86			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A027043	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		186303454
13352	Hồ Trọng Trứ	05-08-86			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027044	991-25/05/2011	25/05/2011	13/06/11		186370673
13353	Nguyễn Đình Tuấn	19-07-87			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027045	991-25/05/2011	25/05/2011	13/6/11		121733290
13354	Nguyễn Hữu Việt	18-12-85			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027046	991-25/05/2011	25/05/2011	28/6/11		121478842
13355	Phùng Văn Vũ	12-08-85			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A027047	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11		M19 56256

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐÔ7																	
13356	Đặng Hồng Luân	08-06-87	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2010	2011	02	TB Khá	CQ	A027048	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Luân	112181983.
Lớp 60CDO6																	
13357	Nguyễn Đức Anh	12-01-88	Nam		VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027071	1045-25/05/2011	25/05/2011	13/6/2011		Ng quang Anh Khoa Cơ khí
13358	Trần Đức Anh	23-08-85			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027072	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		012582077
13359	Đặng Văn Bắc	03-04-84			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027073	1045-25/05/2011	25/05/2011	24/6/2011		162738009
13360	Chu Thiên Biển	08-08-87			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027074	1045-25/05/2011	25/05/2011	27/7/2011		013728826
13361	Trần Văn Chiến	06-11-86		Chưa	VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027075	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/06/11		151513661
13362	Nguyễn Văn Chinh	25-03-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027076	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/8/11		112075496
13363	Phan Thanh Cường	04-03-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027077	1045-25/05/2011	25/05/2011	12/08/11		Phan Thanh Cường 131392467
13364	Nguyễn Thế Du	07-08-87			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027078	1045-25/05/2011	25/05/2011	24/06/2011		125192015
13365	Nguyễn Văn Duy	07-05-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027079	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		172686409.
13366	Nguyễn Văn Dũng	04-01-86			VN	Hưng Hà -	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027080	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		151355468
13367	Nguyễn Văn Đáo	04-09-87			VN	Quảng Trị	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027081	1045-25/05/2011	25/05/2011	24/6/11		197207049
13368	Nguyễn Hai Đên	27-05-83			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027082	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		131232439
13369	Nguyễn Thu Đông	12-12-88			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027083	1045-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		145309407
13370	Nguyễn Thế Giang	13-07-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027084	1045-25/05/2011	25/05/2011	24/06/11		112294936
13371	Trương Mạnh Giáp	28-12-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027085	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011		135256031
13372	Trần Văn Hải	16-10-81			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027086	1045-25/05/2011	25/05/2011	24/06/2011		012256152

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDO6																	
13373	Phan Văn Hằng	23-10-87	Nam		VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027087	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/5/2012		131685908
13374	Lê Huy Hiên	01-03-87		Chưa	VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027088	1045-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		172902494
13375	Nguyễn Đắc Hiếu	13-08-89			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027089	1045-25/05/2011	25/05/2011	29/07/11		01885010
13376	Phạm Văn Hoan	30-08-87			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027090	1045-25/05/2011	25/05/2011	27/6/11		162870758
13377	Nguyễn Thế Hoè	08-07-87			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027091	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		191555061
13378	Trịnh Văn Hợp	04-03-87		Chưa	VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027092	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		172116609
13379	Hoàng Văn Huân	06-08-86			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027093	1045-25/05/2011	25/05/2011	26/7/11		121758745
13380	Phạm Văn Huân	26-09-85			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027094	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		162795129
13381	Nguyễn Văn Khải	02-07-88		Nùng	VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027095	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/2/14		151614638
13382	Trần Văn Khánh	15-12-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027096	1045-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		135 33583
13383	Nguyễn Văn Lâm	14-08-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027097	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		135258771
13384	Trịnh Sơn Lâm	23-12-86			VN	Yên Bái	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027098	1045-25/05/2011	25/05/2011	16/9/11		060736645
13385	Lê Tuấn Linh	16-01-89			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027099	1045-25/05/2011	25/05/2011	15/6/11		131268993
13386	Nguyễn Văn Linh	25-04-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027100	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		112182719
13387	Trịnh Văn Lịch	03-10-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027101	1045-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11		162761187
13388	Hoàng Văn Long	26-07-88			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027102	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2014		012229657
13389	Ngô Duy Long	11-08-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027103	1045-25/05/2011	25/05/2011	05/7/11		TTATLxe
13390	Nguyễn Hoàng Long	16-12-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027104	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/06/2011		112130239
13391	Nguyễn Văn Long	30-12-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027105	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/06/2011		012110401
13392	Đặng Quang Mạnh	14-01-87			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027106	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/06/11		240924882
13393	Nguyễn Trọng Mạnh	12-06-86			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027107	1045-25/05/2011	25/05/2011	30/09		183 459 30

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDO6																	
13394	Nguyễn Xuân Nê	19-09-88	Nam		VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027108	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6	Kí Chữ	172973858
13395	Nguyễn Viết Ngọc	13-05-88		Nùng	VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027109	1045-25/05/2011	25/05/2011	17/06		
13396	Nguyễn Hồng Phúc	19-01-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027110	1045-25/05/2011	25/05/2011	28/06		112219456
13397	Hồ Minh Quân	01-02-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027111	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		131529526
13398	Trần Quyết	23-07-89			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027112	1045-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11	Quyết	112354171
13399	Tạ Xuân Quyền	26-08-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027113	1045-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011	Quyền	112045620
13400	Hồ Phan Sáng	12-01-87			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027114	1045-25/05/2011	25/05/2011	26/08/2011	Sáng	138 438865
13401	Trịnh Văn Sáng	04-01-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027115	1045-25/05/2011	25/05/2011	19/08/2011		
13402	Cao Xuân Sơn	05-05-87			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027116	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		
13403	Nguyễn Văn Thứ	02-07-88			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027117	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/06/2011		145319666
13404	Đỗ Công Tiến	30-11-85			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027118	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/06/11		162719698
13405	Trần Văn Trung	10-06-86			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027119	1045-25/05/2011	25/05/2011	26/04/13		186488774
13406	Nguyễn Như Trưng	07-04-87			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027120	1045-25/05/2011	25/05/2011	24/6/11		125226965
13407	Nguyễn Đình Trường	11-11-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027121	1045-25/05/2011	25/05/2011	9/3/12	Trường	151527033
13408	Nguyễn Đức Tuấn	26-05-88			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027122	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		168237589
13409	Phạm Hữu Tuyền	06-07-84			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027123	1045-25/05/2011	25/05/2011	31/8/11		172 188 850
13410	Nguyễn Ngọc Tùng	04-09-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	02	TB Khá	CQ	A027124	1045-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11		172873623
13411	Dương Văn Tú	21-04-88			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027125	1045-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Tú	012519737
13412	Nguyễn Xuân Tưởng	02-04-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027126	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/06/11	Tưởng	112128695
13413	Hồ Ngọc Vĩnh	27-10-88			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027127	1045-25/05/2011	25/05/2011	21/6	Vinh	183574373
13414	Đỗ Quang Vũ	16-03-87			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	A027128	1045-25/05/2011	25/05/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB24																	
13415	Trương Hồng Anh	29-10-79	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027130	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13416	Nguyễn Tài Bắc	03-12-81			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027131	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13417	Đỗ Văn Bắc	24-03-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027132	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13418	Lê Nguyên Bình	22-11-87			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027133	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13419	Trần Văn Bình	24-05-82			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027134	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13420	Phạm Hồng Cảnh	28-10-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027135	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13421	Nguyễn Viết Cương	01-11-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027136	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13422	Nguyễn Tiến Cường	04-08-76			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027137	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13423	Phùng Ngọc Cường	26-09-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027138	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13424	Cao Dũng	16-01-87			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027139	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13425	Trần Đăng Đạt	21-07-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027140	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13426	Nguyễn Văn Đạt	15-08-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027141	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13427	Lê Hải Đăng	02-11-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027142	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13428	Vũ Văn Đăng	05-03-84			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027143	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13429	Thiều Chí Điệp	12-09-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027144	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13430	Nguyễn Thanh Hải	17-09-79			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027145	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13431	Nguyễn Văn Hoà	28-06-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027146	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13432	Đặng Việt Hồng	26-11-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027147	1055-08/06/2011	08/06/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB24																	
13433	Khuất Cao Huy	23-12-79	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027148	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13434	Nguyễn Văn Hùng	25-08-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027149	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13435	Nguyễn Duy Khang	13-10-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027150	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13436	Phan Dương Khởi	01-03-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027151	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13437	Lê Như Liêm	02-08-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027152	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13438	Vũ Văn Long	10-09-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027153	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13439	Mai Đức Long	06-02-85			VN	Lập Thạch,	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027154	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13440	Nguyễn Hải Nam	06-09-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027155	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13441	Nguyễn Đức Ngọc	13-03-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027156	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13442	Nguyễn Pha Pho	29-05-84			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027157	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13443	Nguyễn Văn Quảng	27-03-76			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027158	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13444	Nguyễn Văn Quân	02-09-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027159	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13445	Hoàng Minh Sơn	28-03-86			VN	Yên Bái	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027160	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13446	Nguyễn Văn Tài	28-01-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027161	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13447	Hoàng Tài	24-06-87			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027162	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13448	Nguyễn Văn Thao	12-02-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027163	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13449	Võ Minh Thảo	11-10-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027164	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13450	Nguyễn Văn Thành	22-04-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027165	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13451	Vũ Tất Thành	12-12-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027166	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13452	Nguyễn Hồng Thái	21-07-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027167	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13453	Bùi Quyết Thắng	13-10-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027168	1055-08/06/2011	08/06/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB24																	
13454	Vũ Quang Tiến	10-01-81	Nam		VN	Lập Thạch,	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027169	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13455	Khổng Văn Toàn	13-05-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027170	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13456	Nguyễn Văn Trung	29-11-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027171	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13457	Hoàng Văn Trung	13-11-83			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027172	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13458	Nguyễn Xuân Trường	01-01-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027173	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13459	Bùi Anh Tuấn	26-04-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027174	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13460	Nguyễn Minh Tuyên	22-11-80			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027175	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13461	Trần Văn Tuyến	18-03-85			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027176	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13462	Nguyễn Văn Tuyến	11-02-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027177	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13463	Nguyễn Ngọc Văn	26-01-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027178	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13464	Nguyễn Hồng Vân	27-04-86	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027179	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13465	Nguyễn Quốc Việt	26-05-82	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027180	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13466	Trương Đình Vũ	06-07-78			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027181	1055-08/06/2011	08/06/2011			
Lớp 60CDB25																	
13467	Đinh Hoàng Anh	11-05-86	Nam		VN	TX Phú Thọ,	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027182	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13468	Nguyễn Đức Anh	10-06-89			VN	TX Phú Thọ,	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027183	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13469	Nguyễn Hoàng Anh	15-12-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027184	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13470	Nguyễn Thành Ba	03-02-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027185	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13471	Ngô Xuân Báu	27-09-85			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027186	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13472	Nguyễn Xuân Biên	23-01-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027187	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13473	Hà Kim Bộ	05-09-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027188	1055-08/06/2011	08/06/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB25																	
13474	Nguyễn Đức Chiến	01-02-83	Nam		VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027189	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13475	Bùi Văn Cường	20-08-84			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027190	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13476	Nguyễn Văn Dũng	06-10-82			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027191	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13477	Phạm Tuấn Dương	15-07-82			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027192	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13478	Nguyễn Đình Đạt	02-07-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027193	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13479	Nguyễn Đình Đồng	20-07-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027194	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13480	Nguyễn Văn Đường	01-09-83			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027195	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13481	Nguyễn Xuân Huy	25-09-85			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027196	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13482	Nguyễn Văn Hưng	21-01-85			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027197	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13483	Đặng Việt Hưng	14-09-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027198	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13484	Nguyễn Trung Kiên	20-10-80			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027199	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13485	Nguyễn Thành Lâm	20-02-85			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027200	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13486	Trần Trọng Lâm	25-01-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027201	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13487	Nguyễn Văn Linh	04-08-87			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027202	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13488	Nguyễn Văn Long	05-07-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027203	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13489	Nguyễn Thành Long	09-01-88			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027204	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13490	Vũ Đức Lợi	12-11-81			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027205	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13491	Nguyễn Văn Lợi	09-09-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027206	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13492	Nguyễn Văn Mạnh	10-03-84			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027207	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13493	Nguyễn Văn Nam	17-04-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027208	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13494	Nguyễn Chí Nghĩa	12-09-81			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027209	1055-08/06/2011	08/06/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB25																	
13495	Đỗ Nguyễn Quân	15-07-87	Nam		VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027210	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13496	Nguyễn Huy Quân	12-09-88			VN	Tam Nông,	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027211	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13497	Ngô Trọng Quyền	18-01-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027212	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13498	Phạm Ngọc Sơn	18-04-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027213	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13499	Nguyễn Đức Tâm	10-06-89			VN	TX Phú Thọ,	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027214	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13500	Nguyễn Văn Thành	15-06-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027215	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13501	Tạ Minh Thành	20-02-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027216	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13502	Mai Văn Thắng	06-04-88			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027217	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13503	Hoàng Cao Thắng	02-10-84			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027218	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13504	Vũ Việt Thắng	09-06-83			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027219	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13505	Nguyễn Văn Thức	15-10-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027220	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13506	Trương Quang Tính	16-09-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027221	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13507	Phạm Văn Tới	02-08-86			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027222	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13508	Nguyễn Tự Triệu	06-06-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027223	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13509	Nguyễn Văn Trưởng	21-05-81			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027224	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13510	Trần Thanh Tuấn	16-05-86			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027225	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13511	Bùi Văn Tuấn	19-05-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	Trung bình	CQ	A027226	1055-08/06/2011	08/06/2011			
13512	Trần Bá Tú	27-05-85			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	21	TB Khá	CQ	A027227	1055-08/06/2011	08/06/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Kế toán doanh nghiệp

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT10																	
13519	Nguyễn Thị Hải	03-04-87	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	Trung bình	CQ	A027234	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13520	Nguyễn Thị Hảo	18-03-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027235	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13521	Nguyễn Thị Thu Hằng	01-11-89			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	Khá	CQ	A027236	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13522	Nguyễn Thị Hiên	24-02-86			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027237	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13523	Thiều Hoa	15-11-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027238	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13524	Trần Thị Ngọc Huyền	27-05-88			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	24	Khá	CQ	A027239	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13525	Nguyễn Thị Lan	26-08-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027240	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13526	Trần Thị Liên	29-07-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	Trung bình	CQ	A027241	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13527	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	25-12-89			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027242	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13528	Đỗ Thị Loan	29-10-87			VN	Yên Lạc,	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027243 A027225	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13529	Nguyễn Thị Lương	02-10-86			VN	Bình Xuyên,	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027244	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13530	Nguyễn Hà Ngần	09-12-89			VN	Tuyên Quang	2009 - 2011	2011	24	Khá	CQ	A027245	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13531	Chu Thị Như Ngọc	13-03-86			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027246	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13532	Phạm Bích Nguyệt	19-06-86			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	24	Khá	CQ	A027247	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13533	Hồ Thị Nhâm	20-06-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027248	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13534	Nguyễn Thị Nhung	10-02-86			VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027249	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13535	Sái Thị Hồng Phương	29-05-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027250	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13536	Trần Thị Quyên	09-09-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027251	1057-08/06/2011	08/06/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT10																	
13537	Đỗ Thị Thảo	03-06-85	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027252	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13538	Vũ Thị Thoa	01-06-88			VN	Vĩnh Tường,	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027253	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13539	Đặng Thị Bích Thuỷ	15-04-89			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027254	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13540	Võ Thị Minh Thuý	06-07-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027255	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13541	Trần Thị Minh Thùy	28-07-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	Trung bình	CQ	A027256	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13542	Phan Thị Kim Thúy	27-02-87			VN	Vĩnh Tường,	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027257	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13543	Lê Thị Thương	20-03-89			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	Khá	CQ	A027260	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13544	Võ Thị Như Trai	13-08-89			VN	TThiên-Huế	2009 - 2011	2011	24	Khá	CQ	A027258	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13545	Lê Quang Tuyển	15-10-83	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	Trung bình	CQ	A027261	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13546	Đào Minh Tuyết	28-03-87	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027262	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13547	Trần Thị Vân	17-05-88			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	24	Trung bình	CQ	A027263	1057-08/06/2011	08/06/2011			
13548	Đỗ Hải Yến	29-12-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	24	TB Khá	CQ	A027264	1057-08/06/2011	08/06/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB23																	
13549	Trần Thế Anh	26-09-89	Nam		VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027265	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13550	Nguyễn Phương Bình	20-07-86			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027266	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13551	Lý Thanh Bình	01-05-88	Nữ		VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027267	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13552	Nguyễn Huy Bính	14-12-86	Nam		VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027268	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13553	Nguyễn Xuân Bộ	19-07-86			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027269	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13554	Phạm Trí Công	04-07-83			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	31	Giỏi	CQ	A027270	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13555	Nguyễn Văn Cương	01-10-86			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027271	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13556	Lâm Quốc Cường	09-12-87			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027272	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13557	Nguyễn Văn Duy	23-10-86			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027273	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13558	Quan Mạnh Duyên	27-10-86			VN	Tuyên Quang	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027274	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13559	Vũ Việt Dũng	19-07-87			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027275	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13560	Lê Huy Dũng	03-01-88			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027276	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13561	Hoàng Minh Đạo	06-05-86			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027277	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13562	Dương Ngọc Điệp	20-01-87			VN	Bắc Cạn	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027278	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13563	Chu Văn Đồng	20-01-86			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Khá	CQ	A027322	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13564	Hoàng Văn Đức	19-12-83			VN	Bắc Cạn	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027280	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13565	Thành Tiến Đức	19-06-87			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027281	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13566	Nguyễn Đình Hân	17-10-81			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027282	1121-15/06/2011	15/06/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB23																	
13567	Trần Văn Hiền	13-09-81	Nam		VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027283	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13568	Nông Trung Hiếu	19-01-85			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027284	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13569	Trương Công Huấn	23-08-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027285	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13570	Hoàng Văn Huấn	17-02-88			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027286	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13571	Tống Văn Huy	27-04-83			VN	Bắc Cạn	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027287	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13572	Lý Mạnh Hùng	02-11-84			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027323	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13573	Đường Đình Hưng	25-04-84			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027289	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13574	Lương Văn Khánh	28-09-84			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027290	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13575	Đào Trung Kiên	30-10-87			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027291	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13576	Hoàng Đình Kiếm	01-05-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027292	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13577	Nông Văn Nam	24-05-85			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027293	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13578	Hoàng Doãn Nghiêm	25-07-87			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027294	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13579	Phạm Trọng Nghĩa	12-04-87			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027295	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13580	Đỗ Quý Nhượng	25-01-78			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027296	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13581	Ngô Hồng Phong	17-11-86			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027297	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13582	Nguyễn Hồng Phúc	16-11-87			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027298	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13583	Lã Thị Phương	28-11-86	Nữ		VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027299	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13584	Nguyễn Viết Tài	25-10-87	Nam		VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027300	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13585	Đào Văn Tài	25-10-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	31	Giỏi	CQ	A027301	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13586	Nguyễn Huy Thắng	08-11-77			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027302	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13587	Triệu Văn Thế	13-03-83			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027303	1121-15/06/2011	15/06/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB23																	
13588	Lương Trí Thiện	21-01-87	Nam		VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027304	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13589	Nguyễn Tiến Thiệp	02-07-86			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027305	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13590	Lê Quang Thống	16-09-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027306	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13591	Hoàng Đình Thuận	24-02-85			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027307	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13592	Nông Văn Thuỷ	16-05-82			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027308	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13593	Trương Đăng Tình	28-01-80			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027309	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13594	Vũ Văn Trọng	26-08-88			VN	Bắc Cạn	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027310	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13595	Nguyễn Trọng Trương	30-12-88			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027311	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13596	Đỗ Văn Tuân	29-10-87			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027312	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13597	Nông Văn Tuyển	23-03-86			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027313	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13598	Nguyễn Mạnh Tuyền	10-05-84			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027314	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13599	Nguyễn Kim Tuyến	12-11-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027315	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13600	Trần Thanh Tùng	21-08-88			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027316	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13601	Nguyễn Ngọc Tùng	16-01-82			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027317	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13602	Nguyễn Tiến Tùng	17-08-88			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027318	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13603	La Thanh Tú	16-02-88			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027324	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13604	Đinh Long Tú	05-07-83			VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	31	TB Khá	CQ	A027320	1121-15/06/2011	15/06/2011			
13605	Nông Quang Vinh	22-07-87			VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	31	Khá	CQ	A027321	1121-15/06/2011	15/06/2011			

Từ 13549 ÷ 13605 là Thái Nguyên

Ta thu Dung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ thông tin

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐT4																	
13606	Nguyễn Thanh Tùng	20-11-89	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	A027326	1258-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11	Tùng	162910276
Lớp 59CĐT3																	
13607	Dương Đức Chính	24-12-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027327	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/05/11	Chính	012735835
13608	Ngô Văn Diêm	01-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027328	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Diêm	151704735
13609	Giang Văn Diện	16-02-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A027329	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Diện	164424952
13610	Mai Văn Diện	18-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027330	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Diện	163032143
13611	Hà Văn Dung	10-05-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027331	1258-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	Dung	121852326
13612	Đàm Trọng Đức	20-05-90			VN	Hòa Bình	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A027332	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Đức	
13613	Giang Thị Hiền	14-04-90	Nữ		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A027333	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	KT2/VE	L.Q.T
13614	Trần Minh Hiếu	16-03-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027334	1258-11/07/2011	11/07/2011	20/9/11	Hiếu	013014534
13615	Vũ Hoàng	30-04-89			VN	~~Hải Dương~~ TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027335	1258-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	Hoàng	112148757
13616	Nguyễn Thị Hòe	06-03-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027336	1258-11/07/2011	11/07/2011	09/09/11	Hòe	112564875
13617	Vũ Sơn Hùng	28-07-90	Nam		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027337	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Hùng	164392914
13618	Nguyễn Thị Lan	07-09-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027338	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11		112396530
13619	Đặng Thị Thuý Loan	08-03-90			VN	hà nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027339	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Loan	112488170
13620	Nguyễn Minh Luân	25-09-89	Nam		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027340	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11		164306122
13621	Vũ Thị Hải Lý	22-10-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A027341	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Lý	163082583
13622	Hoàng Trung Nam	08-03-89	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027342	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11		112268467

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐT3																	
13623	Đỗ Văn Nam	26-06-90	Nam		VN	Yên Bái	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027343	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Nam	060603589
13624	Dương Văn Ngọ	02-09-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027344	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Ngọ	173080647
13625	Nguyễn Thị Phương	14-09-89	Nữ		VN	Bắc Ninh	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027345	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Phương	125378082
13626	Nguyễn Thị Phượng	17-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027346	1258-11/07/2011	11/07/2011	13/09/11	phượng	121928240
13627	Lê Văn Quang	28-08-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027347	1258-11/07/2011	11/07/2011	30/8/11	Quang	112502597
13628	Nguyễn Thị Quý	27-10-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027348	1258-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11		L.Q.T
13629	Nguyễn Văn Thắng	07-12-88	Nam		VN	hà nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027349	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	thắng	112255986
13630	Nguyễn Tiến Thắng	24-11-90			VN	Sơn La	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027350	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thắng	C50692514
13631	Hà Thị Huyền Thương	27-04-90	Nữ		VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A027351	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Thương	0163 346 252
13632	Nguyễn Phùng Trung	16-06-90	Nam		VN	Quảng Ninh	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027352	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Trung	101071038
13633	Chu Mạnh Tuấn	30-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027353	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	[illegible]	163099162
13634	Trương Thị Tuyết	18-12-90	Nữ		VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027354	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	[illegible]	173091050
13635	Vũ Quang Tùng	25-11-89	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027355	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	[illegible]	0127 19902
13636	Nguyễn Thanh Tú	21-05-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027356	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	[illegible]	112573106
13637	Nguyễn Thị Hải Yến	02-11-90	Nữ		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027357	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Yến	012955945
Lớp 59CĐT4																	
13638	Trần Tuấn Anh	02-09-90	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027358	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	[illegible]	186905888
13639	Nguyễn Hữu Đàn	31-10-88			VN	Đồng Nai	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027359	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/09/11	[illegible]	272069282
13640	Lê Tiến Định	19-09-90			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027360	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/05/11	[illegible]	131155774
13641	Trần Thị Thúy Hiên	26-08-90	Nữ		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027361	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	[illegible]	012966475
13642	Lê Bích Hiền	19-06-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027362	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	[illegible]	012790446

Lớp 59CĐT4

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
13643	Trần Trung Hiếu	21-05-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027363	1258-11/07/2011	11/07/2011	31/08/11		162 910 913
13644	Nguyễn Thị Anh Hoài	07-03-90	Nữ		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027364	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Hoài	151792428
13645	Bùi Quang Huy	15-06-89	Nam		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027365	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11		121924734
13646	Trần Hữu Hùng	06-10-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027366	1258-11/07/2011	11/07/2011	4/11/11		162931586
13647	Chu Văn Hưng	14-06-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027367	1258-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Hưng	Chu Văn Hưng
13648	Phùng Bá Hữu	05-12-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027368	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Hữu	P B Hữu
13649	Hoàng Minh Khôi	18-02-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027369	1258-11/07/2011	11/07/2011	18/10/11		112429628
13650	Lê Sơn Lam	14-10-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027370	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/9/11		112484452
13651	Phạm Thị Luyến	07-11-90	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027371	1258-11/07/2011	11/07/2011	16/4/13	Luyến	1630 [illegible]
13652	Lê Văn Mạnh	12-08-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027372	1258-11/07/2011	11/07/2011	16/09/11		112484 [illegible]
13653	Trương Văn Nam	02-10-90			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027373	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Nam	173580683
13654	Nguyễn Hoàng Nam	07-03-90			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A027374	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		LQ.T
13655	Trương Hữu Nguyện	24-01-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027375	1258-11/07/2011	11/07/2011	[illegible]	Nguyện	151792646
13656	Phạm Văn Phúc	20-09-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027376	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/02/2012		163028535
13657	Dương Duy Phú	20-09-89			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027377	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011	Phú	164284737
13658	Vũ Việt Phương	08-09-90			VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027378	1258-11/07/2011	11/07/2011	25/11/2011	Phương	121986537
13659	Phan Thanh Tâm	11-05-90	Nữ		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027379	1258-11/07/2011	11/07/2011	20/8/11		0[illegible]
13660	Tạ Văn Tây	25-10-90	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027380	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		112495783
13661	Ngô Minh Thắng	06-12-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027381	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11		012795672
13662	Nguyễn Văn Thông	23-09-88			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027382	1258-11/07/2011	11/07/2011	25/08/11		151702830
13663	Ngô Thị Thường	15-05-90	Nữ		VN	Bắc Giang	2008 - 2011	2011	12	Khá	CQ	A027383	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		121980939

	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
	06-02-90	Nam		VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027384	1258-11/07/2011	11/07/2011	19/9/11		012780026
	12-05-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027385	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11		166085786
	21-12-90			VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027386	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Tuan	164327711
	28-06-89			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027387	1258-11/07/2011	11/07/2011	06/09/11	Tùng	163035392
ơi	21-11-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027388	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Tuấn	112489610
	12-03-90	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	~~A027389~~ A027389	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/08/11	Việt	163093941
	15-04-90			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027390	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/2011		163100435
	20-09-90			VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027391	1258-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11		142537282
	02-12-90	Nam		VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027392	1258-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11		151792919
	11-10-90			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027393	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		151694777
	01-09-90			VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027394	1258-11/07/2011	11/07/2011	[illegible]		[illegible]
	15-07-89			VN	Bà Rịa Vũng	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027395	1258-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11		012780576
g	18-08-86			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027396	1258-11/07/2011	11/07/2011	25/8/11		012630914
	02-09-89			VN	Thái Bình	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027397	1258-11/07/2011	11/07/2011	07/03/12		151682153
Dũng	07-01-90	Nữ		VN	Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027398	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Dung	112483714
	12-08-90	Nam		VN	TP Hải	2008 - 2011	2011	12	Trung bình	CQ	A027399	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Dũng	031692134
	14-05-90			VN	TP Hà Nội	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027400	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/11	Việt	012953659
	12-12-89	Nữ		VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027401	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/08/11	Diệp	163090828
	25-01-89			VN	Thanh Hóa	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027402	1258-11/07/2011	11/07/2011	23/8/12	Hải	~~013609472~~ 173601612
	26-07-90	Nam		VN	Ninh Bình	2008 - 2011	2011	12	TB Khá	CQ	A027403	1258-11/07/2011	11/07/2011	28/8/2011	Hân	164391366

Ghi chú
112405919
112173282
145348081
012827497
012330675
135760588
173499705
112465920
125228064
112495324
125362636
125118122
125357690
112391841
162870657
121815279
125312087
112490444
012917073
163092574

Ghi chú
112375463
162910783
163092786
163045915
112311634
012826630
19 2453203
125 423841
151757998
151798897
151790254
1 3668983
1 3293617
1 3440226
0 3042549
1 3602403

Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
1/07/2011	18/8	Hà	112312698
1/07/2011	19/8	Hoành	063252211
1/07/2011	18/8	Hằng	031666792
1/07/2011	1/9	Hằng	187255572
1/07/2011	17/8	Hải	135085269
1/07/2011	17/8	Hiệp	151736698
1/07/2011	23/8	Hòa	112398845
1/07/2011	26/8	Hà	173277397
1/07/2011	18/08	Hồng	173303320
1/07/2011	4/9	Hiền	173[illegible]
1/07/2011	17/8	Huyền	151653559
1/07/2011	26/8	Huyền	121987780
1/07/2011	23/08	Hòa	161269612
1/07/2011	30/9	Huyền	1237066[illegible]
1/07/2011	19/8	Hường	132023121
1/07/2011	17/08/2011	Hường	168365.164
1/07/2011	17/08/2011	Hường	164455382
1/07/2011	30/8/2011	Hường	151714693
1/07/2011	18/8/11	Linh	121910191
1/07/2011	30/8/11	Linh	162891295
1/07/2011	26/8/11	Luận	125330139

Ghi chú
163[illegible]5[illegible]
163[illegible]0970
012669768
164426210
125974157
112387350
163046489
013119684
162[illegible]216
163[illegible]278
164[illegible]2485
151822455
Dung ICT
145349328
163228549
113415931
163097087
173006972
163486492
142249608
125563080
145290026

Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Khá	CQ	A027521	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Thu	163438753
há	CQ	A027522	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Tú	012409281
há	CQ	A027523	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Thuyên	112366970
á	CQ	A027524	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/08	Trang	163098767
Chá	CQ	A027525	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/08/11	Trang	112237863
á	CQ	~~A027526~~ A027526	1254-11/07/2011	11/07/2011	9/05/12	Thu	142583591
á	CQ	A027527	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Trang	162798192
á	CQ	A027528	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/2011	Yến	164459851
	CQ	A027529	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thuận	183703208
	CQ	A027530	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Uyên	186990758
á	CQ	A027531	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Dũng	195867924
inh	CQ	A027532	1254-11/07/2011	11/07/2011	29/8/11	Hau	016670546
á	CQ	A027533	1254-11/07/2011	11/07/2011	26/8/11	Hà	163097197
á	CQ	A027534	1254-11/07/2011	11/07/2011	19/8/11	Hà	142389029
á	CQ	A027535	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Thoa	163498489
á	CQ	A027536	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hải	012873578
	CQ	A027537	1254-11/07/2011	11/07/2011			
	CQ	A027538	1254-11/07/2011	11/07/2011	17/8/11	Hằng	012409305
h	CQ	A027539	1254-11/07/2011	11/07/2011	28/8/11	Hiền	112356004
	CQ	A027540	1254-11/07/2011	11/07/2011	18/8/11	Hiền	112408838

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ thông tin

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐT1																	
12728	Khiếu Lâm Huyến	23-01-89	Nam		VN	Tỉnh Thái	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132393	390-01/03/2011	01/03/2011	20/4/11	Huyến	151659374
12729	Trần Mạnh Hùng	25-09-89			VN	Tỉnh Thái	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132394	390-01/03/2011	01/03/2011	19/4/2011	Hùng	151659996
12730	Vũ Hoàng Long	06-11-88			VN	Tuyên Quang	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132395	390-01/03/2011	01/03/2011	07/06/2011	Long	070791940
12731	Đỗ Kim Ninh	23-09-88			VN	Tỉnh Hà Tây	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132396	390-01/03/2011	01/03/2011	26/4/11	Ninh	112311559
12732	Bùi Văn Quảng	10-01-87			VN	Tỉnh Hải	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132397	390-01/03/2011	01/03/2011	06/5/11		142340698.
12733	Hồ Quang Sơn	13-04-89			VN	TP Hà Nội	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132398	390-01/03/2011	01/03/2011	3/5/11	Sơn	012625407
12734	Nguyễn Hoàng Thái	06-12-89			VN	Tỉnh Yên Bái	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132399	390-01/03/2011	01/03/2011	29/4/11	Thái	060834403
12735	Phạm Văn Trọng	01-05-89			VN	Tỉnh Nam	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132400	390-01/03/2011	01/03/2011	10/6/11	Trọng	162998?3
Lớp 58CĐT2																	
12736	Lê Thị Ngọc Anh	02-06-89	Nữ		VN	Tỉnh Hà Nam	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132401	390-01/03/2011	01/03/2011	14/6/12	Anh	168307855
12737	Trịnh Văn Dương	16-05-89	Nam		VN	Tỉnh Nam	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132402	390-01/03/2011	01/03/2011	22/04/2011	Dương	163045290
12738	Phan Văn Kỷ	20-04-89			VN	Tỉnh Ninh	2007 - 2010	2011	12	Khá	CQ	00132403	390-01/03/2011	01/03/2011	19/04/2011	Kỷ	164340032
12739	Lê Thị Trang	24-12-86	Nữ		VN	Ninh Bình	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132404	390-01/03/2011	01/03/2011	26/04/2011	Trang	164265521
12740	Hà Quốc Trịnh	30-07-89	Nam		VN	Tỉnh Thái	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132405	390-01/03/2011	01/03/2011	19/04/2011	Trịnh	151659077
12741	Nghiêm Đắc Tuấn	06-10-87			VN	Tỉnh Hưng	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132406	390-01/03/2011	01/03/2011	24/05/2011	Tuấn	145233885
12742	Trần Văn Tuấn	03-01-89			VN	TP Hà Nội	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132407	390-01/03/2011	01/03/2011	26/09/2011	Tuấn	012698307
12743	Đoàn Thanh Tuyền	08-08-88			VN	Tỉnh Hải	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132408	390-01/03/2011	01/03/2011	26/04/2011	Tuyền	142359049
12744	Nguyễn Quốc Việt	01-04-87			VN	Tỉnh Nghệ	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132409	390-01/03/2011	01/03/2011	13/09/2011	Việt	172 198 363.
Lớp 58CĐT3																	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐT3																	
12745	Nguyễn Văn Nam	24-05-88 02-05-90	Nam		VN	Hải Dương	2007 - 2010	2011		Trung bình	CQ	372066 ~~00132410~~	390-01/03/2011	01/03/2011	29/9/2015		01353937881
12746	Kiều Thị Xuyên	24-09-89	Nữ		VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132411	390-01/03/2011	01/03/2011	29/4/11		111226790
Lớp 58CĐT4																	
12747	Nguyễn Duy Đại	30-09-89	Nam		VN	Tỉnh Hà Tây	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132412	390-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11		111233504
12748	Phạm Văn Toàn	07-02-89			VN	Tỉnh Nghệ	2007 - 2010	2011	12	Trung bình	CQ	00132413	390-01/03/2011	01/03/2011	13/5/11		486858460
12749	Đinh Hữu Tuân	23-08-88			VN	Tỉnh Hải	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132414	390-01/03/2011	01/03/2011	22/9/11		142293595
12750	Cấn Văn Tỵ	30-03-89			VN	Tỉnh Hà Tây	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132415	390-01/03/2011	01/03/2011	22/9/11		112350513
12751	Trần Duy Văn	06-09-89			VN	Tỉnh Nam	2007 - 2010	2011	12	TB Khá	CQ	00132416	390-01/03/2011	01/03/2011	5/5/11		162908958

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐM2																	
12752	Nguyễn Thanh Bình	02-09-88	Nam		VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	09	Trung bình	CQ	00132417	388-01/03/2011	01/03/2011	29/4/2011	Bình	186737708
Lớp 58CĐÔ3																	
12753	Nguyễn Quang Phú	01-08-88	Nam		VN	TP Hải	2007 - 2010	2011	02	Trung bình	CQ	00132418	388-01/03/2011	01/03/2011	06/5/2011	Phú	031593854
12754	Bùi Duy Thiện	23-03-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	02	Trung bình	CQ	00132419	388-01/03/2011	01/03/2011	25/4/2011	Thiện	151662574
12755	Trần Văn Việt	10-04-87			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	02	Trung bình	CQ	00132420	388-01/03/2011	01/03/2011	04/10/2011		172816927
Lớp 58CĐÔ4																	
12756	Lương Văn Vượng	31-05-89	Nam		VN	Hải Dương	2007 - 2010	2011	02	Trung bình	CQ	00132421	388-01/03/2011	01/03/2011	22/04/11	Vượng	142378925
Lớp 59CĐÔ7																	
12757	Đỗ Thế Hưng	01-06-86	Nam		VN	Hải Dương	2008 - 2011	2011	02	Trung bình	CQ	00132422	388-01/03/2011	01/03/2011	27/05/11	Hưng	142269870

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Kế toán doanh nghiệp

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐKT14																	
12758	Ngô Việt Hà	07-09-88	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2010	2011	08	TB Khá	CQ	00132423	389-01/03/2011	01/03/2011	13/3/2012		135313656

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Xây dựng cầu đường bộ

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 56CĐB7																	
12759	Lê Xuân Vinh	06-03-85	Nam		VN	Nghệ An	2005 - 2008	2011	01	Trung bình	CQ	00132424	387-01/03/2011	01/03/2011	31/05/11		182536092
Lớp 56CĐB9																	
12760	Nguyễn Quang Quyết	21-12-87	Nam		VN	Bắc Ninh	2005 - 2008	2011	01	Trung bình	CQ	00132425	387-01/03/2011	01/03/2011	16/10/11		125206887
Lớp 57CĐB10																	
12761	Nguyễn Hoàng Phong	21-11-87	Nam		VN	TP Hải	2006 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	00132426	387-01/03/2011	01/03/2011	6/5/2011		031390869
12762	Nguyễn Anh Tài	03-08-86			VN	Nam Định	2006 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	00132427	387-01/03/2011	01/03/2011	13/5/2011	Tài	162795855
Lớp 57CĐB6																	
12763	Nguyễn Văn Tuấn	23-04-83	Nam		VN	Thái Bình	2006 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	00132428	387-01/03/2011	01/03/2011	25/4/11	Tuấn	151305018
Lớp 57CĐB7																	
12764	An Duy Dũng	14-04-87	Nam		VN	Hải Dương	2006 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	00132429	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11		142222940
12765	Đoàn Văn Tuân	03-02-87			VN	Hà Nam	2006 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	00132430	387-01/03/2011	01/03/2011	20/5/11		01703518
Lớp 57CĐB8																	
12766	Nguyễn Quang Phong	21-06-87	Nam		VN	Hà Nội	2006 - 2009	2011	01	Trung bình	CQ	00132431	387-01/03/2011	01/03/2011	19/04/11		012762723
Lớp 58CĐB11																	
12767	Nguyễn Minh Khánh	06-01-89	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132432	387-01/03/2011	01/03/2011	06/05/11		163051292
12768	Tống Văn Phúc	01-09-89			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132433	387-01/03/2011	01/03/2011	06/05/11		170747444
12769	Nguyễn Viết Thành	17-07-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132434	387-01/03/2011	01/03/2011	29/4/11		112370109
12770	Phạm Văn Thuấn	09-03-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132435	387-01/03/2011	01/03/2011	29/07/2011	Thuấn	151642094
Lớp 58CĐB12																	

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB12																	
12771	Trần Văn Cường	14-02-89	Nam		VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132436	387-01/03/2011	01/03/2011	22/06/11	Cường	172914227
12772	Lê Thanh Hoàn	14-04-88			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00132437	387-01/03/2011	01/03/2011	29/04/11	Hoàn	162911614
12773	Nguyễn Văn Khu	09-06-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132438	387-01/03/2011	01/03/2011	30/08/11		163912088
12774	Phạm Văn Linh	23-02-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132439	387-01/03/2011	01/03/2011	03/06/11		151649773
12775	Nguyễn Văn Minh	06-10-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132440	387-01/03/2011	01/03/2011	9/5/2011		151671581
12776	Ngô Trường Sơn	03-06-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132441	387-01/03/2011	01/03/2011	29/04/11		112412429
12777	Hoàng Văn Thành	20-09-88			VN	Phú Thọ	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132442	387-01/03/2011	01/03/2011	22/04/11		131766203
12778	Nguyễn Ngọc Trung	15-02-88			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132443	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11		162879821
12779	Nguyễn Xuân Trường	22-10-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132444	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11		112400475
12780	Nguyễn Văn Tùng	04-04-88			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00132445	387-01/03/2011	01/03/2011	24/5/11	Tùng	112273328
12781	Trần Thanh Tùng	29-07-88			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132446	387-01/03/2011	01/03/2011	10/5/11		162854273
Lớp 58CĐB13																	
12782	Đặng Văn Cường	13-01-88	Nam		VN	Hà Nam	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132447	387-01/03/2011	01/03/2011	22/7/2011	Cường	168316716
12783	Nguyễn Thành Đạt	08-04-88			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132448	387-01/03/2011	01/03/2011	21/6/2011	Đạt	016463792
12784	Phan Thanh Giang	15-10-88			VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132449	387-01/03/2011	01/03/2011	12/8/2011		186718824
12785	Trần Ngọc Linh	12-09-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132450	387-01/03/2011	01/03/2011	21/09/1941		151638910
12786	Nguyễn Đức Long	25-11-89			VN	Quảng Ninh	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132451	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11	Long	100959932
12787	Đào Xuân Lực	27-03-88			VN	Hải Dương	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132452	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11	Lực	112722750
12788	Lê Hồng Quân	02-10-88			VN	Lào Cai	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132453	387-01/03/2011	01/03/2011	25/05/11		151665567
12789	Nguyễn Đình Sơn	08-04-86			VN	Bắc Giang	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132454	387-01/03/2011	01/03/2011			
12790	Nguyễn Mạnh Trọng	14-09-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00132455	387-01/03/2011	01/03/2011	17/6/11		151715862

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB13																	
12791	Đường Minh Truyền	24-07-85	Nam		VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00260260	387-01/03/2011	01/03/2011	05/11/12		186209389
Lớp 58CĐB14																	
12792	Đặng Văn An	10-10-88	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260261	387-01/03/2011	01/03/2011	19/09/2011		162968333
12793	Trịnh Đức Dũng	22-02-89			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260262	387-01/03/2011	01/03/2011	20/05/2011		173380467
12794	Đinh Tiến Đạt	18-09-88			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260263	387-01/03/2011	01/03/2011	13/05/11		031435631
12795	Bùi Đức Hà	29-05-89			VN	Phú Thọ	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260264	387-01/03/2011	01/03/2011	2 18/11		131458685
12796	Nguyễn Bá Hiến	13-08-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00260265	387-01/03/2011	01/03/2011	12/8/11		112377807
12797	Đào Chí Hiếu	16-02-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260266	387-01/03/2011	01/03/2011	05/08/11		151684189
12798	Mai Văn Tâm	27-07-83			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260267	387-01/03/2011	01/03/2011	17/5/11		172299465
12799	Nguyễn Duy Tiến	18-12-89			VN	Bắc Ninh	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260268	387-01/03/2011	01/03/2011	24/5/11		125397164
Lớp 58CĐB15																	
12800	Đào Xuân Cảnh	01-01-89	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260269	387-01/03/2011	01/03/2011	10/06/2011		151860267
12801	Vũ Tiến Cường	12-12-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260270	387-01/03/2011	01/03/2011	29/09/11		151715930
12802	Trần Kim Giao	05-03-89			VN	Tuyên Quang	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260271	387-01/03/2011	01/03/2011	16/9/11		070844289
12803	Thái Nguyên Giáp	08-03-84			VN	Hải Phòng	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260272	387-01/03/2011	01/03/2011	26/4/11		031432681
12804	Trần Huy Hoàng	15-07-87			VN	Hà Nam	2007 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00260273	387-01/03/2011	01/03/2011	07/07/11		168238869
12805	Nguyễn Văn Hưng	17-08-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00260274	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11		162910028
12806	Nguyễn Duy Khánh	21-07-87			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260275	387-01/03/2011	01/03/2011	21/6/11		162874876
12807	Đặng Hải Long	09-08-88			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260276	387-01/03/2011	01/03/2011	10/5/11		112150663
12808	Hoàng Văn Thế	16-06-85			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260277	387-01/03/2011	01/03/2011	23/5/11		151438188
12809	Nguyễn Đình Trung	15-12-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260278	387-01/03/2011	01/03/2011	7/6/11		012526510

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB15																	
12810	Trần Duy Trưởng	11-09-89	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260279	387-01/03/2011	01/03/2011	29/4/20		163056199
12811	Nguyễn Văn Tuân	15-08-87			VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260280	387-01/03/2011	01/03/2011	20/05/201	Trang	0507116566
Lớp 58CĐB16																	
12812	Nguyễn Đình Quý	27-07-88	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260281	387-01/03/2011	01/03/2011	14/6/11		162329359
12813	Đoàn Duy Thành	05-09-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260282	387-01/03/2011	01/03/2011	26/8/11		163045318
12814	Lại Cao Vũ	13-08-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260283	387-01/03/2011	01/03/2011	31/10/13		151615433
Lớp 58CĐB17																	
12815	Trần Viết Biển	17-09-89	Nam		VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260284	387-01/03/2011	01/03/2011	19/4/201	Biển	186656100
12816	Nguyễn Duy Chính	05-09-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260285	387-01/03/2011	01/03/2011	09/09/11	Chính	162847519
12817	Bùi Việt Cường	07-03-89			VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260286	387-01/03/2011	01/03/2011	19/4/2011	Cường	186711810
12818	Nguyễn Hữu Dũng	19-02-89			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260287	387-01/03/2011	01/03/2011	20/5/2011	Dũng	173268404
12819	Nguyễn Văn Tấn	12-10-88			VN	Ninh Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260288	387-01/03/2011	01/03/2011	6/5/2011	Tấn	164341704
12820	Nguyễn Văn Thanh	30-10-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260289	387-01/03/2011	01/03/2011	23/5/201	Thanh	151695077
Lớp 58CĐB18																	
12821	Phạm Văn An	17-10-89	Nam		VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260290	387-01/03/2011	01/03/2011	29/04/11	An	112327889
12822	Trần Anh Dũng	04-10-84			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260291	387-01/03/2011	01/03/2011	08/08/11	Dũng	151346225
12823	Phạm Bá Long	30-05-88			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260292	387-01/03/2011	01/03/2011	19/04/201	Long	151847275
12824	Phạm Văn Phúc	23-07-86			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260293	387-01/03/2011	01/03/2011	09/5/11	Phúc	162948077
12825	Nguyễn Văn Thành	20-06-86			VN	Hà Tĩnh	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260294	387-01/03/2011	01/03/2011	29/4/2011	Thành	183554323
Lớp 58CĐB19																	
12826	Nguyễn Hoàng Huy	21-06-89	Nam		VN	Hải Phòng	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260295	387-01/03/2011	01/03/2011	06/05/2011	Huy	031658276

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB19																	
12827	Nguyễn Đình Quân	09-11-89	Nam		VN	Bắc Ninh	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260296	387-01/03/2011	01/03/2011	22/04/2011		125273649
12828	Đặng Công Tình	15-09-88			VN	Hà Nam	2007 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260297	387-01/03/2011	01/03/2011	03/06/11		168289007

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB20																	
12829	Lại Ngọc Thích	06-08-84	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2009	2011	01	TB Khá	CQ	00260298	387-01/03/2011	01/03/2011	24/5/2011		151488392
Lớp 59CĐB28																	
12830	Lê Văn Đạt	04-05-83	Nam		VN	Hà Nội	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260299	387-01/03/2011	01/03/2011	08/07/2011		111943949
12831	Lê Xuân Đạt	19-04-85			VN	Hà Nội	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260300	387-01/03/2011	01/03/2011	19/4/85		111946636
12832	Lê Văn Hưng	11-09-84			VN	Hà Nam	2008 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00260301	387-01/03/2011	01/03/2011	20/3/2012		168141662
12833	Hoàng Văn Khánh	01-09-87			VN	Nghệ An	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260302	387-01/03/2011	01/03/2011	26/04/2011		186368637
12834	Nguyễn Mậu Khương	25-07-84			VN	Quảng Bình	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260303	387-01/03/2011	01/03/2011	20/09/2011		104181958
12835	Vũ Tiến Lực	24-04-87			VN	Nam Định	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260304	387-01/03/2011	01/03/2011	16/8/11		162867447
12836	Nguyễn Tất Quang	04-07-84			VN	Nghệ An	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260305	387-01/03/2011	01/03/2011	26/9/2011		186473299
12837	Lê Xuân Thành	12-08-87			VN	Quảng Ninh	2008 - 2010	2011	01	TB Khá	CQ	00260306	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11		100970240
Lớp 59CĐB29																	
12838	Lê Xuân Dũng	02-01-87	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260307	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/011		135302057
12839	Lê Văn Phương	24-11-86			VN	Hà Nội	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260308	387-01/03/2011	01/03/2011	27/5/11		192187952
12840	Đỗ Hông Soái	13-06-83			VN	Thái Bình	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260309	387-01/03/2011	01/03/2011	21/6/11		151591015
Lớp 59CĐB30																	
12841	Nguyễn Duy Hùng	22-11-85	Nam		VN	Nghệ An	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260310	387-01/03/2011	01/03/2011	22/4/11		186342101
12842	Mai Xuân Hùng	12-08-84			VN	Thanh Hoá	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260311	387-01/03/2011	01/03/2011	17/5/11		172735918
12843	Bùi Quang Lâm	01-12-83			VN	Yên Bái	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260312	387-01/03/2011	01/03/2011	13/5/11		060733286
12844	Nguyễn Văn Lượng	02-09-83			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260313	387-01/03/2011	01/03/2011	17/5/11		013564160

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB30																	
12845	Trịnh Văn Nam	10-11-87	Nam		VN	Thanh Hoá	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260314	387-01/03/2011	01/03/2011	27/05/2011	Nam	063218995
12846	Nguyễn Bá Xuyên	16-06-82			VN	Hà Nội	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	00260315	387-01/03/2011	01/03/2011	28/10/[illegible]	[illegible]	012747638
Lớp 59CĐB33																	
12847	Vũ Văn Bằng	14-08-88	Nam		VN	Nam Định	2008 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260316	387-01/03/2011	01/03/2011	26/04/2011	Bằng	162964657
12848	Nguyễn Trung Hiếu	06-10-86			VN	Cao Bằng	2008 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260317	387-01/03/2011	01/03/2011	13/05/2011	Hiếu	080450925
12849	Phạm Xuân Huy	26-10-84			VN	Thái Bình	2008 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260318	387-01/03/2011	01/03/2011	20/04/2012	Huy	151595034
12850	Nông Văn Hùng	18-06-87			VN	Lạng Sơn	2008 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260319	387-01/03/2011	01/03/2011	06/5/2011	Hùng	082035689

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Xây dựng cầu đường bộ

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB10																	
12851	Trịnh Việt Bình	05-11-88	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260320	464-04/03/2011	04/03/2011			
12852	Nguyễn Trọng Bình	17-10-89			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260321	464-04/03/2011	04/03/2011			
12853	Vũ Hữu Cảnh	09-09-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260322	464-04/03/2011	04/03/2011			
12854	Nguyễn Văn Cường	16-05-88			VN	Bắc Giang	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260323	464-04/03/2011	04/03/2011			
12855	Ngô Văn Dũng	28-09-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260324	464-04/03/2011	04/03/2011			
12856	Nguyễn Tiến Hảo	07-03-88			VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260325	464-04/03/2011	04/03/2011			
12857	Nguyễn Văn Hiển	17-07-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260326	464-04/03/2011	04/03/2011			
12858	Nguyễn Đình Hiếu	06-03-88			VN	Hải Dương	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260327	464-04/03/2011	04/03/2011			
12859	Nguyễn Bá Hiếu	08-07-89			VN	Phú Thọ	2007 - 2010	2011	06	TB Khá	CQ	00260328	464-04/03/2011	04/03/2011			
12860	Lê Sỹ Hưng	20-11-87			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260329	464-04/03/2011	04/03/2011			
12861	Trần Hồng Linh	26-04-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260330	464-04/03/2011	04/03/2011			
12862	Nguyễn Văn Nam	16-05-89			VN	Hà Nam	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260331	464-04/03/2011	04/03/2011			
12863	Phạm Phúc Ngạn	01-08-88			VN	Hà Tĩnh	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260332	464-04/03/2011	04/03/2011			
12864	Nguyễn Tiến Thành	04-06-88			VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260333	464-04/03/2011	04/03/2011			
12865	Nguyễn Xuân Tình	16-07-88			VN	Hòa Bình	2007 - 2010	2011	06	TB Khá	CQ	00260334	464-04/03/2011	04/03/2011			
12866	Trần Trọng Toàn	15-02-89			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260335	464-04/03/2011	04/03/2011			
12867	Nguyễn Công Truyền	15-12-87			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260336	464-04/03/2011	04/03/2011			
12868	Nguyễn Tuấn Trường	23-11-88			VN	Tuyên Quang	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260337	464-04/03/2011	04/03/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB10																	
12869	Vũ Minh Trường	26-09-88	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260338	464-04/03/2011	04/03/2011			
12870	Đặng Thanh Tuấn	26-12-88			VN	Lào Cai	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260339	464-04/03/2011	04/03/2011			
12871	Lê Mạnh Tùng	14-06-88			VN	Điện Biên	2007 - 2010	2011	06	TB Khá	CQ	00260340	464-04/03/2011	04/03/2011			
12872	Phùng Anh Tú	02-05-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260341	464-04/03/2011	04/03/2011			
Lớp 58CĐB6																	
12873	Nguyễn Danh Anh	25-04-88	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260342	464-04/03/2011	04/03/2011			
12874	Lê Anh Dũng	29-11-88			VN	Quảng Ninh	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260343	464-04/03/2011	04/03/2011			
12875	Bùi Văn Huy	01-05-84			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260344	464-04/03/2011	04/03/2011			
12876	Nguyễn Ngọc Khánh	20-07-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260345	464-04/03/2011	04/03/2011			
12877	Nguyễn Xuân Long	02-01-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260346	464-04/03/2011	04/03/2011			
12878	Trần Quang Minh	17-06-89			VN	Bắc Giang	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260347	464-04/03/2011	04/03/2011			
12879	Đỗ Văn Ngọc	19-05-88			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260348	464-04/03/2011	04/03/2011			
12880	Phạm Nhật Quang	24-09-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260349	464-04/03/2011	04/03/2011			
12881	Đặng Văn Quân	29-10-88			VN	Hà Tĩnh	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260350	464-04/03/2011	04/03/2011			
12882	Đinh Văn Tài	05-07-86			VN	Ninh Bình	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260351	464-04/03/2011	04/03/2011			
12883	Nguyễn Tiến Tiệp	26-07-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260352	464-04/03/2011	04/03/2011			
12884	Cao Xuân Vinh	09-05-83			VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260353	464-04/03/2011	04/03/2011			
Lớp 58CĐB7																	
12885	Trần Tuấn Anh	20-06-89	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	TB Khá	CQ	00260354	464-04/03/2011	04/03/2011			
12886	Phạm Xuân Bách	10-02-88			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260355	464-04/03/2011	04/03/2011			
12887	Kim Ngọc Cường	03-04-86			VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260356	464-04/03/2011	04/03/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB7																	
12888	Đỗ Việt Dũng	14-03-89	Nam		VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260357	464-04/03/2011	04/03/2011			
12889	Nguyễn Đức Đảm	01-05-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260358	464-04/03/2011	04/03/2011			
12890	Trần Ngọc Đại	02-09-88			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260359	464-04/03/2011	04/03/2011			
12891	Nguyễn Trường Giang	22-07-89			VN	Hà Nam	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260360	464-04/03/2011	04/03/2011			
12892	Hà Thanh Hưng	22-09-89			VN	Yên Bái	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260361	464-04/03/2011	04/03/2011			
12893	Nguyễn Thành Long	08-09-88			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260362	464-04/03/2011	04/03/2011			
12894	Tô Xuân Nam	10-11-89			VN	Hưng Yên	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260363	464-04/03/2011	04/03/2011			
12895	Nguyễn Tuấn Ninh	22-07-89			VN	Phú Thọ	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260364	464-04/03/2011	04/03/2011			
12896	Phí Đình Thành	19-05-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260365	464-04/03/2011	04/03/2011			
12897	Phạm Văn Thắng	28-05-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260366	464-04/03/2011	04/03/2011			
12898	Vũ Văn Thọ	24-08-87			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260367	464-04/03/2011	04/03/2011			
12899	Dương Văn Thước	01-01-88			VN	Hưng Yên	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260368	464-04/03/2011	04/03/2011			
12900	Trịnh Văn Tiến	18-04-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260369	464-04/03/2011	04/03/2011			
12901	Dương Minh Tiến	21-03-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260370	464-04/03/2011	04/03/2011			
Lớp 58CĐB8																	
12902	Đỗ Văn Bình	09-09-89	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260371	464-04/03/2011	04/03/2011			
12903	Ngô Thế Mạnh	14-08-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260372	464-04/03/2011	04/03/2011			
12904	Nguyễn Đức Thịnh	05-01-89			VN	Bắc Ninh	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260373	464-04/03/2011	04/03/2011			
12905	Tô Ngọc Thức	11-10-89			VN	Ninh Bình	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260374	464-04/03/2011	04/03/2011			
12906	Đặng Xuân Trường	05-08-89			VN	Phú Thọ	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260375	464-04/03/2011	04/03/2011			
12907	Đặng Công Việt	31-07-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260376	464-04/03/2011	04/03/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB9																	
12908	Lê Hùng Chương	04-05-89	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260377	464-04/03/2011	04/03/2011			
12909	Vương Bá Dũng	17-02-88			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260378	464-04/03/2011	04/03/2011			
12910	Phạm Văn Đạt	06-10-88			VN	Lào Cai	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260379	464-04/03/2011	04/03/2011			
12911	Nguyễn Đình Hào	16-11-88			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260380	464-04/03/2011	04/03/2011			
12912	Tạ Ngọc Hoàn	19-05-88			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260381	464-04/03/2011	04/03/2011			
12913	Nguyễn Quang Hưng	30-09-88			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260382	464-04/03/2011	04/03/2011			
12914	Kiều Ngọc Thanh	06-07-88			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260383	464-04/03/2011	04/03/2011			
12915	Đỗ Văn Thành	19-03-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260384	464-04/03/2011	04/03/2011			
12916	Phan Bá Thắng	25-10-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260385	464-04/03/2011	04/03/2011			
12917	Trần Hữu Thìn	16-09-89			VN	Nghệ An	2007 - 2010	2011	06	TB Khá	CQ	00260386	464-04/03/2011	04/03/2011			
12918	Đặng Huy Thịnh	14-03-89			VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260387	464-04/03/2011	04/03/2011			
12919	Đinh Văn Toàn	24-01-87			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	06	TB Khá	CQ	00260388	464-04/03/2011	04/03/2011			
12920	Đặng Quốc Tuấn	09-03-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	06	Trung bình	CQ	00260389	464-04/03/2011	04/03/2011			
Lớp 59CĐB32																	
12921	Nguyễn Thành Chiến	20-06-85	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	00260390	464-04/03/2011	04/03/2011			
12922	Vũ Ba Đình	18-12-83			VN	Nam Định	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	00260391	464-04/03/2011	04/03/2011			
12923	Nguyễn Việt Hà	12-09-83			VN	Phú Thọ	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	00260392	464-04/03/2011	04/03/2011			
12924	Nguyễn Văn Hùng	02-01-86			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	00260393	464-04/03/2011	04/03/2011			
12925	Nguyễn Tiến Thành	30-03-85			VN	Vĩnh Phúc	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	00260394	464-04/03/2011	04/03/2011			
12926	Đỗ Văn Thắng	01-04-83			VN	Hà Nam	2008 - 2011	2011	06	Trung bình	CQ	00260395	464-04/03/2011	04/03/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Kế toán

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐKT15																	
12927	Bùi Thị Thúy Hường	07-03-87	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	08	Trung bình	CQ	00260396	468-04/03/2011	04/03/2011			
Lớp 58CĐKT4																	
12928	Nguyễn Thị Hậu	10-10-89	Nữ		VN	Phú Thọ	2007 - 2010	2011	08	Khá	CQ	00260397	468-04/03/2011	04/03/2011			
12929	Lê Thị Huế	04-08-89			VN	Ninh Bình	2007 - 2010	2011	08	TB Khá	CQ	00260398	468-04/03/2011	04/03/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐÔ1																	
12930	Lê Quý Bách	14-06-84	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	07	Trung bình	CQ	00260399	466-04/03/2011	04/03/2011			
12931	Trần Cao Bằng	20-04-88		Chưa	VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	07	TB Khá	CQ	00260400	466-04/03/2011	04/03/2011			
12932	Trần Hữu Duyên	07-12-89			VN	Phú Thọ	2007 - 2010	2011	07	Trung bình	CQ	00260401	466-04/03/2011	04/03/2011			
12933	Lê Quang Đạo	11-09-87			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	07	Trung bình	CQ	00260402	466-04/03/2011	04/03/2011			
12934	Thân Văn Hà	16-08-88			VN	Hà Tĩnh	2007 - 2010	2011	07	TB Khá	CQ	00260403	466-04/03/2011	04/03/2011			
12935	Bùi Việt Hà	22-02-88			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	07	TB Khá	CQ	A018486	466-04/03/2011	04/03/2011			
12936	Nguyễn Ngọc Vĩnh	18-08-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	07	Trung bình	CQ	A018487	466-04/03/2011	04/03/2011			
Lớp 58CĐÔ2																	
12937	Nguyễn Bằng Giang	08-01-88	Nam		VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	07	Trung bình	CQ	A018488	466-04/03/2011	04/03/2011			
12938	Vũ Quang Tuân	14-10-87			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	07	Trung bình	CQ	A018489	466-04/03/2011	04/03/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Kế toán

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐKT1																	
12939	Bùi Quang Linh	04-04-89	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018490	530-10/03/2011	10/03/2011			
12940	Nguyễn Như Quảng	28-12-86			VN	Bắc Ninh	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018491	530-10/03/2011	10/03/2011			
12941	Đào Xuân Trường	28-10-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018492	530-10/03/2011	10/03/2011			
Lớp 58CĐKT2																	
12942	Nguyễn Gia Huy	28-09-89	Nam		VN	Hà Nam	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018493	530-10/03/2011	10/03/2011			
12943	Phạm Văn Nguyên	13-01-88			VN	Bắc Giang	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018494	530-10/03/2011	10/03/2011			
12944	Nguyễn Thị Phương	02-06-89	Nữ		VN	Bắc Ninh	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018495	530-10/03/2011	10/03/2011			
12945	Trần Quốc Toản	17-06-89	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018496	530-10/03/2011	10/03/2011			
12946	Vũ Ngọc Tuệ	07-03-87			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	11	Trung bình	CQ	A018497	530-10/03/2011	10/03/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB1																	
12947	Nguyễn Xuân Mạnh	31-12-88	Nam		VN	Quảng Ninh	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018498	530-10/03/2011	10/03/2011			
12948	Nguyễn Duy Minh	16-10-88			VN	Bắc Cạn	2007 - 2010	2011	10	TB Khá	CQ	A018499	530-10/03/2011	10/03/2011			
Lớp 58CĐB2																	
12949	Bùi Văn Cường	15-08-87	Nam		VN	Thanh Hóa	2007 - 2010	2011	10	TB Khá	CQ	A018500	530-10/03/2011	10/03/2011			
12950	Tạ Phương Duy	18-07-89			VN	Vĩnh Phúc	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018501	530-10/03/2011	10/03/2011			
12951	Nguyễn Văn Khanh	23-08-89			VN	Hà Nội	2007 - 2010	2011	10	TB Khá	CQ	A018502	530-10/03/2011	10/03/2011			
12952	Phạm Thế Long	03-12-86			VN	Hải Dương	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018503	530-10/03/2011	10/03/2011			
12953	Nguyễn Văn Tâm	26-06-88			VN	Thái Nguyên	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018504	530-10/03/2011	10/03/2011			
12954	Nguyễn Sơn Tùng	08-03-88			VN	TP Hà Nội	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018505	530-10/03/2011	10/03/2011			
Lớp 58CĐB3																	
12955	Nguyễn Văn Trung	08-09-89	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	10	TB Khá	CQ	A018506	530-10/03/2011	10/03/2011			
12956	Triệu Anh Tuấn	08-06-89			VN	Thái Nguyên	2007 - 2010	2011	10	TB Khá	CQ	A018507	530-10/03/2011	10/03/2011			
12957	Đào Duy Tùng	24-01-90			VN	TP Hà Nội	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018508	530-10/03/2011	10/03/2011			
12958	Nguyễn Thanh Tùng	27-08-89			VN	Thái Nguyên	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018509	530-10/03/2011	10/03/2011			
Lớp 58CĐB4																	
12959	Đỗ Văn Anh	25-04-88	Nam		VN	Hưng Yên	2007 - 2010	2011	10	TB Khá	CQ	A018510	530-10/03/2011	10/03/2011			
12960	Đỗ Như Huân	29-08-89			VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018511	530-10/03/2011	10/03/2011			
Lớp 58CĐB5																	
12961	Trần Hoài Nam	05-06-89	Nam		VN	Nam Định	2007 - 2010	2011	10	Trung bình	CQ	A018512	530-10/03/2011	10/03/2011			

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 58CĐB5																	
12962	Trần Xuân Trường	16-10-90	Nam		VN	Thái Bình	2007 - 2010	2011	10	TB Khá	CQ	A018513	530-10/03/2011	10/03/2011			

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Kế toán doanh nghiệp

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT11																	
12963	Đào Thị Hoàng Anh	23-11-88	Nữ		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018517	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/201		112168719
12964	Nguyễn Thị Mai Anh	02-02-88			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018518	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		183480343
12965	Nguyễn Tuấn Anh	30-04-89	Nam		VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018519	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/201		164390112
12966	Đoàn Thanh Bình	05-08-86			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018520	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		012339490
12967	Nguyễn Thị Chiến	29-05-88	Nữ		VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018521	989-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		K.LLCT
12968	Nguyễn Thị Chỉnh	09-11-89			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018522	989-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		125280170
12969	Nguyễn Thị Minh Chúc	08-08-87			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018523	989-25/05/2011	25/05/2011	24/06/11		164505155
12970	Bùi Trung Cường	10-06-87	Nam		VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018524	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		151744854
12971	Nguyễn Thị Diệp	30-11-88	Nữ		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018525	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		112294347
12972	Vũ Thị Diệu	10-03-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018526	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		162892228
12973	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	15-09-89			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018527	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		
12974	Khương Thị Thuỳ Dương	14-08-85			VN	Thạch Thất,	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018528	989-25/05/2011	25/05/2011	11/06/11		111922695
12975	Nguyễn Trọng Đại	17-01-86	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018529	989-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		112011570
12976	Cao Thị Đông	09-10-89	Nữ		VN	Lương Tài,	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018530	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		125365718
12977	Nguyễn Thị Hương Giang	13-10-87			VN	TP Hải	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018531	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/201		131389867
12978	Lê Thanh Hà	15-07-88			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018532	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		Lê Thanh Hà
12979	Nguyễn Thu Hà	05-12-87			VN	Yên Bái	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018533	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		166807171
12980	Nguyễn Thị Hằng	24-10-86			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018534	989-25/05/2011	25/05/2011	13/6/11		162874184

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT11																	
12981	Lê Thị Hân	30-06-89	Nữ		VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A018535	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hân	183 006 827
12982	Triệu Thị Hậu	18-06-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018536	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hậu	012185070
12983	Mai Thị Hiền	03-10-83			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018537	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hiền	172094582
12984	Nguyễn Thị Hiền	04-06-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018538	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hiền	173024407
12985	Dương Mai Hoa	15-10-85			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018539	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hoa	09CLC0131
12986	Đinh Thị Hoa	01-10-89			VN	Đắc Lắc	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018540	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hoa	241215090
12987	Nguyễn Thị Phương Hoa	17-10-89			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A018541	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hoa	050556962
12988	Ngô Thị Hoài	05-03-88			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018542	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hoài	162953458
12989	Nguyễn Thị Hồng	13-03-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018543	989-25/05/2011	25/05/2011	14/6	Hồng	112171409
12990	Trần Thị Hường	06-06-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018544	989-25/05/2011	25/05/2011	02/08/11	Hường	112112957
12991	Lê Đình Khánh	14-10-87	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018545	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Khánh	112115631
12992	Nguyễn Trần Khánh	11-05-88			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018546	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Khánh	012790441
12993	Vũ Thị Lan	02-10-86	Nữ		VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018547	989-25/05/2011	25/05/2011	20/09/2011	Lan	151552080
12994	Cao Thị Liên	06-02-87			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018548	989-25/05/2011	25/05/2011	24/6/2011	Liên	121716588
12995	Nguyễn Thị Ngọc Liên	19-12-87			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018549	989-25/05/2011	25/05/2011	13/6/2011	Liên	164329189
12996	Vũ Mỹ Linh	21-03-88			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018550	989-25/05/2011	25/05/2011	16/6/011	Linh	Phó Đào
12997	Đoàn Thành Luân	07-02-89	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018551	989-25/05/2011	25/05/2011	16/06/11	Luân	111161574
12998	Nguyễn Văn Mạnh	13-05-87			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018552	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11	Mạnh	142235044
12999	Vũ Thị Mạnh	15-04-86	Nữ		VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018553	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Mạnh	012392214
13000	Nguyễn Thị Hồng Minh	30-04-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018554	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Minh	151729556
13001	Ngô Thị Trà My	02-07-89			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018555	989-25/05/2011	25/05/2011	11/11/11	My	012594408

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT11																	
13002	Vũ Thị Na	11-11-88	Nữ		VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018556	989-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011	Na	162909936
13003	Lê Thị Bích Ngân Nga	19-10-85			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018557	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Nga	091202891
13004	Nguyễn Thị Ngạn	15-07-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018558	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Ngan	112189152
13005	Nguyễn Thị Nghĩa	03-10-88			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018559	989-25/05/2011	25/05/2011	9/8/11	Nghĩa	172639546
13006	Trương Thị Oanh	27-08-84			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018560	989-25/05/2011	25/05/2011	10/8/11	Oanh	172094968
13007	Đậu Hà Phương Phương	25-08-87			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018561	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Phg	186197161
13008	Nguyễn Thị Bích Phương	01-06-89			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018562	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Phương	168300627
13009	Đỗ Thị Như Quỳnh	12-06-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018563	989-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011	Quỳnh	151615345
13010	Bùi Thị Kim Thanh	29-06-86			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018564	989-25/05/2011	25/05/2011	19/07/11	Kthanh	131150275
13011	Cù Thị Thu Thanh	07-02-84			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018565	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Thanh	131425493
13012	Nguyễn Thị Thanh	20-03-89			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018566	989-25/05/2011	25/05/2011	17/9/2011	Thanh	172931226
13013	Khiếu Thị Thu Thảo	15-11-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018567	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Thảo	111897346
13014	Hà Thị Thái	26-07-89			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018568	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Thái	
13015	Vũ Thị Thắm	27-06-87			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018569	989-25/05/2011	25/05/2011	13/9/11	Thắm	031475484
13016	Đào Thị Thoa	25-10-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018570	989-25/05/2011	25/05/2011	9/9/2011	Thoa	172726358
13017	Phạm Phương Thu	16-05-87			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018571	989-25/05/2011	25/05/2011	26/08/2011	Thu	164314515
13018	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	19-09-88			VN	Tỉnh Hà	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018572	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Thuỷ	073188033
13019	Phạm Thị Thuý	08-09-86			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018573	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	KT: Tạ 164139779	
13020	Vũ Thị Thứa	18-06-84			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018574	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Thứa	145114262
13021	Đặng Thị Huyền Trang	30-04-87			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018575	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Trang	164321189
13022	Kim Thị Trang	11-10-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018576	989-25/05/2011	25/05/2011	20/9/2011	Trang	112611195

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT11																	
13023	Nguyễn Thị Trang	05-10-89	Nữ		VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018577	989-25/05/2011	25/05/2011	09/06/2011	Trang	121918711
13024	Nguyễn Thanh Tuấn	10-07-86	Nam		VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018578	989-25/05/2011	25/05/2011	12/07/2011	Tuấn	168133.859
13025	Nguyễn Thị Anh Tuyết	20-06-86	Nữ		VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018579	989-25/05/2011	25/05/2011	13/7/2011	Tuyết	01 240 3001
13026	Nguyễn Thị Tuý	09-09-89			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018580	989-25/05/2011	25/05/2011	17/6/11	Tuý	145315033
13027	Nguyễn Anh Tú	10-04-88			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018581	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Tú	Nguyễn Anh Tú
13028	Nguyễn Thị Hồng Vân	24-01-88			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018582	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Vân	145322166
13029	Nguyễn Thị Thuý Vân	20-12-89			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018583	989-25/05/2011	25/05/2011	28/10/11	Vân	132035458
13030	Lê Quang Vĩnh	04-09-88	Nam		VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018584	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6	KT Dũng	Tổ giáng thông
13031	Lâm Thị Xuân	25-04-89	Nữ		VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A018585	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Xuân	162384496
13032	Phan Thị Hải Yến	10-09-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018586	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Yến	111727673
Lớp 60CDKT12																	
13033	Nguyễn Lê Anh	23-12-89	Nữ		VN	TP Hải	2009 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A018587	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Anh	031510624
13034	Đào Thu Cúc	14-10-86			VN	Hòa Bình	2009 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A018588	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Cúc	113213471
13035	Nguyễn Thị Ngọc Cúc	10-02-87			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018589	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Cúc	168220193
13036	Giang Thị Diện	22-08-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018590	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Diện	151680738
13037	Bùi Thanh Dung	13-08-89			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018591	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Dung	012841705
13038	Triệu Thị Thuỳ Dung	22-04-88			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018592	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Dung	012565824
13039	Nguyễn Thị Đào	12-10-89			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018593	989-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011	Đào	112384194
13040	Nguyễn Thị Điệp	12-08-88			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018594	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Điệp	168276017
13041	Nguyễn Thị Giang	03-05-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018595	989-25/05/2011	25/05/2011	13/06/2011	Giang	151824251
13042	Nguyễn Thị Lệ Giang	13-06-89			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018596	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Giang	132047391

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT12																	
13043	Vũ Thị Hồng Hạnh	03-09-89	Nữ		VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018597	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Hạnh	162939822
13044	Nguyễn Thị Hiền	05-06-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018598	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Hiền	172861807
13045	Trương Thị Thanh Hinh	24-01-87			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018599	989-25/05/2011	25/05/2011			
13046	Dương Thị Hoa	25-08-89			VN	Thái Nguyên	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018600	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Hoa	091620382
13047	Nguyễn Thị Hoa	01-01-88			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018601	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Hoa	183481760
13048	Bùi Thị Hoà	21-08-84			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018602	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Bùi	151429658
13049	Bùi Thị Ngọc Hoài	15-10-89			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018603	989-25/05/2011	25/05/2011	24/6/2011	Hoài	183746315
13050	Trần Thị Hoá	04-12-87			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018604	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Hoa	183500129
13051	Lê Thị Thanh Huệ	27-01-87			VN	Lạng Sơn	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018605	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Huệ	082001713
13052	Trình Thị Thanh Huyền	01-06-87			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018606	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Huyền	131457810
13053	Phạm Thị Huynh	05-11-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018607	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11	Huynh	151590596
13054	Phùng Thị Hương	23-02-87			VN	Vĩnh Phúc	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018608	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Hương	135263479
13055	Đặng Thị Hường	19-04-86			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018609	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Hường	111776669
13056	Vũ Hà Lan	07-06-89			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A018610	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011	Lan	132047606
13057	Bùi Thị Liên	05-07-87			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018611	989-25/05/2011	25/05/2011	13/6/2011	Liên	162879773
13058	Đinh Thị Liên	06-08-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018612	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Liên	151710142
13059	Vũ Thị Hồng Liên	08-11-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018613	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Liên	162547870
13060	Nguyễn Thị Diệu Linh	05-11-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018614	989-25/05/2011	25/05/2011			
13061	Đào Hồng Lĩnh	01-03-83	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018615	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Lĩnh	111801629
13062	Nguyễn Huy Lợi	23-11-85			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018616	989-25/05/2011	25/05/2011	12/6/2011	Lợi	012541916
13063	Phạm Thị Ly	20-05-88	Nữ		VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018617	989-25/05/2011	25/05/2011	20/9/11		

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT12																	
13064	Trần Thị Lý	22-12-86	Nữ		VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018618	989-25/05/2011	25/05/2011	12/6/11	Lý	172985544
13065	Nguyễn Thị Mai	08-02-89			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018619	989-25/05/2011	25/05/2011	9/8/11	Mai	186740324
13066	Bùi Thị Mây	23-09-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018620	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		112189625
13067	Đỗ Thị Mơ	26-10-88			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018621	989-25/05/2011	25/05/2011	26/7/11		168283785
13068	Nguyễn Thị Ngà	12-12-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018622	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Ngà	112203069
13069	Tống Thị Ngân	09-12-87			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	Khá	CQ	A018623	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	Ngan	164356888
13070	Đinh Thị Ngần	10-03-89			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018624	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011	Ngần	038189052
13071	Phan Trọng Nghĩa	04-08-88	Nam		VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018625	989-25/05/2011	25/05/2011		Nghĩa	MCQ
13072	Hoàng Bích Ngọc	13-11-88	Nữ		VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018626	989-25/05/2011	25/05/2011	1-0-6	Ngọc	QT HS
13073	Nguyễn Thị Nhài	08-03-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018627	989-25/05/2011	25/05/2011	12/08	Nhài	151679342
13074	Nguyễn Thị Nhớ	30-12-85			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018628	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		168142330
13075	Nguyễn Thị Nhung	03-08-89			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018629	989-25/05/2011	25/05/2011	18/7/2013		183625797
13076	Bùi Thị Như	18-09-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018630	989-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011		151785889
13077	Nguyễn Thị Oanh	09-07-86			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018631	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		125286005
13078	Nguyễn Thị Phương	01-08-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018632	989-25/05/2011	25/05/2011	14/6/2011		172769456
13079	Đỗ Thị Bích Phượng	08-11-88			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018633	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		151670375
13080	Nguyễn Thị Phượng	18-02-88			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018634	989-25/05/2011	25/05/2011	12/7/11	Phượng	164374169
13081	Nguyễn Thị Quế	24-04-87			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018635	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		151750635
13082	Đào Thị Thao	16-02-86			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018636	989-25/05/2011	25/05/2011	5/08/11		168120121
13083	Nguyễn Phương Thảo	16-03-86			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018637	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11	KT thực	MC-QT
13084	Nguyễn Thị Thảo	20-10-86			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018638	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/11		172896367

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDKT12																	
13085	Trịnh Thị Thêm	10-02-88	Nữ		VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018639	989-25/05/2011	25/05/2011	13/09/11		173437872
13086	Nguyễn Thị Thơm	30-05-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018640	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		112274873
13087	Nguyễn Thị Thuyết	21-01-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018641	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		112301579
13088	Đỗ Ngọc Thuý	25-06-89			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018642	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		01626 33180
13089	Đỗ Thị Phương Thuý	06-07-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	Trung bình	CQ	A018643	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		112098575
13090	Trần Thanh Thuý	02-08-81			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018644	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		012218099 112098575
13091	Phạm Thị Thanh Toan	22-05-88			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A018645	989-25/05/2011	25/05/2011	05/8/2011		164315525
13092	Dương Thị Huyền Trang	26-05-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026784	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		112 118 969
13093	Lê Bật Tuân	29-09-88	Nam		VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026785	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		172926838
13094	Nguyễn Thị Kim Tuyến	10-07-89	Nữ		VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026786	989-25/05/2011	25/05/2011	10/06/2011		168310423
13095	Tạ Thị Tuyết	12-08-88			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026787	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		121684900
13096	Hà Thị Cẩm Vân	10-12-89			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026788	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		063276224
13097	Nguyễn Thị Kim Vân	04-05-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026789	989-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011		125195621
13098	Nguyễn Thị Xuân	25-06-88			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026790	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		112073446
13099	Lê Thị Yên	12-10-88			VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026791	989-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		132289395
13100	Vũ Thị Hải Yến	10-10-86			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	08	TB Khá	CQ	A026792	989-25/05/2011	25/05/2011			HCQ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP BẰNG TN CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

Ngành Công nghệ kỹ thuật XD cầu đường

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 59CĐB30																	
13101	Đặng Văn Thành	14-02-83	Nam		VN	Hà Nam	2008 - 2010	2011	01	Trung bình	CQ	A026793	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011		168178727
Lớp 60CDB26																	
13102	Nguyễn Văn An	10-01-85	Nam		VN	Phú Thọ	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026794	991-25/05/2011	25/05/2011	29/5/2012		131558970
13103	Nguyễn Thị Lan Anh	18-03-83	Nữ		VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026795	991-25/05/2011	25/05/2011	25/3/12		
13104	Hoàng Văn Chiến	30-07-84	Nam		VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026796	991-25/05/2011	25/05/2011	7/2/12		080520899
13105	Phan Thanh Chung	25-08-84			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026797	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/2011		186100281
13106	Lê Trọng Dũng	05-02-87			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026798	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/2011		172862205
13107	Đồng Đức Đại	18-12-89			VN	Phú Xuyên,	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026799	991-25/05/2011	25/05/2011	12/07/2011		026799
13108	Bùi Thế Đoàn	11-02-85			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026800	991-25/05/2011	25/05/2011	06/05/2012		145137327
13109	Nguyễn Như Đức	24-05-87			VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026801	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/11		112063997
13110	Nguyễn Đức Hải	18-07-86			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026802	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		186040821
13111	Nguyễn Mạnh Hà	27-06-83			VN	Thái Bìn	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026803	991-25/05/2011	25/05/2011	9/8/11		154435728
13112	Hoàng Văn Hoàn	12-10-87			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026804	991-25/05/2011	25/05/2011	29/06/11		121761892
13113	Lường Thế Hoàng	19-11-88			VN	Điện Biên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026805	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		040357623
13114	Nguyễn Huy Hoàng	14-10-83			VN	Nghệ An	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026806	991-25/05/2011	25/05/2011	17/06/2011		
13115	Nguyễn Văn Hoạch	19-07-87			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026807	991-25/05/2011	25/05/2011	21/06/2011		
13116	Nguyễn Huy Huế	31-12-82			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026808	991-25/05/2011	25/05/2011	24/5/2012		
13117	Vũ Ngọc Huy	28-07-80			VN	TP Hải	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026809	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		

Số vào sổ	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Nơi sinh	Khoá học	Năm TN	Mã ngành ĐT	Loại tốt nghiệp	Hình thức ĐT	Số hiệu bằng	Số QĐ & ngày quyết định	Ngày cấp bằng	Ngày nhận bằng	Ký nhận bằng	Ghi chú
Lớp 60CDB26																	
13118	Nguyễn Cao Huy	22-06-88	Nam		VN	Điện Biên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026810	991-25/05/2011	25/05/2011	05/07/11		040354216
13119	Nguyễn Thanh Hùng	10-06-83			VN	Cao Bằng	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026811	991-25/05/2011	25/05/2011	12/7/11		080470458
13120	Mai Duy Hưng	15-10-85			VN	Nam Định	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026812	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/11		162790431
13121	Trần Đăng Khôi	15-08-85			VN	Ninh Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026813	991-25/05/2011	25/05/2011	14/6/11		164236288
13122	Lê Đức Linh	02-09-84			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026814	991-25/05/2011	25/05/2011	18/11		172332278
13123	Nguyễn Văn Lĩnh	04-07-79			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026815	991-25/05/2011	25/05/2011	24/6/11		121390628
13124	Trần Quốc Lợi	01-01-86			VN	Hải Dương	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026816	991-25/05/2011	25/05/2011	30/8/11		142263252
13125	Nguyễn Sỹ Nam	16-06-89			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026817	991-25/05/2011	25/05/2011	22/7/11		151710880
13126	Phạm Viết Ngãi	10-09-78			VN	Thanh Hóa	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026818	991-25/05/2011	25/05/2011	17/6/2011		171672254
13127	Nguyễn Thị Như	27-11-88	Nữ		VN	Trực Ninh,	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026819	991-25/05/2011	25/05/2011	10/6/2011		017202060
13128	Nguyễn Văn Phú	06-08-88	Nam		VN	Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026820	991-25/05/2011	25/05/2011	24/07/2012		112249176
13129	Trần Đức Phú	07-06-89			VN	Lào Cai	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026821	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		063170746
13130	Đặng Văn Quí	14-11-86			VN	Hưng Yên	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026822	991-25/05/2011	25/05/2011	12/7/11		026822
13131	Vũ Chí Quyền	26-03-87			VN	TP Hà Nội	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026823	991-25/05/2011	25/05/2011	19/07/11		142285629
13132	Đinh Công Tân	12-08-86			VN	Hà Nam	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026824	991-25/05/2011	25/05/2011	21/6/11		168116952
13133	Phạm Văn Thành	12-07-87			VN	Sơn La	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026825	991-25/05/2011	25/05/2011	22/6/11		111865810
13134	Nguyễn Trọng Thắng	24-05-87			VN	Điện Biên	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026826	991-25/05/2011	25/05/2011	02/07/11		062355086
13135	Ngô Tiến Thắng	16-09-88			VN	Bắc Ninh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026827	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		125234784
13136	Nguyễn Văn Thắng	02-09-84			VN	Hà Tĩnh	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026828	991-25/05/2011	25/05/2011	8/07/11		183425433
13137	Nguyễn Văn Thế	14-03-86			VN	Thái Bình	2009 - 2011	2011	01	Trung bình	CQ	A026829	991-25/05/2011	25/05/2011	14/06/11		151700540
13138	Nguyễn Văn Thịnh	18-04-87			VN	Bắc Giang	2009 - 2011	2011	01	TB Khá	CQ	A026830	991-25/05/2011	25/05/2011	24/06/11		121676135